



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



*Vu Lan —
Mùa Báo Hiếu*

129

THÁNG 8.2022



SỐ 129
THÁNG 8.2022

Nguyệt san

CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **Đặng Thị Quế Phượng**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:
(714) 266-4171

• Chỉ phiếu ủng hộ xin ghi:
CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840
hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**
(Memo ghi "Ủng hộ CP" -
xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- **THÔNG BẠCH VU LAN PL. 2566** (HĐGP – GHPGVNTNHHK), trang 6
- **NGHIÊN CỨU THỨC THỨ TÁM, t.t.** (HT. Thích Thắng Hoan dịch), trang 7
- **AN CƯ KIẾT HẠ NHÂM DẦN – 2022** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 9
- **VU LAN, MÙA MƠ NHỮNG SỢI DÂY TREO NGƯỢC** (Thích Thái Hòa), trang 10
- **CON ĐƯỜNG CỦA TỰ DO** (Nguyễn Thế Đăng), trang 12
- **NGẮM TRỜI CHIỀU, THIỀN MÔN TỊCH TĨNH** (thơ TN Thích Chúc Hiền), trang 13
- **MẸ TÔI** (Nguyễn Siêu), trang 14
- **TRONG CA DAO ĐỜI MẸ, KHÚC GIAO MÙA...** (thơ Tôn Nữ Mỹ Hạnh), trang 16
- **THUYẾT PHÁP CHO CHA MẸ** (Quảng Tánh), trang 17
- **RẼM THÁNG BÀY, NGÀY HỘI HIẾU** (thơ Đồng Thiện), tr. 18
- **ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU: HT THÍCH NHƯ MINH VIÊN TỊCH** (GHPGVNTNHHK), trang 19
- **CHIẾN TRANH VÀ BẤT BAO ĐỘNG, t.t.** (HT. Thích Quảng Độ dịch), trang 19
- **TRẦN GIAN LÀ QUÁN TRỢ** (TN Hằng Như), trang 22
- **CHỜ MẸ VỀ CHỢ, CŨNG BẦY NHIỀU THÔI** (thơ QT Trần Cầm), trang 24
- **CẦU NGUYỆN CHO NGƯỜI ĐÃ KHUẤT THEO TÌNH THÂN PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY** (TN Huệ Quang), trang 25
- **VU LAN NHỚ MẸ, THIẾU MẸ, MẸ...** (thơ Minh Đạo), trang 29
- **PHÁP CỦA BẠC THIÊN NHÂN – Phật Pháp Thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 30
- **CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN GIÁC NGỘ / TRỜI VÀO THU** (TM Ngộ Tăng Giao), trang 31
- **ÂN ĐỨC THỂ ĐỘ PHÚ PHÁP TÔN SƯ** (Thích Thông Đạo), trang 32
- **KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ** (HT Thích Tuệ Uy), trang 34
- **CÔNG VIÊN, CHIỀU NGHI NGẠI...** (Nguyễn Ngọc Tư), tr. 39
- **LÌA TẮT CÀ, ĐỂ SỐNG MỘT MÌNH** (Nguyễn Giác), trang 40
- **THÁNG TÁM, TRĂNG THU HIỆN...** (thơ Huệ Trân), trang 41
- **CHĂM SÓC CHA MẸ LÚ LẼN** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 42
- **PHẬT PHÁP CON ĐƯỜNG ĐỎ, THIỀN VÀ THƠ** (thơ Diệu Viên), trang 43
- **TÀN MẠN MÙA VU LAN** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 44
- **NGÀY BÁO HIẾU, CHÚC VỀ PHƯƠNG MẸ** (thơ Lưu Lăng Khách), trang 45
- **HIẾU HẠNH CHÂN THÀNH** (Tâm Không Vĩnh Hữu), trang 46
- **MONG VỀ CỔ QUẬN** (thơ TN Giới Định), trang 47
- **RONG BIỂN CUỘN TÀU HỮ KÝ KHO TIÊU** (G. Phượng), tr. 48
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N), trang 49
- **HÃY SỐNG HIẾU THẢO VỚI MẸ CHA** (Đào Mạnh Xuân), tr. 51
- **MẸ ƠI THÁNG BÀY LẠI VỀ, VẪN CÒN** (thơ Giác Nhẫn TT), tr. 52
- **THE STORY OF THEIR KHEMA** (Daw Tin), trang 53
- **KHÓA AN CƯ KIẾT HẠ 2022 TẠI TV PHÁP VƯƠNG** (Hoa Vô Ưu), trang 54
- **LUYỆN ÁI VÀ HẬN THÙ...** (Phạm Huệ dịch), trang 56
- **MƯA THÁNG BÀY, VỀ LẠI CÁNH ĐỒNG...** (thơ Tịnh Bình), trang 57
- **ẨM TRÀ PHÚC ĐỨC** (Truyện cổ Phật giáo), trang 57
- **CHÂN TÂM TĨNH LẶNG** (thơ Hoàng Thục Uyên), trang 60
- **NGÕ THOÁT – chương 14, t.t.** (truyện dài Vĩnh Hào), trang 61

Báo Chánh Pháp số 129, tháng 08 năm 2022, do Thiền Viện Chánh Pháp (Oklahoma, OK) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

QUÁN NIỆM MÙA VU LAN

Quán niệm về nhân duyên hình thành đời sống chúng ta, hình thành con người xã hội, hình thành đất nước, và hình thành thế gian. Tất cả cuộc hình thành này đều từ nhân duyên.

- Từ nhân duyên duyên ái, hòa hợp, cha mẹ đã sinh ra, nuôi nấng, dạy dỗ chúng ta. Dù việc sinh thành chúng ta mang mục đích và ý nghĩa nào, và dù cha mẹ có thương yêu hay không thương yêu chúng ta, ơn sinh thành dưỡng dục ảnh hưởng cả cuộc đời chúng ta vẫn là điều cần ghi nhớ.
- Từ nhu cầu hiểu biết, nhu cầu tâm linh, chúng ta được hướng dẫn, giáo dục bởi những vị thầy trong học đường (dạy chữ, dạy nghề) hay trong tôn giáo (dạy giáo lý, đạo đức căn bản), để có tri thức và kinh nghiệm mà bước vào cuộc sống xã hội. Hành trang mà chúng ta được trang bị để đi vào cuộc đời một cách vững chắc chính là nhờ những vị thầy ấy. Ơn giáo dục ảnh hưởng cả cuộc đời chúng ta vẫn là điều cần ghi nhớ.
- Cuộc sống trật tự, ổn định và an bình mà chúng ta được hưởng hôm nay là từ các định chế xã hội, định chế quốc gia, trải bao triều đại và thể chế chính trị, đã thiết lập, chinh đồn, sao cho phù hợp với ý nguyện số đông và hoàn cảnh làng nước. Tất nhiên không có một định chế nào được hoàn bị để thỏa mãn tất cả mọi người dân, nhưng gầy dựng một trật tự qui ước từ trung ương đến hạ tầng cơ sở là cả một công trình, một bề dày kinh nghiệm của máu xương mà cha ông chúng ta để lại. Nhờ trật tự và an sinh xã hội của quốc gia mà cuộc sống thường nhật của chúng ta được ổn định, ngăn nắp, an tâm trong những năm dài cuộc đời. Ơn này không thể nào quên.
- Tất cả những ơn nói trên (cha mẹ, thầy dạy, làng nước) là những ơn mà chúng ta trực tiếp thọ nhận, hoặc hệ thuộc như là một thành phần trong tổng thể đời sống. Nhìn sâu hơn, chúng ta còn gián tiếp hàm ơn tất cả những con người, động vật, thực vật, xã hội, quốc gia, đại lục, hành tinh... dù gần hay xa. Qua đó, tất cả đều có một liên hệ nào đó, chẳng chít, đan xen, giữa nơi này với nơi kia, dù ở hàng xóm hay cách xa mấy đại dương, vẫn tương quan, tương hệ trùng trùng. Cụ thể, một cây tre ở làng mạc Việt Nam có thể hóa thân thành bó đũa ở châu Âu; một cây bông vải ở châu Phi có thể hiện hữu nơi chiếc áo bán tại châu Á... Dù những con người và vật chúng ta hàm ơn hay thọ dụng không hề nhận thức đã trao tặng chúng ta bó đũa, áo quần, cái ớn gián tiếp đi vào cuộc sống thường nhật của chúng ta vẫn là điều cần ghi nhớ.

Thi ân không cần nhớ; thọ ân chớ nên quên (1). Đó là hành xử đạo đức nền tảng của người xưa. Nhưng hành xử đẹp, phong nhã, lịch thiệp, quang minh như vậy thì không bao giờ lỗi thời; có thể áp dụng cho mọi thời đại, mọi xứ sở, và áp dụng hàng ngày như là tinh thần cốt lõi của Vu Lan.

Làm ơn mà cứ nhắc, cứ kể mãi mãi thì chẳng khác gì mong cầu sự đền đáp. Không quên những ơn nặng của cuộc đời chính là tâm xử của người hiền thiện, luôn nghĩ đến lợi ích tha nhân.

Quán niệm mùa Vu Lan không phải chỉ nhớ ân cha mẹ, không phải chỉ cài hoa hồng hoa trắng tưởng nhớ mẹ, mà nên là dịp để nhớ đến bốn ân nặng của cuộc đời (2); nhớ tưởng sâu sắc thì sẽ dẫn đến hành động báo đền.

Tùy theo hoàn cảnh, điều kiện, nếu không thể trực tiếp báo ân thì nên vì bốn ân nặng mà hết lòng làm những việc lành, tránh làm điều gì gây tổn hại đến đồng loại và chúng sinh; công dân của đất nước (tự do, dân chủ) phải có trách nhiệm tuân thủ luật pháp, bảo vệ hiến pháp, đóng thuế, sử dụng lá phiếu để chọn người lãnh đạo và chính sách thực sự ích quốc lợi dân; công dân của hành tinh cần tích cực góp sức chống nghèo, cứu đói, cứu trợ thiên tai, bảo vệ nhân quyền, bảo vệ môi trường xanh cho trái đất như bảo vệ chính cuộc sống của mình, của gia đình, xã hội, và làng nước.

Thường xuyên quán niệm như vậy thì tinh thần giải trừ trói buộc (3) và báo ân của Vu Lan sẽ chan hòa, phổ cập trong đời sống hàng ngày của chúng ta.

- 1) "*Thí huệ vô niệm, thọ ân mạc vong*," theo Wikisource tiếng Trung thì được trích từ Chu Tử Gia Huấn (còn gọi là Chu Tử Trị Gia Cách Ngôn) của Chu Dung Thuần (1617 - 1688). Sách Phật cũng nói "*Thi ân bất cầu báo, dĩ nhân bất tri hồi*" (Làm ơn không cần báo đáp, đã cho người khác rồi thì đừng nghĩ lại rồi hối tiếc) là cùng ý nghĩa này.
- 2) Tứ trọng ân: ân cha mẹ, thầy dạy, quốc gia và chúng sinh (tùy theo bối cảnh, thời đại và phong tục của từng xứ sở mà có sự trình bày bốn ơn này khác nhau; chẳng hạn có kinh Phật nói bốn ơn nặng là ân Cha mẹ, Tam bảo, Quốc vương và Đàn-na).
- 3) Giải đảo huyền: dịch ý kinh Vu-lan-bồn (Sanskrit: Ullambana), là cởi trói, cứu vớt người khổ nạn (bị treo ngược, hành hạ) nơi cõi âm; có thể suy diễn là thực hiện ban vui cứu khổ đến tất cả chúng sinh trên đời.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

NHẬT BẢN: Chư tăng Phật giáo cầu nguyện cho các nạn nhân của chiếc tàu Kazu I bị chìm

Tại thị trấn Shari, tỉnh Hokkaido vào ngày 26-6-2022, các nhà sư Phật giáo đã tổ chức lễ tang 6 cho những nạn nhân của một chiếc thuyền du lịch - với 26 hành khách và thành viên thủy thủ đoàn - bị chìm ngoài khơi bán đảo Shiretoko ở tỉnh này vào cuối tháng 4.

Trong lễ tưởng niệm hàng năm được tổ chức tại hội trường Shiretoko Sando này, chư tăng đến từ các ngôi chùa nổi tiếng và khoảng 400 cư dân đã cầu nguyện cho việc sớm tìm thấy những người vẫn mất tích.

Các nhà sư cầu nguyện trước một bàn thờ với những tấm bảng dành riêng cho các nạn nhân được đặt phía sau nó. Các tấm bảng tưởng niệm này được thực hiện bởi Yasuki Fukushima, 79 tuổi, sư trưởng của chùa Hoshoji, và Tainen Miyagi, 90 tuổi, sư trưởng chính của chùa Shogoin.

Khoảng 15 nhà sư đã tham gia sự kiện, bao gồm những người đến từ chùa Horyuji ở tỉnh Nara, Tổ chức Phật giáo Kyoto, và chùa Hoshoji ở Tokyo, cùng với một số ngôi chùa ở Kyoto - bao gồm: chùa Shogoin, Kiyomizudera, Daikokuji và Sennyuji.

(NewsNow - July 3, 2022)



Chư tăng cầu nguyện cho các nạn nhân của chiếc tàu Kazu I bị chìm

Photo: Takumi Okada

THÁI LAN: Thành phố Ubon Ratchathani tổ chức Lễ hội Nến nhân Mùa Chay Phật giáo

Thành phố Ubon Ratchathani tổ chức Lễ hội Nến hàng năm từ ngày 11 đến 17-7 để đánh dấu Ngày Khao Phansa - bắt đầu của Mùa Chay Phật giáo.

Những người hành hương theo đạo Phật cúng dường chư tăng thực phẩm và những thứ cần thiết, như áo cà sa và đèn, vì họ không được phép rời khỏi chùa trong 3 tháng, để nghiên cứu giáo pháp và thiền định mà không bị gián đoạn.

Các thể hệ trẻ hơn được chào đón đến xem và học cách chạm khắc những ngọn nến sáp bằng các kỹ thuật cổ xưa khi một nhóm nghệ sĩ chuyên nghiệp chuẩn bị cho lễ hội sắp diễn ra tại các chùa trong tuần này. Mỗi tác phẩm nghệ thuật dài khoảng 11m và rộng 3m mô tả cuộc đời của Đức Phật, các sinh vật thần thoại Himmaphan và sử thi Ramakien.

Năm nay, lễ rước nến bằng sáp nổi bật sẽ diễn hành quanh thành phố trên đường đến chùa Thung Sri Muang, nằm ở trung tâm của Ubon Ratchathani. Dân làng từ 5 cộng đồng sẽ giới thiệu cách sống và bản sắc của họ thông qua các buổi trình diễn văn hóa, trình bày đức nền và làm nến cũng như bán các sản phẩm địa phương.

(Bangkok Post - July 5, 2022)



Lễ hội Nến nhân Mùa Chay Phật giáo được tổ chức tại Thành phố Ubon Ratchathani, Thái Lan



Photos: Bangkok Post

SINGAPORE: Tu viện Foo Hai Ch'an tài trợ Học bổng Nghiên cứu Phật học, Học bổng Nghiên cứu sinh tại Đại học Quốc gia Singapore

Foo Hai Ch'an, một tu viện Phật giáo ở Singapore, đã tài trợ 1.125 triệu Singapore (800,000 usd) cho Đại học Quốc gia Singapore (NUS) để hỗ trợ các ứng viên nghiên cứu sau đại học tập trung vào nghiên cứu Phật học.

Hòa thượng Ming Yi, trụ trì Tu viện Foo Hai Ch'an, và chủ tịch tu viện, Tiến sĩ Aaron See đã trao ngân phiếu cho Phó Giáo sư Loy Hui Chieh, Phó trưởng khoa Quan hệ Đối ngoại và Đời sống Sinh viên, trong một buổi lễ vào ngày 28-6-2022. Học bổng do nguồn tài trợ cung cấp sẽ có thời hạn lên đến 2 năm đối với ứng viên trình độ thạc sĩ và tối đa 4 năm đối với ứng viên tiến sĩ.

"Tu viện Foo Hai Ch'an

đã quyên góp 200,000 đô la Singapore (143,000 usd) để thành lập Học viện Tu viện Foo Hai Ch'an vào năm ngoái, và chúng tôi muốn tiếp tục xem chúng tôi có thể hỗ trợ NUS như thế nào," Hòa thượng Ming Yi nói. "Chúng tôi rất vui khi được hợp tác với NUS để nghiên cứu sâu hơn về Phật học, và hỗ trợ quỹ dành cho nghiên cứu sinh về Phật học cũng như quỹ dành cho học bổng sau đại học về nghiên cứu Phật học."

(Buddhistdoor Global - July 4, 2022)



Từ trái sang: Hòa thượng Ming Yi, Tiến sĩ See và Phó Giáo sư Loy tại lễ tài trợ học bổng nghiên cứu Phật giáo
Photo: NUS



Tu viện Foo Hai Ch'an, Singapore
Photo: streetdirectory.com

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma khánh thành một thư viện và bảo tàng để đánh dấu sinh nhật lần thứ 87 của ngài

DHARMSALA, Ấn Độ - Nhà lãnh đạo tinh thần Tây Tạng, Đức Đạt lai Lạt ma đã đánh dấu sinh nhật lần thứ 87 của mình vào ngày 6-7 bằng việc khánh thành một thư viện và bảo tàng tại trụ sở ở Ấn Độ trên sườn đồi của ngài.

Ngài được sự cổ vũ của đông đảo tín đồ, trong đó có nam diễn viên người Mỹ Richard Gere, một đệ tử lâu năm.

Hàng trăm sinh viên, nhà sư và cư dân địa phương đã cầu nguyện cho sức khỏe và cuộc sống của Đức Đạt lai Lạt ma tại

chùa Tsuglakhang, gần nơi cư trú của ngài.

Thư viện và Bảo tàng Đạt lai Lạt ma chứa các hiện vật, những lời dạy và sách của ngài về cuộc đời và cuộc đấu tranh cho quyền tự trị của người Tây Tạng và bảo vệ nền văn hóa Phật giáo bản địa của nó.

Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi đã có cuộc nói chuyện với Đức Đạt lai Lạt ma qua điện thoại và chúc ngài an lành nhân ngày sinh nhật.

(AP - July 6, 2022)



Đức Đạt lai Lạt ma trong ngày sinh nhật lần thứ 87 của ngài
Photo: Ashwini Bhatia

PAKISTAN: Phim tài liệu về di sản Phật giáo ở Pakistan

Đại sứ quán Pakistan tại Hàn Quốc đã sản xuất một bộ phim tài liệu "Di sản Phật giáo của Pakistan" để làm sáng tỏ lịch sử và di sản Phật giáo phong phú của đất nước Nam Á này.

Pakistan là quê hương của một trong những nền văn minh lâu đời nhất trên thế giới và có cấu trúc xã hội và văn hóa độc đáo, bao gồm các nền văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ và sắc tộc đa dạng.

Mặc dù có tên gọi chính thức là Cộng hòa Hồi giáo, nhưng Pakistan là nơi khởi nguồn của Phật giáo Đại thừa, một trong 2 nhánh chính của tôn giáo này (vốn là nhánh chính ở Hàn Quốc), và đại sứ quán Pakistan có mục đích quảng bá di sản Phật giáo của mình tới người Hàn Quốc.

Phim "Di sản Phật giáo của Pakistan" khám phá vùng Gandhara cổ đại ở phía tây bắc của đất nước, nơi đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá Phật giáo đến Đông Á.

Phim tài liệu nói trên được sản xuất với sự hợp tác của Hiệp hội Doanh nghiệp Pakistan Hàn Quốc và Zayer Films và hiện đã có trên kênh YouTube

của đại sứ quán.

(Tipitaka Network - July 11, 2022)



Ảnh chụp từ màn hình chiếu bộ phim tài liệu "Di sản Phật giáo của Pakistan" do Đại sứ quán Pakistan tại Hàn Quốc sản xuất
Photo: Kwon Mee-yoo

TÂY BAN NHA: Liên hoan phim Phật giáo đầu tiên ở vùng Catalonia

Thành phố Barcelona sẽ tổ chức Liên hoan phim Phật giáo Catalonia/Catalan (FCBC) lần thứ nhất vào tháng 10-2022.

Sáng kiến này được tổ chức bởi Điều phối viên các Tổ chức Phật giáo Catalan (CCEB), một hiệp hội quy tụ khoảng 30 cộng đồng có truyền thống Phật giáo đa dạng ở Catalonia và quần đảo Balearic.

Liên hoan phim Phật giáo Catalonia/Catalan (FCBC) là tổ chức tiên phong quan trọng cho các sáng kiến Phật giáo ở Tây Ban Nha, nhiều sáng kiến trong số đó được khởi xướng và nhận được sự hỗ trợ từ Tổ chức Dharma-Gaia (DGF).

FCBC là kết quả tốt đẹp của sự hợp tác giữa CCEB và Tổ chức Điện ảnh Phật giáo (BFF) - nhà sản xuất của Liên hoan phim Phật giáo Quốc tế (IBFF). Nó được hỗ trợ phụng dưỡng truyền thông bởi nền tảng kỹ thuật số Buddhistdoor en Español (BDE).

Liên hoan phim Phật giáo Catalonia/Catalan (FCBC) sẽ chiếu hầu hết các phim và phim tài liệu không cạnh tranh.

Đây là những buổi chiếu ra mắt công chúng gần đây, tập trung vào các chủ đề như khủng hoảng khí hậu, giáo dục, công bằng xã hội và bình đẳng giới tính. Các buổi chiếu sẽ có các bài thuyết trình trực tiếp và trực tuyến của các đạo diễn phim, cũng như các cuộc phỏng vấn và câu hỏi thông tục kèm theo.

Các buổi chiếu sẽ diễn ra từ ngày 19 đến 23-10-2022 tại Cines Verdi, nằm ở trung tâm khu phố Gracia của Barcelona.

(Tipitaka Network - July 11, 2022)



Poster của Liên hoan phim Phật giáo Catalonia/Catalan (FCBC)
Photo: CCEB

CAM BỐT: Bảo tàng Preah Norodom Sihanouk-Angkor trưng bày những bức tượng Phật đã phục chế được

PHNOM PENH, Cam Bốt - Ngày 8-7-2022, Cơ quan Quốc gia Apsara (ANA) cho biết một tượng bàn chân Phật bằng đá sa thạch đã được phục chế và 6 bức tượng Phật cổ bằng gỗ đang được trưng bày tại Bảo tàng Preah Norodom Sihanouk-Angkor ở tỉnh Siem Reap phía tây bắc Cam Bốt.

Các bức tượng Phật có niên đại hàng thế kỷ đã được các nhà bảo tồn lấy từ phòng trưng bày Preah Poan của Angkor Wat và được các chuyên gia của Khu bảo tồn Angkor phục chế.

Pen Chamrong, quyền giám đốc Bảo tàng Preah Norodom Sihanouk-Angkor, cho biết cuộc triển lãm bắt đầu từ tháng 5 này được tiến hành sau khi những hiện vật đó đã được phục hồi.

"Đây là lần đầu tiên Bảo tàng Preah Norodom Sihanouk-Angkor tiếp nhận các bức tượng từ Khu bảo tồn Angkor để trưng bày tại bảo tàng," ông Chamrong nói.

Kun Phally, nhân viên kỹ thuật kiêm hướng dẫn viên tại bảo tàng, cho biết 6 bức tượng gỗ được tạo tác vào thế kỷ 14 đến thế kỷ 18, giống với phong cách Bayon.

(Phomn Penh Post - July 10, 2022)



Sáu tượng Phật bằng gỗ và tượng bàn chân Phật được trưng bày tại Bảo tàng Preah Norodom Sihanouk-Angkor sau khi phục chế—Photos: SPM & ANA

BUNGARIA: Triển lãm ảnh Tuyến đường Hành hương Phật giáo Shikoku của Nhật Bản

Sofia, Bulgaria - Một cuộc triển lãm ảnh dành riêng cho tuyến đường hành hương Shikoku Henro ở Nhật Bản được tổ chức tại Phòng trưng bày San Stefano của thủ đô Sofia từ ngày 8 đến 30-7-2022. Đây là tuyến đường dài 1,500 km đi qua 88 ngôi chùa Phật giáo, ban tổ chức cho biết.

Tất cả ảnh trưng bày đều được in trên loại giấy đặc biệt làm bằng giấy Washi, một nghề thủ công truyền thống của Nhật Bản trong danh sách Di sản Văn hóa Phi vật thể của UNESCO. Khách tham quan triển lãm có thể tìm hiểu thêm về nghề thủ công này.

Cho đến ngày 30 tháng 7, Phòng trưng bày San Stefano sẽ được trang trí bằng koinobori, những ống chỉ hướng gió hình cá chép nổi tiếng của Nhật Bản.

(bta.bg - July 8, 2022)



Poster của Triển lãm ảnh Tuyến đường Hành hương 88 ngôi chùa Shikoku
Photo: bta.bg





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG

704 East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433

THÔNG BẠCH VU LAN 2022

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Trưởng lão, chư Tôn Thiền đức Tăng Ni
Kính thưa quý Cư Sĩ, Thiện nam Tín Nữ, Gia đình Phật tử

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ nhất tâm đánh lễ khánh tuế chư tôn thiền đức tăng già đã nghiêm mật an cư trong mùa hạ năm nay. Nhờ sự chuyên tu này mà năng lực của Phật giáo được tăng trưởng và mang lại phước lợi cho muôn người. Giáo Hội xin tán thán tinh thần của người cư sĩ ngoại hộ cho các trú xứ Tăng già kiết giới an trú. Vạn công đức có được trong mùa an cư năm nay xin hồi hướng đến bệnh dịch, chiến tranh, lạm phát, bất ổn xã hội, thiên tai, nghèo đói... được thuyên giảm. Khổ đau là những cơn sóng của một đại dương, hết lớp này đến lớp khác phủ chụp lên đời sống nhân sinh. Bệnh dịch chưa hết mà bao điều khổ nạn khác lại đang đến với con người hiện nay. Chúng ta đang sống trong thời điểm của nhiều âu lo, suy tính và bất ổn. Giáo hội xin gởi đến quý liệt vị những gợi ý sau đây:

- 1) Trước sự nghèo khó hiện nay: Người đệ tử Phật, chúng ta cùng nhận cảm sự đau thương ấy bằng cách tiết giảm những chi tiêu không cần thiết và thường quán chiếu rằng, chúng ta có thật nhiều phước may giữa hàng triệu triệu người đói khổ và lầm than. Cuộc sống của người Mỹ đang đối diện nhiều thách đố và chật vật hơn. Xin cùng thắp lên tấm lòng của người cùng khổ và thực hành hạnh bố thí để giúp cho lòng ta giảm bớt muộn phiền và giúp tha nhân bớt khổ đau.
- 2) Năm xưa, hình ảnh của đại tăng chú nguyện cho mẹ ngài Mục Kiền Liên trong chốn u đồ đau khổ, thì hôm nay, hình ảnh của tất cả Tăng già và Thiện Tín mọi nơi tinh tấn tu tập sẽ cứu giúp phần nào kiếp nạn của con người hiện nay. Phước báo của nhân gian và loài người đang xuống thấp thấy rõ, trong đó sự nhân danh, thống trị, bần ngã, lừa lọc ngập tràn...
- 3) Sức mạnh của con người ngày nay là vũ khí, tiền bạc. Sức mạnh của Đạo Phật là lòng từ và bao dung. Hỡi những người con Phật hãy nỗ lực nhiều hơn nữa để mang lại chút bình an cho con người, trái đất và chính ta. Mỗi tự thân là dòng hải triều ngầm chảy để di dời những rác rưởi của tự lòng mình.

Lễ Vu Lan là ngày lễ lớn của Phật Giáo Việt. Cộng đồng Phật giáo Việt ở Hoa Kỳ tổ chức thật long trọng. Chùa Viện nào cũng đông đảo chư Tăng Ni và Phật tử trong ngày lễ. Vu Lan là ngày lễ của sự cứu độ. Cứu độ cha mẹ, người thân... và cứu độ chính mình để ra khỏi ngọn lửa của tham sân, bần ngã.

Giáo Hội kính chúc quý Tăng Ni, Phật tử, cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ một mùa lễ Vu Lan cát tường và quân chiếu.

California ngày 15/7/2022. Phật lịch 2566

TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK
Chánh Văn Phòng

Sa môn Thích Thắng Hoan



NGHIÊN CỨU THỨC THỨ TÁM

Nguyên tác Hán văn: **Kha Diệu Kỳ**

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo)

CHƯƠNG IV: GIẢI THÍCH SỞ DUYÊN VÀ HÀNH TƯỚNG

Thức A Lại Da đã khác hơn bảy Chuyển Thức, tự nó có đặc tánh riêng mà muốn giải thích rõ ràng đặc tánh của nó thì cần phải đề xuất vấn đề "Sở Duyên và Hành Tướng."

PHẦN I: SO SÁNH HAI LỜI GIẢI THÍCH CỦA VĂN TỤNG XƯA VÀ NAY



HT Thắng Hoan

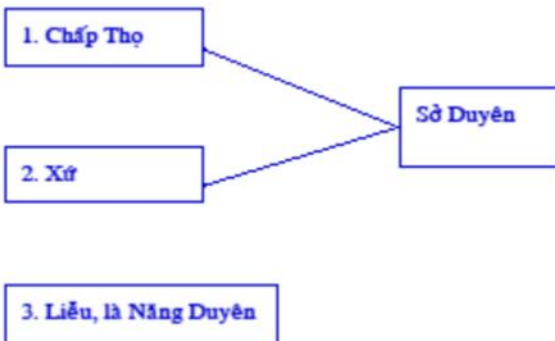
"Hành Tướng", "Năng Duyên" của Thức thứ tám và "Cảnh Giới" "Sở Duyên" đã sâu thẳm và lại còn vi tế, thực tế không phải chỗ của hạng phàm phu có thể hiểu rõ, nhưng sự sai biệt của hai lời giải thích xưa nay như sau:

* Pháp sư Huyền Trang đối với đoạn văn Tụng của ngài Thế Thân giải thích là: Không thể biết: chấp thọ, xứ, liễu.

* Tiên sinh

Sương Thao Hối giải thích là: Kia có không thể biết: chấp thọ, xứ biểu biệt.

Không Thể Biết [bất khả tri] không phải không thể biết, chỉ là hạng phàm phu tâm còn thô cạn không thể cảm thọ đến được, nhưng Phật và Bồ Tát là bậc cứu cánh có thể chứng được. Thế thì Không Thể Biết cuối cùng là cái gì? Theo như lời giải thích của Huyền Trang, nó có ba ý nghĩa:



. Chấp có hai nghĩa: một là thâm nhiếp làm tự thể; hai là chấp trì khiến không hư hoại.

. Thọ có hai nghĩa: một là lãnh nạp dùng làm cảnh; hai là khiến sanh tri giác.

- Cái gì gọi là "Thâm nhiếp làm tự thể"? Nhiếp là thâm nhiếp, nghĩa là thâm lấy và bảo dưỡng căn thân (thân thể) của sở duyên làm tánh tự thể [tánh thân thể riêng mình].

- Cái gì gọi là "Chấp trì khiến không hư hoại"? Trì là chấp trì, nghĩa là chấp trước và bảo trì căn thân của sở duyên không cho tổn hại.

- Cái gì gọi là "Lãnh nạp làm cảnh"? Lãnh nạp là thâm nhận, nghĩa là thâm nhận căn thân này làm cảnh sở duyên.

- Cái gì gọi là "Khiến sanh tri giác"? Tri giác là hiểu biết, nghĩa là khiến căn thân này có tri giác để lãnh thọ. Xin liệt kê đồ biểu sau đây để thuyết minh:



. "Xứ" chính là khí giới, như sơn hà đại địa, v.v..., chỉ có thể làm cảnh giới sở duyên của Thức thứ tám.

. "Liễu" chính là biết rõ, cũng tức là hành tướng của Thức thứ tám.

- Năng duyên là "Kiến Phần".

- Sở duyên là "Tướng Phần".

Tướng Phần Sở Duyên của Thức thứ tám bao gồm cả chủng tử, căn thân và khí giới.

Chủng tử chính là ngôn ngữ động tác bày tỏ hoặc thu hút tất cả sự, tất cả lý lưu làm ký ức, làm thành tập khí của Thức A Lại Da và tập khí đây chính là biệt danh của chủng tử.

Căn thân chính là thân thể của chúng ta, bao gồm Phù Trần Căn có hình tướng thấy được và Tịnh Sắc Căn (hệ thống thần kinh) không hình tướng thấy được.

Khí Giới chính là sơn hà đại địa, là địa phương của tất cả chúng sanh hữu tình nương tựa, được gọi là Xứ. Thành Duy Thức Luận giải thích:

"Thức A Lại Da, vì năng lực nhân duyên, khi tự thể sanh khởi, bên trong thọ làm hạt giống gồm có căn thân, bên ngoài thọ làm khí giới. Liền do chỗ thọ nhận, tự làm sở duyên, hành tướng nương tựa để được sanh khởi." (Chú thích 17).

Thức A Lại Da chính là bản nguyên của hiện tượng, cho nên ở nơi đạo lý, nó cốt yếu là sáng tạo hiện tượng, ít nhất phải chịu chuyển biến sản xuất hai thứ hiện tượng: một là sanh mạng cá thể tồn tại (ngã), hai là thể giới khách quan tồn tại (pháp). Hai thứ hiện tượng này cùng quan hệ với Thức A Lại Da. Pháp sư Huyền Trang của hệ thống Hộ Pháp và của An Huệ thuộc đề tử chơn truyền của Thể Thân nhận định có chỗ không giống nhau. Trước đã nhận cho chúng tử, căn thân, khí giới là sở duyên của Thức A Lại Da, sản sanh tác dụng liễu biệt [phân biệt rõ]. "Chữ Liễu đây, gọi là Thức Dị Thục, từ nơi sở duyên có tác dụng liễu biệt" (Chú thích 18). Sau khi nhận làm căn thân và khí giới, đây chỉ là quá trình của Thức A Lại Da mà thôi. *An Huệ Tam Thập Duy Thức* giải thích rằng: "Nơi thời gian có chấp thọ không thể hiểu biết và xứ biểu biệt không thể biết của nó, chính là chỉ cho chấp thọ và xứ biểu biệt không thể biết của Thức A Lại Da." (Chú thích 19).

Căn cứ nơi chỗ nêu ra ở chương trước, Thức A Lại Da chỉ là danh xưng tập hợp của chúng tử, đồng thời ngoài không phải chúng tử ra, còn có một thứ nữa là nguyên tắc của Thức A Lại Da, như thể chấp thọ và xứ là còn có cảnh giới chỗ hiển bày của Thức A Lại Da, đồng thời không phải Thức A Lại Da làm năng lực hiểu biết, còn chấp thọ và xứ làm nơi chỗ hiểu biết có thể phân làm hai nguyên lý để bình luận. Pháp sư Khuy Cơ đem hành tướng của chúng giải thích "Liễu Biệt" thành Kiến Phần của năng duyên, dễ dàng bị hiểu lầm là chỉ cho sự hoạt động của bảy Chuyển Thức. Nguyên vì bảy Thức trước là tâm thức của kinh nghiệm, cho nên có tác dụng phân biệt mạnh yếu là do bởi đối tượng hiển bày trình diện, bao gồm tri thức thành tựu. Nhưng Thức A Lại Da lại còn là Căn của chúng; chỉ phải nói chúng có thể có tánh thọ nhận hiểu biết tiêu cực, không phải nói chúng có lực lượng tích cực để phát khởi chấp thọ. Luận sư An Huệ đồng thời chưa đem hành tướng liệt vào Kiến Phần. Ý nghĩa của sở duyên và hành tướng đều là chỉ cho thuộc về cảnh, còn ý của sở duyên so sánh chẳng qua là làm nổi bật mà "hành tướng" chẳng qua chỉ là mập mờ.

Luận điểm của hai học thuyết nói trên, nên dùng học thuyết An Huệ so sánh thì phù hợp với nguyên lý của Thể Thân.

PHẦN II: NHẬN THỨC THỂ GIỚI KHÁCH QUAN

"Chỗ nói về Xứ đó: cho là Thức Dị Thục, do bởi năng lực chúng tử cộng tướng đã thành thục, chuyển biến giống như chấp thọ, v.v..., còn tướng khí thể gian tức là chúng tử lớn bên ngoài và chỗ tạo ra sắc." (Chú thích 20).

Thể giới khách quan là cái gì? Chính là do phương diện nguyên lý tám Thức chỗ có tất cả chúng tử cộng tướng làm nhân duyên và sử dụng Bản Thức biến làm khí thể gian. Đây chính là bốn Đại Chúng của đất, nước, lửa, gió và cũng là chỗ tạo ra sắc chất của sắc, hương, vị, xúc. Yếu điểm của lý đây là bổ sung cho sự thuyết minh rằng, ngoài bốn đại chúng và chỗ tạo ra sắc, đều là không thật thể và không thật danh, rồi sau đó là nguyên nhân trải qua thần kinh cảm giác của

chúng sanh hữu tình mới đặt lên chúng thứ danh xưng là các chúng tử, đây là chỗ nhận định thật dụng chủ quan của chúng. Cho nên mới gọi là chuyển biến giống như sắc, v.v...

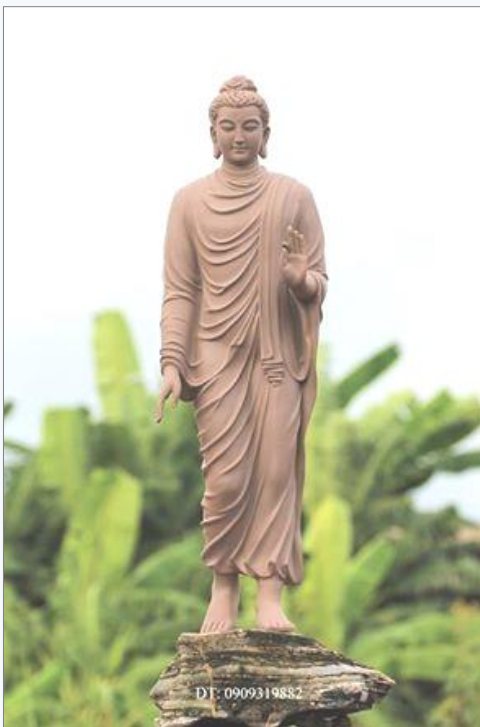
Do nơi sự cảm quan bất đồng của các cá nhân chúng sanh hữu tình, nhân đây đối với sự vật đồng một chúng loại phán đoán hoặc vui mừng, hoặc chán ghét, v.v... cũng có sai biệt. Đây phải nói là do sự phân định của cộng tướng và bất cộng tướng trong tám Thức mà ra. Chỗ gọi là cộng tướng: nghĩa là đa số con người cảm nhận và thọ dụng giống nhau. Chỗ gọi là bất cộng tướng: nghĩa là chỉ có tâm mình biến hiện mà người khác không cùng thọ dụng; như người say rượu thấy trời xoay đất chuyển hoặc tất cả đều là họ biến hiện thì những vật riêng biệt của họ đại đa số không thể thọ dụng, cũng gọi là bất cộng tướng.

Cộng Tướng cũng có thể phân làm hai loại: Cộng Trung Cộng và Cộng Trung Bất Cộng. Cộng Trung Cộng như sơn hà đại địa, v.v... chúng sanh cùng thọ dụng. Cộng Trung Bất Cộng như ruộng vườn, v.v... các vật của riêng mình thọ dụng mà người khác không thọ dụng được. Lại nữa như vật khinh dưỡng hóa hợp [Hydroxyt] con người thấy cho là nước, ngựa quý thấy cho là lửa mạnh, cả hai thọ dụng không giống nhau.

Bất Cộng Tướng cũng có thể phân làm hai loại: Bất Cộng Trung Bất Cộng và Bất Cộng Trung Cộng. Bất Cộng Trung Bất Cộng, như Tịnh Sắc Căn (Thần kinh cảm giác) con mắt, chỉ là chỗ nương tựa của tự Thức con mắt thọ dụng, không phải Thức khác có thể nương tựa để thọ dụng; các Thức khác cũng thế. Bất Cộng Trung Cộng, như Phũ Trần Căn của tự mình, tuy mình tự tiếp xúc thọ dụng mà người khác cũng có thể thọ dụng.

Cho đến thể giới này là do Thức Dị Thục của ai biến hiện? Căn cứ theo Thành Duy Thức Luận giải thích thì có ba nhà trình bày:

1. Chủ Trương của Luận sư Nguyệt Tạng:



Luận sự trình bày rằng, thế giới này là do tất cả chúng sanh biến hiện, nghĩa là chúng sanh hữu tình của Thánh Phạm năm cõi biến hiện tự giới, tha giới, tự thân, tha thân và Tịnh Dân Khởi Thể Kinh giải thích rằng: "Năng lực nghiệp Tăng Thượng của tất cả chúng sanh hữu tình chung nhau biến hiện."

2. Chủ Trương và Biện Bác của Bồ Tát Hộ Pháp: Bồ Tát trình bày rằng:

A) Biện Bác:

a.- Chúng tử tạp uế của chư Phật chư Bồ Tát tiêu diệt đã lâu, nếu bảo các ngài biến hóa ra cõi này thì có thể, còn như bảo các ngài biến thật ra cõi này thì trái với đạo lý.

b.- Các cõi Tịnh Độ của chư Phật chư Bồ Tát, kẻ phàm phu và ngoại đạo cũng không thể nào cảm ứng để biến hiện và cũng không thể thọ dụng.

c.- Các bậc Thánh sanh lên cõi Vô Sắc đã lìa chán cõi Sắc thì biến ra cõi này để làm gì.

B)- Chủ Trương: Bồ Tát cho rằng, những kẻ đương sanh ra và hiện cư trú, Thức Dị Thục của họ biến thành cõi này.

3.- Lại Có Một Nhà (Thuật Ký chưa ghi tên người nào) Đưa Ra Vấn Đề: khi khí giới sẽ hoại diệt đã không có chúng sanh hiện cư trú và đương sanh thì Thức Dị Thục của ai biến thành thế giới này? Họ giải thích rằng, tự thân biến ra cõi này để nương tựa, bảo trì và thọ dụng; nếu như đối với tự thân có thể bảo trì và thọ dụng, nhưng chuẩn bị biến trước nó cũng không có thể. Cho nên mặc dù sanh nơi cõi khác, cũng có thể chuẩn bị biến ra cõi này để bảo trì và thọ dụng trong tương lai. Đứng ra khí thế gian sẽ hoại diệt hoặc mới tạo thành, mặc dù không có chúng sanh hữu tình, nhưng chúng sanh hữu tình cũng có thể biến hiện để dự trừ.

(còn tiếp)

* Chú thích 14: An Huệ Tam Thập Duy Thức Thích, trang 35, Trung Văn Đại Học Hương Cảng Xuất Bản Xã Xuất Bản.

* Chú thích 15: Thành Duy Thức Luận, quyển 2, trang 62.

* Chú thích 16: An Huệ Tam Thập Duy Thức Thích, trang 35.

* Chú thích 17: Thành Duy Thức Luận, quyển 2, trang 78.

* Chú thích 18: Đồng Chú Thập Thất.

* Chú thích 19: An Huệ Tam Thập Duy Thức Thích, trang 42.

* Chú thích 20: Thành Duy Thức Luận Nghiên Tập, trang 165.

AN CƯ KẾT HẠ NHÂM DẦN - 2022

*Mấy năm Co-vit đã tạm qua,
Đến chuyện An cư của Tăng già,
Lưỡng bộ Túc tôn đều chung sức,
Vun trồng giới luật của đạo nhà.*

*Đạo nhà cố giữ ở trong tâm,
Đi đứng nằm ngồi chớ sai lầm,
Trú dạ lục thời y như thị,
Trang nghiêm Kết hạ giữ thật thâm.*

*Thậm thâm kết hạ tùy quốc độ,
Dài ngắn thời gian được tùy duyên,
Giáo hội hết lòng tìm điều kiện,
Để Chúng Trung Tôn giữ niềm tin...*

*Thiện tín nhất tề đồng ủng hộ,
Chư Tăng nhất quyết vững lòng tin,
Xiển dương đạo mầu ngày xán lạn,
Pháp Phật rạng ngời mãi châu viên...*

*Co-Vit bắt đầu thuyên giảm xuống,
Tăng Ni hoan hỷ nguyện an cư,
Đắp xây tịnh giới thêm cân mật,
Vì đạo hướng về cõi vô dư.*

*An cư là trau dồi đức hạnh,
An cư là hướng đến niết bàn,
An cư là nguyện vì bá tánh,
An cư là thẳng đến lạc bang.*

*An cư là thượng cầu hạ hóa,
An cư là cùng với chúng sanh,
An cư là phát tâm đại nguyện:
Tất cả chúng sanh được viên thành.*

*Cầu cho vạn loại hữu tình,
Cũng như vô tình chung trí đồng viên.*

(Quý hạ Nhâm dần - June 24th, 2022)

tho

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA



VU LAN

MÙA MỞ NHỮNG SỢI DÂY TREO NGƯỢC

Thích Thái Hòa

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Mỗi mùa Vu lan về là những người con Phật chúng ta có cơ hội nhìn ngắm lại những chất liệu hiếu kính, trí tuệ và từ bi từ nơi tâm mình và từ nơi chính cuộc sống hằng ngày của mình, để cúng dường lễ Vu lan, với một ý nghĩa thiết thực. Vu lan, tiếng Phạn là Ullambana, Hán phiên âm là Vu-lan-bồn và dịch nghĩa là giải đảo huyền. Giải là mở, đảo là ngược và huyền là dây. Giải đảo huyền là mở sợi dây treo ngược.

Trong đời sống hằng ngày, khi đánh mất chất liệu hiếu kính, trí tuệ và từ bi là ta đánh mất chất liệu căn bản của đạo đức, đánh mất căn bản phước báu của cõi người, cõi trời, phước báu của các cõi hiền thánh và chư Phật; như vậy là ta đã treo ngược đời sống của chúng ta. Trong đời sống hằng ngày, khi ta đang thực tập hiếu kính với ai là ta đang mở sợi dây treo ngược cho ta và cho cả người ấy. Trước hết, ta cần phải thực tập và thể hiện sự hiếu kính đối với cha mẹ ta, để mở sợi dây ấy cho ta và cho cả cha mẹ ta. Cha mẹ ta liên hệ với ta bằng chất liệu tình cảm của nhân duyên huyết thống. Tình cảm ấy không những gắn bó với ta trong một đời mà nhiều đời; không những trong một kiếp mà nhiều kiếp. Tình cảm ấy, không những đã từng treo xuôi chúng ta mà cũng đã từng treo ngược chúng ta. Treo xuôi chúng ta, vì ta đã từng thọ ân, đã từng biết cách để trả ân. Treo ngược chúng ta, vì ta đã từng thọ ân mà không những vô ân lại còn bội nghĩa. Thọ ân và biết ân, vì ta thấy rất rõ trong quan hệ tình cảm của nhân duyên huyết thống, nếu không có cha mẹ ta thì không bao giờ có ta. Và không có ông bà tổ tiên nội ngoại thì cũng không bao giờ có cha mẹ ta. Vì vậy, khi ta thể hiện sự hiếu kính đối với cha mẹ, ông bà tổ tiên nội ngoại, trước hết ta phải biết chăm sóc trái tim huyết thống của ta, để cho tinh thần của trái tim ấy không bị thương tích bởi những ý nghĩ, lời nói và hành động không lành mạnh hằng ngày mạnh. Ý nghĩ không lành mạnh là ý nghĩ mang những chất liệu ích kỷ, chỉ sống theo cá tính và biểu hiện những sinh hoạt cá tính theo bản năng ấy, qua lời nói và việc làm, khiến không những làm thương

tổn trái tim ta, làm thương tổn trái tim của cha mẹ, ông bà tổ tiên nội ngoại ta, trong quá khứ và hiện tiền, mà cũng còn làm thương tổn trái tim của nhiều thế hệ con cháu chúng ta trong tương lai nữa. Vậy, nếu ta muốn hiếu kính với cha mẹ, với tổ tiên ông bà nội ngoại trong quá khứ và hiện tiền, thì điều kiện trước tiên là phải biết chăm sóc trái tim huyết thống của ta, để trái tim ấy luôn luôn ở trong trạng thái trong sáng và lành mạnh. Mọi lời nói và hành xử hiếu kính của ta phải đi từ trái tim ấy, mới có khả năng tháo gỡ những sợi dây treo ngược trong đời sống của ta và của những người ta thương yêu.

Và trong đời sống tâm linh, ta cần phải có sự hiếu kính đối với Thầy ta, với chúng Tăng và Tam bảo. Thầy ta là vị đại diện chúng Tăng và Tam bảo để dạy dỗ cho ta, từ một con người không biết bỏ điều ác lại bỏ được những điều ác; từ người không biết gì về điều thiện trở thành người biết yêu mến và thực hành điều thiện; từ một người chuyên sống với tâm ý thủ lợi lại biết xả lợi mà hướng tâm đến Vô thượng bồ-đề, lại còn thay mặt chúng Tăng và Tam bảo trao truyền giới pháp cho ta, đưa ta từ bóng đêm bước ra ánh sáng, từ ánh sáng bước tới ánh sáng; nuôi dưỡng giới thân, tuệ mạng cho ta, đưa ta đi tới với nếp sống lành mạnh, an hòa và phương trời cao rộng. Thầy đối với ta ân đức như vậy, nhưng nếu ta không biết ân mà sống vong ân, bội nghĩa thì ta đã treo ngược đời sống của ta và cũng treo ngược những lời dạy tốt đẹp của Thầy đối với ta, khiến cho người đời không những khinh khi ta mà còn khinh khi cả Thầy ta nữa! Ta đến với Thầy, nhưng ta không sống với đời sống của hiếu kính, trí tuệ và từ bi, khiến cho Thầy ta không những không yên lòng, mà đôi khi còn vì ta khởi sinh phiền não. Phiền não trong đời sống của Thầy ta khởi sinh là do ta, và như vậy ta đã đem dây phiền não mà trói Thầy, khiến cho Thầy ta bị phải sống ngược với đời sống giải thoát và giác ngộ. Vì vậy, mùa Vu lan về ta phải biết thực tập hiếu kính, trí tuệ và từ bi để mở sợi dây treo ngược cho ta; và ta phải biết mở sợi dây treo



ngược nơi những người đang treo ngược đối với Thầy ta nữa. Ở đời, không có vị Thầy nào nhìn học trò dễ thương mà không vui. Danh dự của Thầy là danh dự của học trò và danh dự của học trò cũng là danh dự của Thầy, ta phải thấy cho rõ điều ấy để thực tập tâm hiếu kính, trí tuệ và từ bi, để mở hết tất cả những sợi dây đang treo ngược ta và Thầy ta vậy. Ta hiếu kính đối với chúng Tăng, bởi chúng Tăng là đoàn thể trang nghiêm thánh thiện, lấy thanh tịnh và hòa hợp làm bản chất, lấy giải thoát làm lẽ sống, lấy trí tuệ làm sự nghiệp và lấy hoằng pháp độ sinh làm bản nguyện. Thầy ta sinh ra ta từ biển cả giới pháp thanh tịnh và hòa hợp của Tăng, được diu dắt, nâng đỡ và xác chứng trong đời sống cao thượng của Tăng và đã trở thành thành viên chính thức của Tăng. Nếu không có chúng Tăng, ta không bao giờ có Thầy. Ngày nay, ta có Thầy dạy dỗ và diu dắt ta trên con đường học đạo, công đức ấy của Thầy là công đức của chúng Tăng, vì vậy mà ta hết lòng hiếu kính với chúng Tăng là để báo đáp ơn Thầy. Muốn báo đáp công ơn của Thầy, không gì hơn là phải thực hành hiếu kính đối với chúng Tăng. Người nào biết hiếu kính đối với chúng Tăng là người ấy đang ngày đêm nỗ lực thực hành hạnh trí tuệ và từ bi để cúng dường Thầy mình và chúng Tăng vậy.

Và tại sao ta phải hiếu kính với Tam bảo? Tam bảo là Phật, Pháp và Tăng. Về ý nghĩa, ta có Tam bảo Đồng thể, Tam bảo xuất thể gian và Tam bảo thể gian trú trì.

Tam bảo Đồng thể: Nghĩa là Tam bảo trong ba đời và mười phương cùng một thể tính giác ngộ, cùng một pháp tính bình đẳng, không sinh diệt và cùng một Tăng thể thanh tịnh, hòa hợp, sự lý thống nhất vô ngại. Không những vậy, mà Phật còn Đồng thể với Pháp và Tăng; Pháp và Tăng cùng Đồng thể với Phật; Phật và Tăng Đồng thể với Pháp; Phật và Pháp Đồng thể với Tăng nữa. Vì là đồng một thể tính giác ngộ, không sinh diệt, thanh tịnh, nên bản thể của Phật, Pháp, Tăng là thường trú khắp cả pháp giới và viên dung vô ngại.

Tam bảo xuất thể gian: Trong đó, Phật bảo xuất thể là chỉ cho chư Phật trong mười phương đã thành tựu được đoạn đức, trí đức và ân đức. Đoạn đức là do đoạn trừ hết sạch phiền não của tâm mà đức hạnh sinh khởi. Trí đức là do đoạn trừ hết sạch những sai lầm của trí kiến mà đức hạnh sinh khởi và ân đức là do thành tựu những hạnh nguyện độ sinh mà đức hạnh sinh khởi. Phật bảo xuất thể là những Bạc giác ngộ đã thành tựu hoàn toàn ba đức ấy, như Đức Phật Thích-ca, Phật A-di-đà, Phật Dược Sư,... Pháp bảo xuất thể gian là chỉ cho các pháp hành dẫn đến đời sống giải thoát như: Bát Chánh Đạo, Giới Định Tuệ, các pháp quán thuộc Tứ thánh đế, hay các pháp quán lưu chuyển và hoàn diệt của pháp Mười hai duyên khởi, các pháp quán về Không, Vô tướng và Vô tác, hay là pháp quán về Khổ, Không và Vô thường... Do thực hành các pháp này mà hành giả đoạn tận hết thảy lậu hoặc, dẫn đến đời sống xuất thể, thoát ly sinh tử. Tăng bảo Xuất thể là chỉ cho đoàn thể của Tăng, mà trong đó các thành viên đã đoạn trừ hết sạch phiền não, chứng đắc các thánh quả giải thoát.

Tam bảo thể gian trú trì: Phật bảo thể gian trú trì là chỉ cho những hình tượng của Đức Phật được thờ tự trong các chùa tháp khắp thể gian. Pháp

bảo thể gian trú trì là chỉ cho ba tạng Kinh, Luật, Luận đang được thờ tự và lưu truyền ở trong thể gian. Tăng bảo thể gian trú trì là chỉ cho những đoàn thể xuất gia tối thiểu là bốn vị tỳ-kheo hoặc bốn vị tỳ-kheo ni đang cộng trú thanh tịnh và hòa hợp với nhau để cùng nhau thực hành các Tăng sự, như thuyết giới mỗi nửa tháng, mỗi năm an cư trong ba tháng và cùng nhau tự tứ sau khi xuất hạ trong cùng một trú xứ. Và đồng thời làm chỗ nương tựa cho thể gian gieo trồng phước đức, hướng dẫn những pháp học và pháp hành cho quần chúng Phật tử. Tăng bảo thể gian trú trì bao gồm các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni đã thành tựu và chưa thành tựu các pháp giải thoát. Nếu không có Tam bảo Đồng thể, ta không bao giờ có Tam bảo xuất thể gian; và không có Tam bảo xuất thể gian ta không bao giờ có Tam bảo trú trì thể gian. Ngày nay ta có vị Thầy để dạy dỗ cho ta, nâng đỡ ta trên con đường tu tập và giải thoát, là nhờ có Tam bảo trú trì thể gian. Ta có Tam bảo trú trì trong thể gian giúp Thầy ta và ta tu học là nhờ có Tam bảo xuất thể gian; và ta có Tam bảo xuất thể gian để thường tin tưởng, tôn kính và ngưỡng mộ, mà không bao giờ biến hoại là nhờ có Tam bảo Đồng thể. Vì vậy, ta hãy nhìn sâu vào trái tim tâm linh của ta, không những thấy các bậc Thầy của ta đang còn tại thế hay đã qua đời vẫn luôn luôn hiện hữu ở trong trái tim ta, vẫn luôn có mặt trong những hạnh nguyện tu hành của ta, quý vị luôn nâng đỡ cho ta những lúc yếu kém và vẫn luôn luôn khích lệ ta những khi ta có chút tinh cần tu tập. Không những vậy mà trong trái tim ta luôn luôn có mặt đầy đủ Tam bảo thể gian trú trì, Tam bảo xuất thể gian và cả Tam bảo Đồng thể. Nên, ta phải nỗ lực tu học tinh cần, phát khởi được trí tuệ và từ bi, để mở những sợi dây tà kiến đang treo ngược sự hiểu biết của ta đối với Tam bảo. Tam bảo thì Đồng thể thanh tịnh mà nhận thức của ta thì ngược lại bị biến thể và ô nhiễm. Tăng đoàn đệ tử của đức Thế Tôn, thì hòa hợp thanh tịnh và xuất thể, mà ta đem những nhận thức phân hóa, kỳ thị, tổ chức phân tục cục bộ của ta để áp đặt và trói buộc lên đời sống và sinh hoạt cao đẹp, thánh thiện của Tăng. Những nhận thức trói buộc và treo ngược ấy làm cho ta càng ngày càng quay ngược với Tam bảo và Tam bảo đã bị ta hiểu theo nghĩa treo ngược và quay ngược.

Mùa Vu lan lại trở về với những người con Phật, chúng ta hãy cùng nhau nỗ lực tu tập để không những mở được những sợi dây đang treo ngược chúng ta, mà còn mở những sợi dây tà kiến cố chấp, hiểu biết sai lầm chung quanh chúng ta, đang làm đảo lộn và treo ngược Tam bảo.

Mùa Vu lan về, chúng ta nguyện nỗ lực tu tập và chuyển hóa để đưa dòng dõi huyết thống của chúng ta hội nhập vào dòng dõi tâm linh, nhằm thăng hoa cuộc sống và thể nhập hoàn toàn với Tam bảo Đồng thể, sống với cảnh giới vô sinh bất diệt của chư Phật. Và nay, mùa Vu lan về, những người con Phật chúng ta hãy cùng nhau, không những nguyện mở những sợi dây đang treo ngược chúng ta, mà còn nguyện mở cả những sợi dây đang treo xuôi chúng ta trong những thành công phù phiếm, trong những thuận lợi nhất thời, để dâng lên cúng dường cha mẹ, Thầy Tổ, chúng Tăng và Tam bảo, với tất cả tấm lòng hiếu kính, trí tuệ và từ bi.

CON ĐƯỜNG CỦA TỰ DO

Nguyễn Thế Đăng

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Đạo Phật là con đường của tự do. Tự do ở chạng đầu, tự do ở chạng giữa, tự do ở chạng cuối cùng. Con đường ấy tự do từ bước đầu cho đến bước cuối bởi vì con đường ấy đặt nền tảng trên tánh Không.

Tánh Không là bản tánh của sự vật và tâm thức, mà vật chất và tâm thức chỗ nào cũng có, nên tánh Không ở khắp tất cả. Nói riêng về con đường, thì tánh Không có mặt trên suốt con đường, từ bước đầu đến bước cuối.

Tánh Không là sự không có hiện hữu cố hữu và nội tại của tất cả sự vật thuộc vật chất và thuộc tâm thức.

Tánh Không là sự không có một thực thể nào cá biệt và độc lập ở trong sự vật và trong tâm thức. Tánh Không là sự không có tự tánh, vô tự tánh, của tất cả hiện tượng tâm và vật.

Tánh Không phá bỏ những cái thấy mê lầm cho rằng mọi sự vật và tâm thức có thực thể độc lập. Chính những cái thấy lầm lẫn ấy đang thường trực trói buộc con người. Do đó, tánh Không là giải thoát, giải thoát khỏi những cái thấy sai lầm trói buộc, mà ở đây gọi là tự do.

Con đường của tánh Không là con đường ca hát của tự do, của “người cười ngược lửa lên bờ giác”:

*Trong mộng tạo tác,
Tỉnh rồi toàn không.
Trong mộng thấy nào thô nào tế,
Tỉnh rồi không có chút mây may.
Tâm thanh tịnh không dơ không bụi,
Thân kim cương chẳng trước chẳng sau.*

...
*Khéo chuyển hóa các căn hữu lậu,
Bền vững vào tam-muội Chân như.
Đào điền nhĩ kiến là đem lưới bủa cá sườn non
Tịch diệt nhất như, cười ngược lửa lên cao bờ giác.*

(Thượng sĩ Huệ Trung, Văn trữ từ Tự răn)

Đó là con đường đi trong Pháp thân tánh Không Tỳ-lô-giá-na tự do lồng lộng:

*Bọt trong biển cả già chìm nổi,
Các hành vô thường thay thay không.
Ai người nơi ấy tin được vậy
Đạp đỉnh Tỳ-lô bước bước lên.*

(Thượng sĩ Huệ Trung, Phật tâm ca)

Tánh Không này, kinh Kim Cương gọi là “vô sở trụ”, không có chỗ trụ, không trụ ở đâu cả; gọi là



“vô sở hành”, không có chỗ hành, không có người hành và không có đối tượng để hành. Cũng do mức độ chứng ngộ ít hay nhiều tánh Không “không có chỗ đặc” này mà có các cấp bậc hiền thánh: “Tất cả hiền thánh đều do pháp vô vi (tánh Không) này mà có sai biệt” (Kinh Kim Cương).

Trong các hiện tượng có thể thấy được thì một đám mây dễ cho người thường chúng ta thấy tính cách không chỗ trụ này. Một đám mây thì không trụ vào đâu cả. Nó không đứng ở đâu và đi về đâu cả. Khi thì thế này, giây lát sau đã ra thế khác, rồi tan biến mất tiêu như chưa từng có. Nó không có phương hướng, có con đường,

có mục đích. Thế mà ngày xưa, Hòa thượng Bồ Đại, một hóa thân của Đức Di-lặc, với một bao bố trên vai lang thang trên trần thế này, và khi hỏi đường, thì không hỏi bằng chỉ đường, không hỏi những dấu hiệu, không hỏi người đi đường, không hỏi sắc thanh hương vị xúc pháp, mà đi hỏi một đám mây:

Mây trắng hỏi đường qua.

Có tự do nào hơn. Bởi vì tự thân Ngài không có chỗ trụ, con đường của Ngài không chỗ trụ nên Ngài hỏi một đám mây không chỗ trụ. Mà con đường không chỗ trụ thì con đường ở khắp tất cả. Hỏi đường và đi chỉ là một trò chơi không chỗ trụ của một con người tự do không chỗ trụ khi con đường không chỗ trụ luôn luôn hiện bày trước mắt.

Đức Phật đã nói trong kinh Nikaya: “Không dừng lại, không bước tới, Như Lai vượt khỏi bực lưu”.

Sau này, Thiền sư Triệu Châu nói: “Nơi nào không có Phật chớ dừng lại, nơi nào có Phật hãy đi qua”.

Tất cả nói lên sự tự do không chỗ trụ của người đã thấy và sống trong tánh Không, đã là một với tánh Không.

Sự tự do ấy được ngài Long Thọ nói lên trong phần mở đầu của Trung luận:

*“Chẳng sanh cũng chẳng diệt,
Chẳng thường cũng chẳng đoạn,
Chẳng một cũng chẳng khác,
Chẳng đến cũng chẳng đi.”*

Sanh và diệt, thường và đoạn, một và khác, đến và đi, đó là con đường hạn hẹp trói buộc của thế gian, giới hạn giữa hai bờ sanh tử. Con đường của tự do thì vượt khỏi những biên giới của vô thường sanh tử.

Con đường ấy là sự tự do vô lượng vì nó tự do

cả với sự tự do, không chỗ trụ cả với không chỗ trụ.

Thiền sư Vạn Hạnh trước khi tịch nói với các đệ tử: *"Các người muốn trụ chỗ nào? Ta chẳng lấy chỗ trụ mà trụ, cũng chẳng y vào chỗ không trụ mà trụ"*.

Nhưng chúng ta chớ suy nghĩ theo lối nhị nguyên, theo lối tuyến tính để cho rằng ở ngoài sắc thanh hương vị xúc pháp có cái gọi là tánh Không, và ngoài cái tánh Không không chỗ trụ này còn có tánh Không không chỗ trụ siêu việt hơn nữa.

Tánh Không không chỗ trụ vẫn hiển bày trong đời sống sắc thanh hương vị xúc pháp thường ngày. Tùy tâm thanh tịnh không chỗ trụ đến đâu thì thấy cảnh thanh tịnh không chỗ trụ đến đó. Kinh Kim Cương nói rất nhiều về tâm không chỗ trụ, đã mở đầu bằng:

"Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ, tại rừng Kỳ-đà trong vườn Cấp Cô Độc cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ đến giờ thọ trai, Ngài đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Trong thành, theo thứ lớp khất thực xong, trở về chỗ cũ. Thọ trai rồi, thu y bát, rửa chân, trải tọa mà ngồi".

Đây là cảnh giới thanh tịnh của tánh Không không chỗ trụ vẫn diễn ra mọi lúc mọi nơi trong đời sống hàng ngày.

Trong đời sống hàng ngày chúng ta vẫn nghe vẫn sống tánh Không không chỗ trụ ấy, dù ít dù nhiều, dù biết hay không. Vì trong thật tướng, đời sống hàng ngày vẫn vốn tự giải thoát, vốn tự thanh tịnh, vốn là tánh Không không chỗ trụ.

Con đường của tự do ấy vẫn đi giữa cuộc sống hàng ngày của mỗi người, chỉ có điều là không có bụi bặm của tâm thức.

Như Bàng Uẩn nói:
*Hàng ngày việc không khác
Chỉ ta tự vui hòa
Vật vật không lấy bỏ
Chôn chôn chẳng trái ngăn.
Đò tía ai làm hiệu
Núi đồi bất bụi trần
Gánh nước là diệu dụng
Bữa cùi ấy thần thông.* ■



NGẮM TRỜI CHIỀU

*Chiều nghiêng bóng nắng ửng ven bờ
Gió lộng mây trôi tiếng cuộc ơ
Nhạn lẻ đưa tin hoài cổ quốc
Thuyền đơn đợi khách vịnh huyền thơ
Êm đêm bên nước khơi niềm nhớ
Lặng lẽ bờ sông mộng ước chờ
Lối cũ huyền duyên về ngắm lại
Đưa người ra khỏi chốn trần mơ.*

(03-07-2022)

THIỀN MÔN TỊCH TĨNH

(Bát vĩ đồng âm-bát đối-thập nhị cú)

*Trang nghiêm điện Phật thấp nguyên hương
Phùng tụng chơn kinh nguyện cúng dường
Chuông mõ ngân vang vui não chương
Thiền âm trầm bổng gỡ phiền vương
Thanh bình hiển hiện ngời kim tượng
An lạc phơi bày rạng pháp đường
Gió mát trắng thanh ân đức dường
Trời trong mây trắng nghĩa tình thương
Từ bi hỷ xả tâm lành vượng
Trí tuệ bao dung ý thiện trường
Trái chủ oan gia quy hướng thương
Cát tường diệu pháp trải mười phương.*

Tu Viện An Lạc, California, 04-07-2022

thơ **TRÚC NGUYỄN**
— **THÍCH CHÚC HIỀN**

Mẹ tôi

NGUYỄN SIÊU

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Khởi đầu câu chuyện về Mẹ, phải viết về lúc nào và về nơi đâu để cho đúng. Bởi vì khi nói về Mẹ, nghĩ về Mẹ thì nó rộng lớn quá. Nó vĩ đại quá. Nó lớn hơn một ôm tay của mình nên ôm không hết. Ôm mãi cũng không tròn, ôm hoài vẫn thấy thiếu. Tôi ôm tình Mẹ đã 70 năm rồi, giờ đây, ngồi hồi tưởng về Mẹ, để viết về Mẹ. Mẹ! Tình yêu nuôi lớn đời con.

Khởi đi từ lúc 3 tuổi, vừa mới chớm có chút ý thức biết nhớ Mẹ. Cứ mỗi chiều về, sau cạnh lũy tre xanh quanh nhà là tôi ngồi nhớ Mẹ. Mẹ tôi đi làm suốt ngày, có khi còn ở lại làm đêm nữa. Ở nhà chỉ có hai anh em, hai mái đầu thơ dại thì làm sao không nhớ Mẹ được? Nhớ Mẹ như là một triết lý sống đích thực hiện hữu trong lòng anh em tôi.

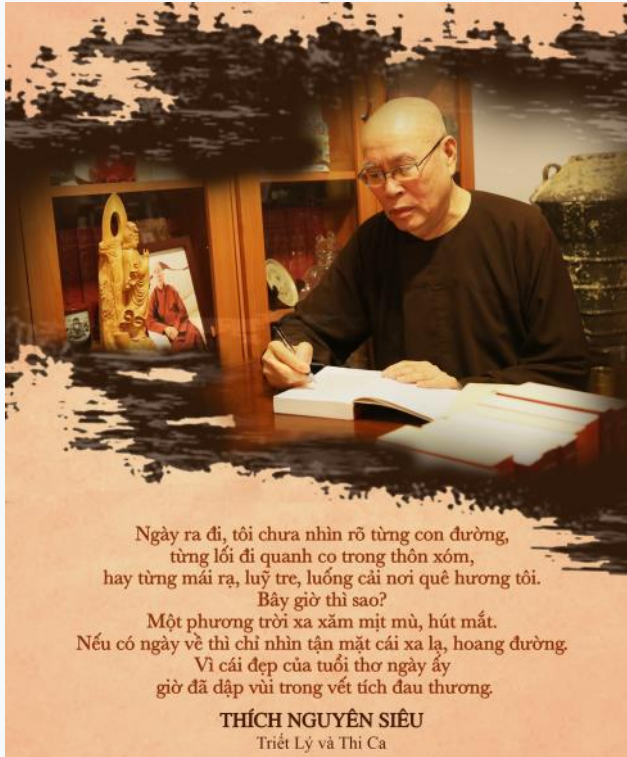
Mỗi khi ý thức vùng dậy nhớ Mẹ, thật khó chịu, không khí trong nhà trở nên vắng, nhìn trước ngó sau, thấy cái gì cũng trở trối, cọc lốc, chẳng thấy có chút tình tự ấm áp gì nơi đó. Mọi sự vật nó khô như khúc gỗ. Khô như chính nó khô. Và cứ mỗi lần như thế là tôi ra ngồi nơi vĩa hè trước nhà để chờ Mẹ về. Thời gian này là thời gian giá trị nhất của tôi. Ngồi trên thềm hè mà cứ dõi mắt trông ra đầu ngõ. Trông Mẹ về. Một cảm giác khó nói lắm. Có ai trông Mẹ về thì tự biết lấy.

Mẹ tôi, một bà Mẹ quê, quanh năm gồng gánh "Đòn gánh cửa vai". Mẹ tôi, mỗi sáng ra chợ đôi gánh khoai lang, khoai mì, rau đậu... đủ mọi thứ cho đến chiều về bằng đôi thùng với những thứ khác, đường tán đen, bánh trắng, gạo, nước mắm, muối... chừng ấy gạo mắm để nuôi anh em tôi một tuần lễ, vì Mẹ tôi có lúc phải gánh hàng ra tỉnh để bán, ở lại năm ba ngày, bán hết rồi mới về, thì anh em tôi lại có được thùng gạo lưng lửng khác để nấu với khoai đậu độn cơm. Nhờ tình thương yêu của Mẹ. Tình yêu con của Mẹ mà anh em tôi được khôn lớn theo thời gian tảo tần, gồng gánh một nắng hai sương của Mẹ. Tình thương nuôi con, Mẹ không quản ngại khó khăn, khổ cực. Dường như... Mẹ có đôi chân rất vững, đôi tay rất mạnh và đôi vai rất chắc để Mẹ chống đỡ tất cả những dãi dầu nắng mưa, sương khuya, nắng sớm. Mẹ có trái tim nồng ấm, Mẹ có lời ru ngọt ngào mà anh em tôi đã lớn trong dòng sữa ấm và lời ru ngọt ấy. Đến bây giờ, tôi đã đọc nhiều tác phẩm thơ văn viết về Mẹ. Ca tụng Mẹ. Nhiều bản nhạc để hát cho Mẹ. Để diễn tả về Mẹ. Phải nói rằng những lời thơ ấy, những bản nhạc ấy mang đậm nét súc tích mỹ miều, mang nặng giá trị nhân bản, tình Mẹ vô bờ, cao rộng tốt cùng và sâu thẳm. Có thể nói góp nhặt hết ngôn ngữ, chữ nghĩa của trần gian này để hiến dâng cho Mẹ mà

vẫn còn thiếu, còn hụt hẫng, chênh vênh. Ấy là cái đẹp của chữ nghĩa, cái cao sang mượt mà của ngôn ngữ, chỉ là sự tương đối, hình dung ảnh tượng của ảnh tượng trần gian. Còn tình Mẹ, tình yêu thương, cái tình nuôi lớn đời con thì sao? Như chiều nay, Mẹ quẩy gánh về thấy con ngồi nơi vĩa hè, Mẹ bỏ đôi gánh xuống bể con vào lòng cho con bú. Mẹ không nói một lời, vì Mẹ biết con khát sữa. Mẹ biết con trông Mẹ. Chừng ấy. Hình ảnh ấy. Cái hình ảnh đang diễn ra ấy, đẹp vô ngôn. Tương dung tình Mẹ. Tương nhiếp tình con. Cả hai đều im lặng. Chỉ cảm của con và ứng của Mẹ. Một trời yêu thương gặp nhau trong phút giây nhiệm mầu.



*Tôi ngồi đây ôn lại chuyện xưa
Chuyện thời làm điệu
Chuyện Mẹ ru con đêm mưa
Tôi ngồi đây ôn lại chuyện mình
Chuyện thời thơ ấu xinh xinh
Chuyện làm chiếc ghe giấy
Thả theo dòng nước trên quê mình
Tôi ngồi đây viết lại chuyện tình
Tình Mẹ nuôi con bằng dòng sữa ngọt
Mẹ ru con ru hoài ngàn năm
Mẹ dạy con dạy lời đầm ấm
Mẹ dạy hoài, dạy mãi trăm năm
Con lớn khôn thì mẹ không còn
Con thành người thì Mẹ mãi mòn
Lưng Mẹ còng
Tóc Mẹ bạc
Mắt Mẹ mờ
Trán Mẹ chon von
Hôm nay đây con ngồi nhớ Mẹ
Hình bóng người sống mãi trong con
Như trăng đầu non
Trăng tròn mười sáu
Thương Mẹ vuông tròn đời con
Bây giờ con đi tìm Mẹ
Mẹ ở đâu? Con tìm nơi đâu?
Vượt biển sâu, lòng đại dương Mẹ sống?
Trên lầu đài làm bằng ánh lưu ly?
Mẹ ra đi trên đỉnh non cao
Con tìm Mẹ, dáng Mẹ hao hao
Thân Mẹ ốm, vai Mẹ gầy
Con sụp lạy Mẹ
Mẹ mãi mãi bên con
Dầu trên đỉnh non
Hay lòng đất lạnh
Dầu trong hiu quạnh
Hay chốn nắng mưa
Con nguyện bên Mẹ
Đời đời của con*



Tôi nhớ rất rõ về Mẹ. Từng cử chỉ, từng lời nói. Từng sự sinh hoạt hằng ngày. Rõ mồn một. Tôi có duyên đặc biệt với Mẹ nên đời này Mẹ tôi thương tôi thật nhiều.

Gia đình tôi tản cư vào thành phố Nha Trang, nơi đầu cầu Hà Ra, giữa đầu trong của cầu Xóm Bóng. Một hôm, vị Thầy con của bà cô đã đi tu nhiều năm trước, về thăm nhà. Tối đến, Mẹ tôi vào phòng và nói với tôi: “Ngày mai con theo Thầy lên chùa tu nghe.” Gọn lăm, có bấy lời. Không bàn bạc. Không hỏi han thăm dò hay ý kiến. Ngồi nhìn Mẹ, nghe Mẹ nói thật ngắn gọn, đơn giản. Khi ấy tôi cũng chẳng hỏi Mẹ, sao Mẹ muốn cho con đi tu? Con đi tu rồi ai ở bên Mẹ? Ai lo cho Mẹ về già? Cho đến bây giờ nghĩ lại, dường như những câu hỏi khi xưa tôi không hỏi ấy, bây giờ đã trả lời cho tôi rõ ràng, nhiều tác dụng vô lượng đời. Năm ấy tôi mười tuổi, chẳng hiểu thế nào là tu. Thế nào là xuất gia. Thế nào là sống đời làm điệu. Sáng quét lá bồ đề trước sân, chiều tưới cây quanh chùa trước sân hoa kiểng. Lặng lẽ đêm đó Mẹ cho ít vật dụng vào giỏ và sáng hôm sau xách đi theo Thầy về chùa Long Sơn. Đi tu như một huyền thoại.

Mẹ là nhân duyên để tôi đi tu cho đến ngày hôm nay. Theo cái nhìn của thế nhân thì trông bình thường như vậy. Nhưng thâm thấu trong tận cùng trái tim, nó có nội hàm tuyệt vời, siêu ngôn ngữ. Mẹ đã theo ở bên tôi. Đáng lý ra phải nói tôi theo ở bên Mẹ. Con theo Mẹ. Con ở với Mẹ. Con có Mẹ trong vòng tay. Khi tôi bệnh. Lúc tôi đau đều có Mẹ tôi chăm sóc. Dù biết rằng, khi ấy tôi đã đi tu. Mẹ đã thức khuya dậy sớm, ly nước, chén cháo đã không thiếu và luôn luôn ở bên tôi. Mẹ đã không rời xa tôi, như tôi đã xa rời Mẹ.

Đi học trong Sài Gòn nhiều năm, cũng như chương trình truyền chuyển của Phật Học Viện qua nhiều nơi, nhiều tự viện nên tôi phải xa Mẹ.

Đến khi về thăm nhà thì Mẹ tôi vui mừng, vừa khóc vừa ôm tôi vào lòng, khi ấy tôi đã lớn. Chợt nhớ: “Mẹ già trăm tuổi còn thương con tám mươi”. Được ở trong vòng tay Mẹ, tôi nhìn kỹ thì ra bây giờ tóc Mẹ bạc mầu, da Mẹ nhăn nheo. Gò má gầy hao theo năm tháng không còn đầy đặn như khi xưa, Mẹ được mọi người khen tặng: “Con gái đẹp nhất xóm”. Dù gia đình nghèo, nhưng cái đẹp của người miền quê chân thật, thuần hậu. Cái đẹp của mầu da hung hung sạm nắng. Mẹ có mái tóc dài quá lưng trên dáng người hao hao. Mỗi khi Mẹ quẩy gánh ra đường thì mái tóc ấy được búi cao, gọn gàng, trông có chút quý phái của người Mẹ miền thôn dã.

Có lần theo Mẹ ra đồng, khi ấy mới năm tuổi, thấy Mẹ xắn quần tới gối, cấy mạ thụt lùi trên đám ruộng. Khi lúa chín, Mẹ cắt lúa, gánh lúa về đập lúa, phơi lúa, sàng lúa... dù việc để Mẹ làm, đúng là bà Mẹ quê: “Con cò lặn lội bờ sông”. Việc gì Mẹ cũng làm được, nhiều khi Mẹ thay Ba để dạy con nữa. Bây giờ Mẹ đã không còn. Ngồi nhớ Mẹ để thấy Mẹ là nhà kinh tế. Mẹ là nhà giáo dục tâm linh. Mẹ là nhà văn hóa nhân bản. Mẹ dạy con làm người tốt. Mẹ cho con một đời sống thiết thực trong nhân quần xã hội. Mẹ đề cao tình người, làng nước, gần gũi với nhau. Cứ mỗi ngày 14 rằm, 30 mồng một, Mẹ nấu xôi chè cúng Phật. Cúng xong, nhang tàn Mẹ hạ xuống, phần lớn mang cho hàng xóm. Thấy vậy, tôi hỏi sao Mẹ không dành phần xôi cho Ba, vì Ba thích xôi. Mẹ nói: “Người ta ăn thì còn, Ba con ăn thì hết.” Tôi im lặng, nhìn Mẹ quay quắt qua nhà hàng xóm.

*Tôi ngồi đây để nhớ về xóm làng cũ
Nhớ con mường, hàng đậu, cái giếng trước nhà*

*Từ thuở ấu thơ quá đậm đà tình Mẹ
Nhưng giờ đã qua như đã mất hết rồi*

*Vườn trầu của ngoại xinh xinh
Ngát hương làng xóm ngát tình dân quê
Tiếng hò diu dặt trên đê
Đáng cò xuôi cánh trắng thề đầu non.*

Bóng Mẹ chiều nay, trong chiếc áo bà ba đen, đầu đội nón, tay bưng cái rổ nhỏ đi chợ, chú nhìn Mẹ thấy rõ niềm vui trên khuôn mặt, thì ra vì có tôi về thăm Mẹ. Cứ mỗi lần như thế là Mẹ vui. Mẹ hết đau, hết bệnh. Như thường ngày, mỗi tối Mẹ xúc một trạch than lửa rồi phủ tro để dưới giường cho ấm. Xong buổi cơm tối, Mẹ tôi ngồi bên cửa sổ nói chuyện gia đình. Mẹ nói: “Tui biết ông ở bên tui là ông khổ, nhưng tui không muốn ông đi xa tui, cho đến khi nào tui chết, thì ông tự do đi và chừng ấy ông mới hết khổ.” Nguyên văn lời nói của Mẹ là vậy. Tôi luôn nhớ cho đến hôm nay. Khi nghe Mẹ nói, tôi nhìn Mẹ cầm tay xoa xoa:

- Mẹ cho con đi tu 20 năm rồi mà, đâu có phải một sớm một chiều nữa đâu mà nói được ở bên cạnh Mẹ. Sao khi xưa Mẹ bắt con lên chùa ở, dù nhớ Mẹ, muốn về thăm mà Mẹ cũng không cho. Đi tu là phải xa nhà, xa Mẹ mà.

Tình Mẹ là vậy đó, đã cho con đi tu, nhưng luôn canh cánh bên lòng.

(trích Triết Lý và Thi Ca, Nguyễn Siêu)

TRONG CA DAO ĐỜI MẸ

*Qua sông sóng cuộn dạt dào
Nghe con sáo sậu hát bài ca dao
Ngoài vườn thơm ngát hương cau
Trắng soi tóc mẹ dài dầu pha sương.*

*Nơi nào cũng một quê hương
Mà sao nhớ mẹ mỗi đường xa quê
Gởi trong tiếng gió ai về
Còn thơm rom rạ bờ đề đất làng.*

*Xin làm sao sáng trên ngàn
Để gieo thương nhớ dịu dàng lời ru
Hạc bay qua cội sa mù
Xanh trong nội cỏ ngọt lời từ quang.*

*Con đi muôn dặm đường trần
Năm non bảy núi ai bằng mẹ đâu
Ước chi nghe tiếng ví dâu
Trong cơn nắng hạn, mưa rào lại thương.*

*Diệu tâm ngát một tấm lòng
Tìm trong cội rễ suối nguồn trong veo
Sen hồng thơm nụ ca dao
Nở trong nắng sớm những câu ân tình.*

KHÚC GIAO MÙA

*Buổi sáng nghe tiếng chim
Chào bình minh thức giấc
Thanh âm chạm vào tim
Rộ trên đồi hoa cúc.*

*Hoa nở trong vườn Phật
Hương thiền thoảng bay xa
Thấy lòng hiền như đất
Cuộc đời vốn phù hoa.*

*Giật mình nghe tiếng lá
Khẽ chạm vào hư không
Chén trà sen thơm lạ
Chuông chùa vắng bên sông.*

*Giữ lòng mình ấm lửa
Tình người suốt thu đông
Trái tim luôn mở cửa
Đón hoa cỏ thơm nồng.*

*Khúc giao mùa đầu hạ
Xanh biếc màu nắng trong
Gột sạch bao phiền muộn
Cội phúc khéo vun trồng.*

YÊU THƯƠNG Ở LẠI BÊN NGƯỜI

- Tưởng niệm những người đã mất vì bệnh cô-vít

*Cho tôi xin một nụ cười
Hoa yêu thương nở môi người bao dung
Sẻ chia bao nỗi khổn cùng
Suối nguồn tuôn chảy thủy chung một lòng.*

*Cho tôi hái một đóa hồng
Phủ sa tươi mát ruộng đồng trở hoa
Tình người nào ở đâu xa
Tấm lòng thơm thảo chan hòa mến thương.*

*Cho tôi yêu một con đường
Hàng cây xanh mát phố phường reo vang
Qua cơn dông bão bụi tàn
Thôi bao giọt lệ ngập tràn xót xa.*

*Cho tôi kết một vòng hoa
Chắp tay tưởng niệm thiết tha kiếp người
Tình thương ở lại bên đời
Hoa đăng thấp sáng những lời thiện tâm.*

thơ TÔN NỮ MỸ HẠNH



THUYẾT PHÁP CHO CHA MẸ

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Trong năm việc mà Như Lai nên làm ở đời, có hai việc quan trọng là “thuyết pháp cho cha, thuyết pháp cho mẹ.”

Trước khi vượt thành xuất gia, Thái tử Tất-đạt-đa dù nung nấu chí nguyện cao cả tìm đạo giải thoát để cứu độ chúng sinh nhưng niềm riêng trách nhiệm, tình cảm gia đình vẫn là điều luôn ưu tư, khắc khoải. Đến khi xuất gia tu tập thành đạo, chuyển vận bánh xe Chánh pháp, thành lập Tăng đoàn, Đức Phật liền trở lại cố hương, kinh thành Ca-tỳ-la-vệ để thăm viếng, giáo hóa phụ vương Tịnh Phạn, di mẫu Ma-ha-ba-xà-ba-đề và hết thầy bà con thân tộc hoàng gia.

Đức Phật là tấm gương sáng ngời về hạnh hiếu. Đặc trưng hiếu đạo của Ngài là “thuyết pháp cho cha mẹ, giúp cha mẹ tin hiểu Chánh pháp nhằm an lạc lâu dài.” Ôn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ thật to lớn, chúng ta dù là ai, nên dành với đời thành ông này bà nọ, hay thành bậc Giác Ngộ như Đức Phật - Tam thế đều xung tôn, thì cũng phải lo đáp đền.

“Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

...Bấy giờ Thế Tôn dùng ba việc này giáo hóa ngàn Tỷ-kheo. Các Tỷ-kheo kia nhận lời Phật dạy rồi, ngàn Tỷ-kheo đều thành A-la-hán. Khi ấy, Thế Tôn đã thấy ngàn Tỷ-kheo đắc A-la-hán. Bấy giờ trong cõi Diêm-phù có ngàn La-hán và năm Tỷ-kheo với Phật là sáu. Khi ấy Ưu-tỳ Cù-đàm liền nghĩ: ‘Thế Tôn vì sao ngồi hướng về Ca-tỳ-la-vệ?’

Ưu-tỳ Cù-đàm liền quỳ trước Thế Tôn bạch:

- Chẳng rõ Như Lai vì sao ngồi hướng về Ca-tỳ-la-vệ?

Thế Tôn bảo:

- Như Lai ở đời nên làm năm việc. Thế nào là năm? Nên chuyển Pháp luân, nên thuyết pháp cho cha, nên thuyết pháp cho mẹ, nên dắt dẫn phàm phu lập hạnh Bồ-tát, nên thọ ký Bồ-tát. Đó là, này Cù-đàm, Như Lai ra đời nên hành năm pháp này.

Ưu-tỳ Cù-đàm lại nghĩ rằng: ‘Như Lai nhớ thân tộc và nước của mình nên ngồi hướng về đó!’..”

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập I, phẩm 24. Cao tràng [2. trích], VNCPHVN ấn hành, 1997, tr. 489)

Thật nhân bản khi Đức Phật vừa thuyết pháp độ sinh lại không quên báo đáp thâm ân cha mẹ. Ngài khẳng định trong năm việc mà Như Lai nên làm ở đời, có hai việc quan trọng là “thuyết pháp

cho cha, thuyết pháp cho mẹ.” Đức Phật đã rời bỏ tất cả sự nghiệp thế gian, chỉ còn ba y một bát, sống đời du hành thì có gì để cho cha mẹ. Cái mà Đức Phật có thể cho, và cha mẹ của Ngài cần chính là Giáo pháp.

Có thể xem đây là cơ sở quan trọng để thực hành hiếu đạo của người xuất gia đệ tử Phật. Người xuất gia hẳn nhiên không có tài sản, nếu có chẳng cũng là của đàn na tín thí, nên không thể đem tiền công đức, của Tam bảo về cho cha mẹ. Làm như vậy ắt không phải hiếu (nếu không muốn nói là bất hiếu), vì bản thân người xuất gia mắc tội với Tam bảo, cha mẹ có thọ dụng tiền của ấy thì mắc nợ tín thí, chịu quả báo nặng nề. (Trừ hoàn cảnh đặc biệt, người xuất gia có thể phụng dưỡng cha mẹ

trong giới hạn cho phép mà thôi).

Người xuất gia chỉ có một thứ tài bảo duy nhất để mang về cho cha mẹ là Giáo pháp. Càng mang về cho cha mẹ nhiều Giáo pháp bao nhiêu thì công đức, phước báo của mình và cha mẹ tăng thêm bấy nhiêu. Hẳn người xuất gia nào cũng đã từng tự vấn và quán xét, từ ngày mình đi tu đến nay đã mang Giáo pháp gì về cho cha mẹ. Song thân của mình đã hiểu thêm điều gì trong Giáo pháp để có thể chuyển hóa nghiệp lực mà an vui hơn trong hiện đời cũng như đời sau.

Hiện nay, một số ít vị xuất gia đã có cách báo hiếu đúng pháp như trên đã nói. Một số khác thì chờ khi cha mẹ chết mới tiến hành cầu siêu, cúng tế, làm phước linh đình..., tuy có tâm hạnh báo hiếu nhưng vẫn chưa xứng hợp với lời dạy “nên thuyết pháp cho cha mẹ” của Đức Phật. Vì ai cũng biết cầu siêu hay tạo phước để hồi hướng cho người chết chỉ là việc làm có tính ‘vớt vát’ khi nghiệp đã tạo, lúc sự đã rồi; nếu ác nghiệp và tà kiến sâu nặng thì sau khi chết liền đọa lạc, và thật không dễ để siêu độ họ.

Đúng đắn và thiết thực nhất mà mỗi người xuất gia đều có thể làm để báo hiếu là “thuyết pháp cho cha mẹ”, như Đức Phật đã làm. “Thuyết pháp” ngoài giảng nói thông thường là tìm phương cách nào đó (như tụng kinh, đọc sách, nghe giảng v.v...) giúp cha mẹ thấu hiểu Chánh pháp, tin sâu nhân quả, hiểu rõ tội phước, bỏ ác làm lành, siêng năng tu niệm, chuyển hóa ba nghiệp, tịnh hóa thân tâm để cha mẹ hiện đời an vui, đời sau tái sinh vào cõi lành.



RẼM THÁNG BẢY

Rằm tháng bảy muôn hương hoa bát ngát
Lòng bao người tưởng Phật nhớ tổ tiên
Nghĩ công ơn của cha mẹ hiện tiền
Lên chùa lễ khói trầm thiêng phảng phất
Mục Kiền Liên lực thần thông đệ nhất
Đại hiếu tâm động trời đất quỷ thần
Đau lòng vì vong nạ quỷ mẫu thân
Thập phương tăng cùng ân cần chú nguyện
Tâm niệm bà trong sát na chuyển biến
Lìa tham sân liên lập tức sanh thiên
Cả địa ngục cùng hưởng phước vô biên
Lửa thống khổ hóa hồng liên siêu thoát
Ngoài thiên nhiên chim véo von ca hát
Trong Phật đường kinh sám hồi âm vang
Ngài Địa Tạng cảm châu báu gậy vàng
Soi sáng tâm và đập tan cửa ngục
Gieo năm vóc lay để đầu phủ phục
Quán vô thường cùng thúc thủ thân tâm
Tuy chậm nhanh nhưng nhân quả chẳng lầm
Khi đã đọa thì tháng năm trường cửu
Phước với huê song song nha đạo hữu
Đời phàm phu phúc họa mãi luân lưu
Nhiều buộc ràng ngõ hẹp gặp oan cừu
Bởi thế nên tinh tấn tu tự cứu
Rằm tháng bảy tế cửu huyền thất tổ
Xả vong nhân cầu tịnh độ vắng sanh
Thức tỉnh tâm đến cảnh giới an lành
Phật từ bi thương chúng sanh muôn loại
Người, phi nhân cùng về Vu lan hội
Trăng trời đêm vàng vặc khắp núi đồi
Dòng tử sanh vô tận mãi luân hồi
Cứ tháng đọa đã bao đời vẫn thế
On Phật dạy những người con hiếu để
Tứ trọng ân ghi nhớ chớ hề quên
Chẳng bằng vàng bia đá để ghi tên
Chỉ là gốc làm nên người hiền thiện.



NGÀY HỘI HIẾU

Tháng Bảy Vu Lan về
Lòng bao người tưởng nhớ
Tổ tiên và ông bà
Cùng hiện tiền mẹ cha

Lên chùa ngày hội hiếu
Hương khói trầm phieu diêu
Nhớ tứ ân Phật dạy
Cảm khái biết bao nhiêu

On Phật, on thầy tổ
On dưỡng dục sinh thành
On thọ chung quốc độ
On tín thí cộng sanh

Rằm tháng Bảy an lành
Cầu chúc vậy quanh năm
Mọi người đều như thế
Ngày và đêm sáu thời

Hiếu đâu chỉ một ngày
Trọn đời xin nhớ lấy
Đời nói đời vẫn vậy
Gốc của mỗi con người

Hiếu là điều căn bản
Của loài người thế gian
Đời vô thường hợp tan
Duy hiếu thì bất biến

Mọi rợ hay văn hiền
Thô thảo hoặc thiện hiền
Đông tây tuy khác biệt
Hiếu vẫn là trước tiên

Ngày hội hiếu thiêng liêng
Nét dân tộc cổ truyền
Thương mẹ cha vĩnh viễn
On đức người vô biên.

thơ

ĐỒNG THIỆN

Ất Lăng thành, 08/2021



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THÔNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Kính gửi: - Chư Tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại Đức Tăng Ni Chùa Việt Nam (California) và Thiền viện Thiên Ân (Georgia)
- Ban Tang Lễ và Môn đồ Pháp quyền

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật



Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH vừa nhận được ai tín: **HÒA THƯỢNG THÍCH NHƯ MINH**, Trụ trì Chùa Việt Nam (Los Angeles, California) và Viện chủ Thiền viện Thiên Ân (Atlanta, Georgia), Hoa Kỳ, do bệnh duyên đã thuận thế vô thường, viên tịch vào 0 giờ ngày 19-7-2022 (nhằm ngày 21 tháng 6 năm Nhâm Dần); trụ thế 69 năm, 45 hạ lạp.

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH nhất tâm cầu nguyện Giác linh Hòa Thượng CAO ĐẲNG PHẬT QUỐC; đồng thời thành kính phân ưu cùng chư tôn đức Tăng Ni, Môn đồ Pháp quyền, chư Phật tử Chùa Việt Nam và Thiền viện Thiên Ân.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Santa Ana, ngày 19 tháng 07 năm 2022

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH

Chủ Tịch,



Tín Nghĩa
Sa Môn Thích Tín Nghĩa

CHIẾN TRANH VÀ BẤT BẠO ĐỘNG

Nguyên tác: “Religion and Society” by **S. RADHANKRISHNAN**

HT. Thích Quảng Độ dịch

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

(tiếp theo kỳ trước)

VII. QUAN ĐIỂM CỦA GIA TÔ GIÁO

Trong Cựu Ước có hai dòng tư tưởng, một ôn hòa [1] và một, có ưu thế hơn, hiển nhiên là quá khích. Thượng đế trong Cựu Ước tán trợ chiến tranh và giết chóc.

Lời dạy của Jesus không phải là một vấn đề được quyết định bằng cách tham chiếu những lời tuyên bố mâu thuẫn với luật lệ chiến tranh và những lời cho phép sử dụng vũ lực, mà nó phải được hiểu theo nhân cách và gương mẫu của Jesus. Từ quan điểm ấy, chúng ta có thể nói rằng Jesus gạt bỏ tất cả mọi sự bạo động, loại trừ chiến tranh như một phương pháp cưỡng bức ý muốn của các dân tộc. Khi Jesus trích dẫn giới điều: “Người không được giết” trong Cựu Ước, Jesus cho nó một nghĩa rộng. Ngài nói: “Kẻ nào giận dữ với anh em kẻ ấy sẽ bị phán xử.” Sự mù quáng của những kẻ quá khích là đề tài của một câu ngụ ngôn nổi tiếng trong Tân Ước: “Khi một kẻ mạnh canh gác lâu đài của y thì của cải của y được an toàn. Nhưng khi một kẻ mạnh hơn y xâm nhập và đánh bại y thì hẳn lột hết áo giáp của y mà y đặt trọn tin tưởng vào đó và chia chiến lợi phẩm của y”. [2]

Sự mặc khải (Revelation) của Jesus về thượng đế như người cha của hết thảy đã lu mờ vì những tập quán của các dân tộc theo đạo Thiên Chúa. Bài giảng huấn trên núi như một lời khuyên nhủ tuyệt vọng chỉ được áp dụng, nếu có thể, cho những cá nhân chứ không phải cho những quốc gia. Chăm ngôn của Jesus: “Kẻ nào tát con vào má bên phải, hãy chìa nốt má bên trái.” “Đừng chống lại tội ác.” “Kẻ nào dùng gươm sẽ chết vì gươm.” “Nếu vương quốc của ta là thế giới này thì ta muốn cho kẻ nô bộc của ta chiến đấu, nhưng vương quốc của ta không phải từ đây,” v.v... Tất cả được coi như chỉ liên hệ đến cá nhân mà thôi. Jesus không phải là một nhà lập pháp và chủ nghĩa bất đề kháng của ngài chỉ dành cho một số “con chiên” trong một hoàn cảnh thù nghịch. Jesus không dạy cho người ta thủ tiêu hệ thống luật pháp công cộng. Một xã hội có tổ chức không thể không áp dụng vũ lực. Ngay cả các quốc gia theo Thiên Chúa giáo cũng phải đàn áp những kẻ tội phạm và phải tự vệ chống lại những kẻ xâm lăng. Sự chống trả bằng vũ trang không trái với Phúc Âm của Jesus. Jesus đã lên án những thành phố Chorazin, Bethsaida và Capernaum bằng những lời rất mãnh liệt. Ngài ghét cay ghét đắng những người Scribes và

Pharisees. Ngài dùng roi đuổi những người đổi tiền ra khỏi đền thờ. “Và Jesus tiến vào đền thờ thương để và đuổi tất cả những người mua bán ra khỏi đền, và lật đổ những cái bàn của những người đổi tiền, cái ghế ngồi của những người bán chim bồ câu.” Cử chỉ này hoàn toàn không phù hợp với tính tình hiền hòa dịu dàng của Jesus

và không thể tưởng tượng được trong trường hợp của một Gandhi, thường được dùng để biện minh cho sự sử dụng vũ lực và bạo động. Nói đến tình trạng xáo trộn về chính trị mà ngài trông đợi sau khi chết, Jesus khuyên tín đồ của ngài bán hết quần áo và mua gươm khi cần. “Ta đến đây không phải để đem lại bình an nhưng là thanh gươm”. Ngài tuyên bố: “Kẻ nào đụng đến một trong những đứa

nhỏ này thì kẻ ấy sẽ phải mang một cái cối đá vào cổ hay sẽ bị ghim xuống đáy biển”. Jesus cực dữ tợn đối với kẻ ác và nghiêm khắc với những kẻ phạm tội mà không biết hối cải. Sự sống của con người đầy dẫy những mâu thuẫn và ta phải chọn lấy điều kém xấu hơn trong hai điều xấu. Trong bất cứ hoàn cảnh cụ thể nào chúng ta cũng phải cân nhắc thiện và ác, và tìm cầu phúc lợi cho con người đến mức tối đa có thể được trong mọi trường hợp. Đôi khi sự lựa chọn là giữa một cuộc giải phẫu quan trọng và cái chết chắc chắn của bệnh nhân. Giáo hội Thiên Chúa giáo khuyên chúng ta áp dụng nguyên tắc bất bạo động một cách trung dung, và không đòi hỏi tín đồ phải tuyệt đối vứt bỏ “của cải, vợ con hay vũ khí”.

Giáo hội nguyên thủy đã chống lại chiến tranh. Justin, Martyr, Marcion, Origen, Tertullian, Cyprian, Laetanius và Eusebius v.v... tất cả đều lên án chiến tranh như là trái với Thiên Chúa giáo. Clément của Alexandria (190-255) phản đối những sự chuẩn bị chiến tranh và ví những người Thiên Chúa giáo nghèo như một “Đội quan không có vũ khí, không có chiến tranh, không có đổ máu, không thù hận và nhớ nhuốc”. Tertullian (198-203) nói rằng khi Peter cắt tai của Malchus, Jesus “nguyên rủa mãi mãi hành vi tàn bạo ấy”. Hippolytus (203) quan niệm Đế Quốc La Mã như một con vật thứ tư của Apocalypse. Cyprian (257) lên án chiến tranh “Đã gieo rắc tàn bạo đầm máu khắp nơi”. Ngay cả khi bị quyền lực thế tục mạnh nhất đàn áp, Giáo hội nguyên thủy cũng lên án sự dùng bạo lực. Nhưng, từ thời đại Theodosius đại Đế (379-395) Thiên Chúa giáo đã trở thành quốc giáo và đã bại hoại, giáo hội đã chống lại bất bạo



động. Kể từ đó, các cuộc tranh đấu của giáo hội và nhà nước đã thường xảy ra và giáo hội không còn thì giờ để quyết định xem bạo động là phải hay quấy. Trong ba thế kỷ đầu tiên, rõ ràng giáo hội Thiên Chúa đã bác bỏ chiến tranh, tuy nhiên, khi Thiên Chúa giáo được thiết lập như một quốc giáo thì chiến tranh đã len lỏi và Thiên Chúa giáo, lúc đầu được dung thứ và sau đó được giáo hội ban phúc. Trong điều khoản 37 ghi rõ rằng "Theo mệnh lệnh của nhà cầm quyền, người Thiên Chúa giáo được phép mang vũ khí và phục vụ chiến tranh". Điều khoản ấy không nói rằng giúp đỡ quốc gia trong một cuộc chiến tranh chính nghĩa là nhiệm vụ đạo đức, nhưng, theo quan điểm của người Thiên Chúa, những ai hành động như vậy là hành động hợp pháp. Người Thiên Chúa giáo chủ trương rằng những kẻ công bằng, đức hạnh "có quyền sử dụng thanh gươm" trong trường hợp chính nghĩa và không màng đến tư lợi. Thánh Thomas Aquinas khuyến khích hàng giáo sĩ phải cổ vũ quân lính, vì "Nhiệm vụ của các nhà mục sư là khuyến khích những người khác tham gia các cuộc chiến tranh chính nghĩa". Nếu ngày nay các Giáo Hoàng và Tổng Giám mục bảo nhiệm vụ của người Thiên Chúa giáo là phải giết thì đó chỉ là sự biểu hiện cái tinh thần đã xâm nhập thể giới Thiên Chúa giáo cách đây hàng thế kỷ. R. H. Heygrodt nói năm 1915: "Nếu Jesus của Nazareth, người giảng dạy thương yêu kẻ thù, lại xuất hiện giữa chúng ta bằng xương bằng thịt - có lẽ không nơi nào ngài sẽ hiện thân hơn là ở nước Đức - thì theo các bạn, ngài sẽ hiện thân ở đâu? Các bạn có nghĩ rằng ngài sẽ đứng trên tòa giảng và nói một cách bức tức: "Những người Đức tội lỗi kia, hãy thương yêu kẻ thù của các người?" chắc chắn là không. Trái lại, ta sẽ thấy ngài ngay trên trận tuyến, đứng hàng đầu những người mang gươm đang chiến đấu với niềm thù hận ngút trời. Đó là nơi mà ngài sẽ hiện thân, và ngài sẽ ban phúc cho những bàn tay vấy máu và những vũ khí giết người, có lẽ chính ngài sẽ cầm thanh gươm phản xét và đuổi những kẻ thù của người Đức ra khỏi biên thù của nước Chúa, như ngài đã đuổi những lái buôn Do Thái và những người cho vay nợ lãi ra khỏi đền thờ." [3]

Sự điều hòa giữa "Đừng chống lại tội ác" và "chống lại tội ác bằng vũ lực", giữa "chia má bên trái" với "tắt trả lại" là điều hòa giữa ánh sáng và bóng tối, giữa thiện và ác. Chỉ có sự hòa giải ấy là được quan niệm như một nhượng bộ đối với nhược điểm của bản tính con người. Trong thời đại Cải Cách đã có một sự chống đối chiến tranh cao cả. Erasmus viết: "Đừng nói gì đến một người Thiên Chúa, đối với một người thường thôi, không có gì như nhớp, ti tiện và tàn bạo hơn chiến tranh. Nó xấu xa ác độc hơn thú vật, đối với loài người, không có dã thú nào nguy hiểm hơn chính đồng loại của mình. Khi thú vật đánh nhau thì chúng đánh nhau bằng những vũ khí mà thiên nhiên đã ban cho chúng, còn chúng ta thì tự vũ trang để tàn sát lẫn nhau bằng những vũ khí mà thiên nhiên chưa bao giờ tưởng tượng đến. Thú vật cũng không thù nghịch vì những nguyên nhân nhỏ nhặt, chúng chỉ mất trí khi cơn đói hành hạ, hay khi chúng tự thấy bị tấn công, hoặc là khi con cái chúng bị đe dọa. Còn chúng ta, vì những nguyên cơ không đâu, đã gây bao sân khấu thảm hại trên sân khấu chiến tranh!

"Hãy thương yêu kẻ thù" đòi hỏi một thái độ đúng đắn đối với người đồng loại của mình. Điều cần thiết không phải chỉ là bắt đề kháng, từ bỏ hận thù và ý niệm phản động, nhưng là một tinh thần yêu thương. Chúng ta không thể cứu thế giới bằng một tội ác như chiến tranh trừ phi chúng ta sẵn sàng chịu đựng những khổ đau bao hàm trong đó. Chúng ta phải tránh xa những tham vọng man rợ và giết người của thể giới vây quanh chúng ta, hy vọng một ngày nào đó sẽ có cơ hội phát triển một nguyên lý tốt đẹp hơn. Chúng ta phải thấp lùn một ngọn nến của tình thương yêu trong một thế giới điên rồ và thù hận.

Người ta bảo tội ác chỉ có thể ngăn chặn bằng vũ lực, rằng trong một thế giới tranh giành và bạo động, công lý sẽ tiêu diệt nếu không được bảo vệ. Nhưng chúng ta có nên nghĩ đến những hậu quả của sự kết hợp với tinh thần thương yêu không? Trời sẽ thấy sự chiến thắng của lẽ thiện chống lại điều ác. Bốn phận của chúng ta là áp dụng luật thương yêu trong tất cả mọi trường hợp và khắp nơi khắp chốn, đừng bao giờ ham mê uy quyền, công danh và lợi lộc là những thứ xuất phát từ sự sợ hãi và tính ích kỷ. Chúng ta không thể tin tưởng ở một đảng cha chung mà lại tán đồng một chính sách giết người hàng loạt một cách cực tàn nhẫn. Những tín đồ của Chúa buộc phải từ bỏ chiến tranh vì nó phản lại với tinh thần sáng suốt và tình thương yêu. Dù các ngài có che đậy và nguy trang cách nào đi nữa thì chiến tranh cũng vẫn là sự cố gắng của một nhóm người cưỡng bức một nhóm khác bằng cách gieo rắc chết chóc và hủy diệt. Nguồn gốc của chiến tranh nằm trong lòng con người, trong sự hãnh diện và sợ sệt, trong ganh tỵ và tham lam, nhất là khi những tính xấu ấy lại khoác bộ áo dân tộc.

Chúng ta có thể tham dự vào các cuộc chiến tranh "chính nghĩa", "tự vệ" và "thánh chiến" không? Câu trả lời của Jesus cho vấn đề này rất rõ ràng và quyết liệt. Không thể có một chính nghĩa nào thiêng liêng hơn cái chính nghĩa của các tín đồ chiến đấu với kẻ thù của đảng Cứu Thế để bảo vệ cho ngài. Họ muốn chiến đấu không những chỉ cho vương quốc trên trái đất mà còn cho cả nước Chúa mà trước mặt ngài chủ nghĩa ái quốc cao quý nhất cũng phải tan biến. Nhưng không thể cứu thế giới bằng vũ khí mà chỉ có thể bằng đức nhẫn nhục chịu khổ và tình thương yêu đầy hy sinh của Thập Tự Giá mà thôi. Đừng báo thù, đừng trả oán, dù là quốc gia hay cá nhân, chúng ta đừng nghĩ rằng nguyên tắc của tình thương chỉ giới hạn trong những liên hệ giữa cá nhân chứ không thể áp dụng cho những mối bang giao quốc gia hay quốc tế. Lương tâm Công giáo đang tiến bộ, và vì thế, cách đây 15 năm, các tổng Giám mục và Giám mục đã tuyên bố trong cuộc hội nghị tại Lambeth rằng chiến tranh "trái với tinh thần chúa Kitô". Chúng ta đã bắt đầu cảm nhận rằng nếu chúng ta được coi là văn minh thì chúng ta phải cố gắng tận diệt mọi cuộc chiến tranh. Lương tri nhân loại đang tiến bộ với sự tiến bộ ý thức của chúng ta về điều phải và điều quấy.

(còn tiếp)

Chú thích:

[1] Xem Matthew V. 43-45, Luke IX. 51-56.

[2] Luke XI. 21-22

[3] Thus Spake Germany, Coole and Potter, P. 8.

TRẦN GIAN LÀ QUÁN TRỢ

Thích Nữ Hằng Như

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Cuộc sống của con người và vạn vật chung quanh biến đổi từng giờ từng phút theo không gian và thời gian. Không hề có bất kỳ sự kiện hay sự vật nào tồn tại vĩnh viễn. Giáo lý nhà Phật gọi tình trạng đó là vô thường.

Đời sống của con người được tính kể từ khi mới lọt lòng Mẹ cho đến khi chấm dứt. Cuộc sống thay đổi theo thời gian, từ một đứa bé nằm nôi bú sữa Mẹ, được Cha Mẹ bồng ẵm nuôi dưỡng, cho ăn cho học tới ngày lớn khôn, dựng vợ gả chồng. Sau đó, ra riêng thành lập một gia đình mới và tiếp tục sống với trách nhiệm mới.

Nhìn chung, cuộc sống của con người thọ dài hay ngắn, không ai biết trước. Có người tuổi thọ 100 năm, cũng có người chết khi còn rất trẻ.

Đời sống con người bao gồm thể xác và tinh thần. Về thể xác thì hít thở, ăn uống, ngủ nghỉ, làm vệ sinh, hoạt động tình dục, vui chơi, làm việc kiếm tiền mưu sinh... Đời sống tinh thần bao gồm suy nghĩ, lo buồn vui vẻ, hạnh phúc, tức bực, giận hờn, chán ghét... nghĩa là đầy đủ những sầu, bi, hỷ, nộ, ái, ố. Những sinh hoạt đó còn tồn tại thì gọi là người sống. Khi những sinh hoạt đó không còn, nghĩa là khi con người không còn hít vào thở ra, tim hoàn toàn ngừng đập, nằm yên một chỗ, mắt không còn thấy, tai không còn nghe, thân thể cứng đờ lạnh ngắt, hồn lìa khỏi xác, không còn biết gì nữa hết, thì đó là người đã chết. Chết là chấm dứt cuộc sống. Chấm dứt cuộc đời.

Đối diện trước một xác chết, sẽ có người than thầm: "Đời thật vô thường, mới đó bây giờ đã chết." Thực ra, đâu phải chờ tới lúc tắt thở, cuộc đời con người mới Vô thường, mà cuộc đời con người vốn Vô thường từ khi mới sanh ra đời. Nó Vô thường từng giây từng phút về cả tinh thần lẫn thể xác.

Thân vô thường

Như tấm thân của chúng ta đây cái gì cũng Vô thường. Nếu không Vô thường thì mãi mãi chúng ta sẽ không được sinh ra đời vì bào thai trong bụng mẹ không phát triển. Hoặc khi ra đời rồi thì chúng ta sẽ không bao giờ lớn, mãi mãi là đứa bé nằm nôi. Nếu không Vô thường thì tại sao giác quan của chúng ta ngày một hư hoại. Theo thời gian đôi mắt long lanh trong sáng của chúng ta trở nên mờ mờ, nhìn xa nhìn gần gì cũng không

rõ, phải cần đeo kính. Đôi tai bây giờ nghe ngóng ai nói gì cũng không nghe rõ, phải cần đeo máy nghe. Nếu không Vô thường thì tại sao chúng ta đi đứng không còn vững, phải nhờ vào cây gậy chống đỡ. Nếu không Vô thường thì tại sao hôm qua khỏe mạnh, hôm nay khò khè khó thở, mình mẩy đau nhức. Tấm thân của con người Vô thường từng giây từng phút vậy đó! Khi còn trẻ trung chúng ta không để ý, vì Vô thường rón rén đến rồi rón rén biến đi. Khi quá nửa đời người, Vô thường tấn công chúng ta ngày một mạnh mẽ, rõ ràng và ở lại lâu

hơn, nếu chúng ta không nhờ vào thuốc men trị liệu.

Tâm vô thường

Tâm con người thay đổi nhanh chóng nhất. Lúc vui lúc buồn, lúc giận lúc hờn, lúc thích lúc không thích. Chính vì thay đổi liên miên như vậy mà trong nhà Phật gọi Tâm này là tâm sinh diệt. Sinh là khởi ý thích, rồi không thích nữa là diệt. Trạng thái Tâm thay đổi hoài như vậy gọi là Tâm Vô thường.

Thế gian vô thường

Những người xung quanh cũng giống như chúng ta, bản thân họ cũng thay đổi từng giờ từng phút như chúng ta. Không gian và cảnh vật xung quanh cũng thế. Sáng nắng chiều mưa. Ngày nóng đêm lạnh. Cây cối cảnh vật cũng bị Vô thường chi phối, nên người ta chia cột thời gian thành bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Còn đối với những sự kiện, sự vật... ảnh hưởng đến đời sống của con người như công danh, sự nghiệp, tiền tài, nhà cửa xe cộ cũng đổi thay. Sự thành công, không ở hoài với chúng ta. Sự thất bại, không phải lúc nào cũng bám lấy chúng ta. Về vấn đề tình cảm, tình yêu nam nữ của con người cũng thế, nó không thơ mộng đẹp để như thuở ban đầu. Tuy có nhiều cặp vợ chồng gắn bó với nhau đến tuổi già bóng xế, nhưng tình yêu ban đầu cũng đã thay đổi thành tình nghĩa, trách nhiệm đối với nhau. Đó cũng là hình thức của Vô thường, là có đổi thay.

Cộng đồng xã hội, nơi quốc gia chúng ta cư ngụ không phải lúc nào cũng bình yên vô sự. Vũ trụ thiên nhiên cũng thế. Núi non rừng rậm sông biển, có năm nào mà không nổi cơn thịnh nộ. Nào

động đất, lũ lụt, cháy rừng, lấy đi không ít mạng sống con người con vật. Nên nói thế gian Vô thường là thế!

Người ta nói đời sống con người Vô thường, vì đời sống không phải lúc nào cũng bằng phẳng êm xuôi, mà xen lẫn nhiều lần gặp chông gai trở ngại. Thật sự là như vậy, có ai sống ở đời mà không trải qua sự thăng trầm, lúc vui sướng khỏe mạnh, lúc ốm đau phiền não.

Sống ở đời, ai cũng có mục đích để theo đuổi. Mục đích đó là đi tìm hạnh phúc cho riêng mình. Hạnh phúc là cái gì? Hạnh phúc có phải là sự hài lòng về mặt thân và tâm? Là sự cầu toàn được hưởng thụ mọi thứ dục lạc trên thế gian này? Cái thứ dục lạc mà trong nhà Phật gọi là tài, sắc, danh, thực, thụ. Để đạt được những thứ đó, thì đời sống của họ là những chuỗi ngày đầu tắt mặt tối làm việc để kiếm tiền. Tiền mới thoả mãn được những mong ước của con người. Không tiền thì chịu thua! Nhưng mà tiền càng nhiều thì lòng ham muốn lại càng gia tăng. Đó là bị hành khổ, bị nô lệ tiền, nô lệ vật chất, nô lệ dục vọng, mà con người không chịu nghĩ tới, cứ lao đầu làm việc kiếm tiền. Kiếm được tiền cũng khổ mà không kiếm được tiền thì càng khổ hơn. Đời sống chỉ là một sự lặp lại, ngày này qua ngày khác như thế, và tiếp tục mãi theo thời gian. Cứ như vậy, cho đến khi một biến cố lớn trong cuộc đời xảy ra, đó là lúc đời người chấm dứt. Hoặc giả vì "lực bất tòng tâm" khi sức khỏe không còn, bệnh hoạn triền miên mới đành buông tay. Buông mà lòng oằn oại. Buông mà tâm xót xa tiếc nuối.

Ngẫm lại, một cuộc sống như thế có giá trị gì, khi cả một đời lặn ngụp trong việc kiếm tiền? Tiền bạc vật chất cũng vô thường mà! Nó có đó rồi mất đó. Mất mát do nhiều nguyên nhân, chẳng hạn như: Thiên tai, hoả hoạn, quốc hữu hoá, hoặc bị trộm cướp, hay chính con cái của mình tiêu xài phá sản. Thứ hỏi đời sống như vậy, đem lên bàn cân, được bao nhiêu hạnh phúc, bao nhiêu khổ đau?

Ngoài những người mê mải với cuộc sống hiện thực, mải mê chạy theo vật chất, tiền bạc, thoả mãn dục vọng, còn có hạng người vừa biết hưởng thụ cuộc sống vừa biết lợi dụng thời gian sống ở trên đời này để học hỏi trui rèn đạo đức và đời sống tâm linh. Họ học gì ở cuộc đời này? Họ cũng học cách sống để được hạnh phúc. Hạnh phúc đối với họ là cuộc sống vừa đủ, vui vẻ, thoải mái. Biết thời gian Vô thường, họ sẽ không phí phạm thời giờ của mình vào những việc vô bổ. Họ biết rằng qua một ngày họ sẽ mất đi một ngày. Cho nên sống vui vẻ một ngày, tu tập một ngày, là họ được lời một ngày.

Họ biết đồng tiền là Vô thường cho nên khi kiếm được đồng tiền thì họ biết cách xử dụng nó vào những việc thích hợp. Muốn có đồng tiền phải làm việc vất vả, cho nên đồng tiền cũng có giá trị của đồng tiền. Không có nó, lấy gì trả tiền nhà, tiền xe, tiền xăng, tiền điện, tiền nước, tiền thuốc men, tiền cơm gạo... Tuy nhiên, không vì thế họ so đo keo kiệt. Họ hiểu tiền bạc, của cải là thứ ngoài thân, khi chết đi sẽ không mang theo được thứ gì, cho nên ngoài việc xử dụng đồng tiền cho cuộc sống hằng ngày, nếu có ai cần giúp thì mở rộng lòng trao tặng bố thí. Khi mang niềm

vui hạnh phúc đến cho người nào đó, thì cũng chính là lúc mình đang tạo niềm vui hạnh phúc cho chính mình.

Sống ở đời sức khoẻ của con người bị coi như là chiếc xe ở trên đỉnh đồi bắt đầu xuống dốc từ tuổi 40. Goings downhill. Người ta nói từ tuổi 40 tới 50 sức khoẻ xuống chậm chậm, nhưng từ 50, 60 trở lên thì sức khoẻ của con người xuống nhanh lắm. Nhanh như xe chạy xuống dốc không cần đạp gas. Nếu không chịu rà thắng mà còn nhấn gas, thì xe sẽ chạy vù vù đưa con người ra thẳng nghĩa địa hay vô thắng nhà xác.

Quá nửa đời người rồi, nếu là người biết sống, thì xem như mình đã dành khá nhiều thời gian và tâm huyết cho sự nghiệp, cho gia đình, cho con cái, cho xã hội. Bây giờ thời gian còn lại thật ngắn ngủi, nếu để ý quan tâm đến bản thân, đến sức khoẻ của mình, cũng như sống vui vẻ thoải mái thì có gì là sai quấy?

Sinh Lão Bệnh Tử là quy luật ở đời không ai có thể cưỡng lại. Tất cả mọi thứ trên đời này có sinh có diệt. Đã không cưỡng lại được thì chúng ta đành chấp nhận quy luật vô thường vậy! Chấp nhận rồi thì chúng ta biết chắc rằng tuy hiện tại còn đang sống, nhưng sẽ có một ngày mình vĩnh viễn rời khỏi thế gian này, cho nên hãy xem "trần gian như là quán trọ." Quán trọ là nơi chúng ta tạm trú, những gì của quán trọ không thuộc về chúng ta. Khi hợp đồng ký kết mãn hạn, tức khi chúng ta hết căn phần, thì trả lại tất cả những gì mà chúng ta tạm mượn khi còn sống ở cõi đời này, mà ra đi. Đi một cách nhẹ nhàng không gây phiền toái cho bất cứ những ai còn ở lại.

Trong thời gian còn tạm trú ở trần thế này mình cần sống vui vẻ thoải mái. Không cần phải hối hả làm gì. Cứ sống chậm chậm, từ từ, để thưởng thức cuộc sống, để thực tập những bài học tâm linh, chuẩn bị hành trang cho chuyến đi xa sau này của mình. Muốn sống hạnh phúc vui vẻ thì ngay bây giờ chúng ta hãy tập sống với lòng từ ái thương yêu, giúp đỡ mọi người trong khả năng. Tập sống bình đẳng, không phân biệt giàu nghèo, không khen chê, phán xét, hay thù ghét ai. Tập làm việc lành tránh việc ác. Xa lìa những thứ vui vẻ có hại cho sức khoẻ vừa dễ gây tội ác như rượu chè, cờ bạc, hút sách.

Nếu nuôi mục đích cao cả hơn là thoát khỏi Sinh Lão Bệnh Tử, tức vượt thoát luân hồi sanh tử, thì phải tu học thông suốt Chân lý chứng ngộ của đức Phật Thích Ca, phải thực tập thiền Định hầu đoạn trừ sạch sẽ lậu hoặc, kiết sử, tùy miên để thường an trú trong Phật tánh, tức Nhận Thức Biết không lời. Trong trạng thái tâm định sâu lắng đó, tiềm năng giác ngộ sẽ phát huy từ thô sơ đến viên mãn. Muốn trải nghiệm được trạng thái này chúng ta phải bắt đầu tu tập, hành trì Chánh pháp để sớm thể nhập vào đời sống Thiền. Sống Thiền là sống thư giãn, sống chân thật, giữ chánh niệm từng phút giây, không để tâm phóng dật buông lung với những ý nghĩ bất chánh, lời nói bất chánh và hành động bất chánh.

Thời gian thực sự không chờ đợi ai. Chúng ta còn chần chờ gì mà không bắt đầu thay đổi phương thức sống để quãng đời còn lại của chúng ta được an nhàn hạnh phúc?

chờ mẹ về chợ

chia tay định mệnh
đôi ba ngày ngồi bó gối
ngó mông lung
vàng chanh xanh chuối
ơ hồ bên màu cà tím lịm ngáy đại
nơi lũ chuồn chuồn xôn xao
chực chờ thư giãn trên cụm lá sen dàn trải mặt nước

đôi ba ngày lơ lửng đâu đó
vụt thoát từ thế giới của mê lộ hỗn mang bát nháo
về chốn ngẫu nhiên ngọt lời ru còn đọng trên môi mẹ
và đứa trẻ lớn nhanh ẽ a đánh vắn hạnh phúc —
hạnh phúc là được quà khi mẹ về chợ —
mong ngóng từng chiếc xe thô mộc lộc cộc trên đường
nghe chừng thời gian và không gian chùn bước lướt thướt hòa quyện

bức tranh đang dở tưởng không bao giờ quay lại
trời vẫn xanh trâm tư mặc niệm
đứa trẻ đứng ngồi bồn chồn
chờ mẹ về chợ
nhắm mắt chờ đã hơn nửa thế kỷ
bên này cuộc đời.

cũng bấy nhiêu thôi

sau bấy nhiêu năm
con dốc không già hơn
không nghèo hơn
không trở trối hơn
nó chỉ biến
nó chỉ mất
không để lại một dấu tích
hoàn toàn xóa bỏ
nghịch cảnh gieo vắn
buồn thiu trộn lẫn chơi vơi
hay chỉ là huyễn cảnh
một ngày lỡ chân trượt dốc thời gian

bao ngày dài mệt mỏi
lấy chút bọt đắng làm vui
lấy men cay tình tự
người đi về xuôi tay
buông tay thông tay
chấp tay ngoảnh mặt
người đi về thư thả
tìm đến cội nguồn
mà đâu là nguồn cội?
tìm đâu mùi thơm sữa mẹ
nồng nàn ru tiếng ầu ơ
trưa hè lặng lẽ trông nhịp vồng
ngày lại ngày qua rất ơ hồ.



thơ

QUẢNG TÁNH TRẦN CẨM

CẦU NGUYỆN CHO NGƯỜI ĐÃ KHUẤT THEO TINH THẦN PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Thích Nữ Huệ Quang

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Sinh – lão – bệnh – tử là quá trình không ai có thể tránh khỏi. Với niềm tin từ kinh sách, truyền thống, tín ngưỡng, tôn giáo, khi có người chết, thân quyến lại tổ chức cúng tế, cầu nguyện với mong muốn anh linh người chết sẽ được thanh thản, nhẹ nhàng, hưởng sự sung túc ở thế giới bên kia. Ngày nay, Phật giáo có rất nhiều pháp hội cầu siêu được tổ chức với các nghi thức thiêu thiêu: Tam thời hệ niệm, phá cửa địa ngục... Ở đây, chúng ta suy ngẫm thêm là việc cầu nguyện đó trong Phật giáo có ý nghĩa thế nào và liệu người chết có nhờ vào sự cúng tế, cầu nguyện ấy mà có được cuộc sống an nhàn, tốt đẹp ở thế giới bên kia như niềm tin của thí chủ? Việc tìm hiểu về cầu nguyện cho người đã khuất được Đức Phật nói trong các Kinh tạng A Hàm và Kinh tạng Nikaya sẽ giải thích vấn đề trên.



QUAN NIỆM VỀ SỰ CHẾT

Có hay không sự tồn tại của một linh hồn sau khi con người chết? Đây là một trong những vấn đề siêu hình mà các trường phái triết học, tôn giáo có quan điểm khác nhau. Theo quan điểm Phật giáo, chết là một tiến trình tự nhiên trong quy luật sinh – lão – bệnh – tử của đời người mà bất kỳ ai cũng phải trải qua: *"Cái chết là sự chấm dứt của đời sống tâm-vật-lý của cá nhân. Chết là sự diệt tắt của sinh lực, tức là đời sống tâm linh và vật lý, cùng với hơi nóng và thức. Chết không phải là sự tiêu diệt hoàn toàn của một chúng sanh, mặc dầu kiếp sống chấm dứt. Cái tiềm lực làm sống chúng sanh không bị tiêu diệt... Cũng thế ấy, sự tan rã của thể xác không làm xáo trộn luồng nghiệp lực, và sự chấm dứt của thức hiện tại dẫn đến sự phát sanh của công thức mới"* [1].

Thời Phật tại thế, khi gặp trường hợp một người đang hấp hối, Phật hoặc các vị đệ tử sẽ nói về sự vô thường, vô ngã, khuyên người ấy an trú vào hơi thở, buông bỏ sự chấp thủ nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức, để họ chấp nhận cái chết đến một cách nhẹ nhàng như trường hợp của vua Tịnh Phạn hay cư sĩ Cấp Cô Độc.

Điều đó có nghĩa sau khi kết thúc mạng sống ở đời hiện tại, từ bỏ thân thể vật lý này thì sẽ bắt đầu sự sống mới ở một hình thức tồn tại khác, tùy theo thiện nghiệp hay ác nghiệp lúc sanh tiền mà chiêu cảm một kiếp sống mới hoặc tốt đẹp hơn hoặc tồi tệ hơn. Nó là một quá trình

chuyển tiếp từ đời sống này sang một đời sống khác. Chết không phải là sự chấm dứt hoàn toàn mà là thay đổi thân thể vật chất, quá trình chuyển đổi ấy gọi là tái sanh. Vì đâu chúng ta tin vào điều đó?

Chết không phải là sự tiêu diệt hoàn toàn của một chúng sanh, mặc dầu kiếp sống chấm dứt. Cái tiềm lực làm sống chúng sanh không bị tiêu diệt...

Trong Tăng Chi Bộ, Đức Phật dạy: *"Với Thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ... Những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi thiện, cõi trời, cõi đời này"* [2]. Hay ở một đoạn khác trong Trung bộ kinh: *"Này Sariputta có năm loại sanh thú này. Thế nào là năm? Địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, loài người và chư thiên"* [3].

Trong quá khứ, thời Phật tại thế, đã không ít lần các ngoại đạo đã tìm đến hỏi Ngài về sự tồn tại sau khi chết, nhưng Đức Phật luôn tỏ thái độ trầm mặc, không trả lời vì theo Ngài nó hoàn toàn không có lợi ích, không thể làm nền tảng cho đời sống phạm hạnh, không đưa đến sự chấm dứt khổ đau, sinh tử, luân hồi. Đức Phật đã lấy ví dụ chỉ cho những người mãi lo tìm kiếm về điều này như người bị mũi tên độc bắn trúng, không lo chạy chữa để cứu mạng sống mà nằng nặc tìm hiểu về nguồn gốc mũi tên do ai bắn, tại sao lại bắn, mũi tên làm bằng chất liệu gì... kết quả là khi chưa tìm ra hết các câu trả lời thì đã chết [4]. Đức Phật chưa bao giờ trả lời trực tiếp vấn đề "còn hay không sự tồn tại của linh hồn sau khi con người chết". Với sự thẳng thắn của Đức Phật, Ngài đã giảng về cái chết rất rõ ràng về cái chết và những sự kiện sau đó, nhưng điều đó không đồng nghĩa là có sự tồn tại của một linh hồn vĩnh hằng.

Theo Phật giáo, sau khi chết chỉ trừ các vị A La Hán đã chấm dứt, đoạn tận hoàn toàn các nguyên nhân tái sanh, không trở lại nữa. Còn tất cả chúng sanh đều phải luân hồi trong năm cảnh giới: Địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, loài người và chư thiên do chiêu cảm nghiệp báo từ hành nghiệp thiện, ác của mình khi còn sống. Chúng ta có thể hoàn toàn tin chắc có một cuộc sống mới cho con người sau khi chết và chúng ta có quyền quyết định cuộc sống ấy, tự mình lựa chọn hoặc khổ đau, hoặc hạnh phúc cho mình bằng việc gieo hạt giống thiện hay bất thiện ngay trong đời sống hiện tại. Đạo

Phật đã chỉ ra con đường nào đưa đến hạnh phúc, con đường nào dẫn đến khổ đau, còn việc chọn đi con đường nào là do bước chân mỗi người tự mình đặt để.

NGHIỆP KHÔNG THỂ CẦU NGUYỆN HAY VAN XIN

Quan điểm của Phật giáo Nguyên thủy cho rằng, con người sau khi chết sẽ tùy theo nghiệp lực mà tái sanh, sự chuyển tiếp từ kiếp sống hiện tại sang kiếp lai sanh xảy ra một cách nhanh chóng: *"Hiện tượng chết và tái sanh diễn ra tức khắc, đầu ở nơi nào, cũng như làn sóng điện phát ra trong không gian được thu nhận tức khắc vào bộ máy thân thanh. Luồng nghiệp lực trực tiếp chuyển từ cái chết ngay đến tái sanh, không trải qua một trạng thái chuyển tiếp nào (antarabhava)"* [5].

Phật giáo Nguyên thủy chú trọng đến hành nghiệp lúc còn hiện hữu trên đời. Đây chính là chủ trọng đến nguyên nhân đưa đến tái sanh vào các cảnh giới sau khi cái chết diễn ra, một khi có nhân chủng tốt ắt sẽ đưa đến một nghiệp quả tốt. Thời Phật tại thế, khi gặp trường hợp một người đang hấp hối, Phật hoặc các vị đệ tử sẽ nói về sự vô thường, vô ngã, khuyên người ấy an trú vào hơi thở, buông bỏ sự chấp thủ nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức, để họ chấp nhận cái chết đến một cách nhẹ nhàng như trường hợp của vua Tịnh Phạn hay cư sĩ Cấp Cô Độc. Trường hợp có người đã mất, các vị Tăng sĩ sẽ đọc những câu kinh về vô thường để thức tỉnh người thân đang còn sống nhằm giúp họ với bớt nỗi đau mất mát người thân. Chúng ta không tìm thấy trong hệ thống kinh tạng Nguyên thủy bài kinh nào Đức Phật nói về sự cúng tế, cầu nguyện với lời hứa hẹn đem đến cho người chết một tương lai tốt đẹp ở một cảnh giới an lành nào. Bởi mỗi người tùy theo nghiệp nhân đã tạo mà chiêu cảm nghiệp quả khác nhau, không ai có thể can thiệp được.

Trong Trung A Hàm, kể lại câu chuyện Già-di-ni, con trời A-tư-la đến thưa Phật về việc các Bà La Môn đảm bảo nếu có chúng sanh nào mạng chung, họ có thể làm cho tự do qua lại các thiện xứ, sanh lên cõi trời và bày tỏ lòng mong muốn Thế Tôn cũng hãy đảm bảo làm cho chúng sanh khi mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời như các Bà La Môn ấy. Đức Thế Tôn đã trả lời vị ấy bằng câu hỏi: *"Nếu ở trong thôn ấp, hoặc có kẻ nam, người nữ biếng nhác, không tinh tấn lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện, là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến. Người ấy khi mạng chung, nếu có số đông người đến, thấy đều chấp tay hướng về người đó kêu gọi, van lơn... Có thể nào vì được số đông người đều đến chấp tay hướng về chúng mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ấy, duyên việc ấy mà lúc thân hoại mạng chung lại được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời không...tảng đá lớn nặng ấy có thể nào vì được số đông người đến đều chấp tay hướng về nó và kêu gọi van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà sẽ nổi lên không?"* [6].

"Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn và thân hữu làm, không phải

do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do người làm, chính người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy."

Vị Già-di-ni đã gián tiếp trả lời câu hỏi của mình bằng việc trả lời câu hỏi của Thế Tôn về cầu nguyện nơi ví dụ mà Phật đã đưa ra. Cũng như vị ấy, chúng ta chắc chắn đã tìm thấy câu trả lời về vấn đề cầu nguyện cho người chết ở đoạn kinh này. Chính những hành động tạo tác nơi thân, khẩu, ý của một người khi còn sanh tiền mà lúc chết họ sẽ bị dòng nghiệp lực chi phối, dẫn dắt tái sanh trong các cảnh giới tương ứng. Việc đảm bảo một cuộc sống tốt đẹp cho người chết ở thiện xứ, thiên giới thông qua việc cầu nguyện, cúng tế là một điều không thể xảy ra nếu người này khi còn sống tạo các ác nghiệp như sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, tà kiến... Vậy sự hứa hẹn của các Bà La Môn hay của bất kỳ một giáo phái, đảng thần linh nào về việc này đó là một sự phi lý, việc làm ấy cũng giống như cầu nguyện cho một tảng đá nổi lên mặt nước. Đây là điều không thể vậy.

Trong Tương Ưng Bộ, Đức Phật cũng đề cập đến vấn đề này qua câu chuyện của vị thôn trưởng đến bạch Phật: *"Các vị Bà-la-môn trú đất phương Tây, mang theo bình nước, đeo vòng hoa huê (sevāla), nhờ nước được thanh tịnh. Những người thờ lửa, khi một người đã chết, đã mệnh chung, họ nhắc bổng và mang vị ấy ra ngoài (uyyāpenti), kêu tên vị ấy lên, và dẫn vị ấy vào Thiên giới... bạch Thế Tôn, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Thế Tôn có thể làm như thế nào cho toàn thể thế giới, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này?"* [7].

Lời thưa của vị thôn trưởng này lại một lần nữa cho chúng ta thấy vấn đề về cái chết, sự giải thoát sau khi chết là tư tưởng chủ đạo và quan tâm của hầu hết các trường phái triết học, tôn giáo lúc bấy giờ. Dường như tất cả các giáo thuyết ngoại đạo thời bấy giờ đều chứa đựng sự cam kết sẽ mang đến một cuộc sống hạnh phúc cho các tín đồ của họ. Riêng đạo Phật, Thế Tôn không thừa nhận quyền "ban phước, giáng họa", Ngài đưa ra hai ví dụ để vị thôn trưởng nhìn nhận vấn đề mình nghi vấn: "... có người lấy một tảng đá lớn ném xuống một hồ nước sâu. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Hãy đứng lên, tảng đá lớn! Hãy nổi lên, tảng đá lớn! Hãy trôi vào bờ, này tảng đá lớn!"... Có người nhận chìm một ghè sữa đông (sappi) hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu rồi đập bể ghè ấy... Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: "Hãy chìm xuống, này sữa đông và dầu! Hãy chìm sâu xuống, này sữa đông và dầu. Hãy chìm xuống tận đáy, này sữa đông và dầu..." [8].

Ở đây, Đức Phật đã xác định rõ, việc sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục hay sanh lên thiện thú, thiên giới là tùy thuộc vào hành nghiệp của một người lúc còn sống. Nếu người ấy làm các việc thiện lành, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, không có tham, không có sân, theo chánh tri kiến thì chắc chắn khi lìa đời sẽ được sanh



vào cảnh giới tốt đẹp. Dù có ai muốn cầu nguyện cho họ sanh vào cõi dữ cũng không thể, giống như cầu cho bơ chìm xuống đáy nước vậy. *"Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn và thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do người làm, chính người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy"* [9].

Như vậy vấn đề nghiệp lực thì không thể cầu nguyện hay van xin, mỗi người phải chịu trách nhiệm về các nghiệp nhân mà mình tạo tác, nếu thiện nghiệp sẽ đưa đến quả báo tốt đẹp, ác nghiệp sẽ dẫn đến quả báo xấu trong đời này và đời sau, không ai có thể thay thế hay chuyển được nghiệp quả của mình ngoài bản thân mình.

NGUỒN GỐC LỄ CÚNG TẾ CẦU SIÊU

Các nghi thức cúng tế, cầu siêu có thể bắt nguồn từ thời nhà Đường, theo lão pháp sư Đạo An: "Nguồn gốc của việc siêu độ bắt đầu từ thời đại Đường Minh Hoàng. Thời Đức Phật không có, Phật giáo truyền đến Trung Quốc thời kỳ đầu cũng không ghi chép sự việc này. Đến thời đại của Đường Minh Hoàng, vì vua Đường sủng ái Dương Quý Phi, khiến nhân dân và triều thần bất mãn, mới có loạn An Lộc Sơn nổi tiếng trong lịch sử suốt nguy cấp đến cả quốc gia dân tộc. Với sự đắc lực của Quách Tử Nghi, một vị đại tướng đương thời đã bình định cuộc nổi loạn, tuy nhiên, quân dân tử thương rất nhiều. Sau khi bình định cuộc nổi loạn, triều đình tại mỗi chiến trường chính, xây dựng một miếu thờ gọi là Khai Nguyên tự, vì đúng vào niên hiệu Khai Nguyên, thỉnh cao tăng đại đức, tụng kinh, bái sám truy điệu cho quân dân tử nạn. Đây là lễ truy điệu do triều đình cử hành, gọi là Pháp hội siêu độ. Từ đó dân chúng học theo, mỗi khi có người qua đời, người dân cũng thỉnh pháp sư đến làm Phật sự siêu độ, tạo phong tục cho đến ngày nay [10].

Như vậy, trước niên hiệu Khai Nguyên (nhà Đường) không có việc cúng tế cầu siêu bạt độ cho người chết. Kể từ sau Pháp hội siêu độ của thời Khai Nguyên thì cúng tế cầu siêu mới phát triển mạnh cho đến ngày nay và lan rộng, đó là một hình thức văn hoá của Trung Hoa. Theo dòng du nhập, phát triển và tiếp biến cùng tôn giáo tín ngưỡng bản địa, nhằm tạo phương tiện dẫn dắt con người đến với đạo, Phật giáo Đại

thừa với tinh thần nhập thế đã dần hình thành các nghi thức cúng thí, cầu siêu, bạt độ vong linh và ngày càng được chú trọng phát triển về hình thức lẫn quy mô thành các pháp hội cầu siêu, trai đàn chẩn tế.

Lúc ma chay, các ngày giỗ kỵ, gia quyến của người chết được hướng dẫn thiết lễ Trai Tăng, làm các việc phóng sanh, bố thí để hồi hướng công đức cho người đã khuất như một phương tiện nhằm an ủi nỗi mất mát cho người sống, tạo nhân duyên cho họ đến chùa, tham gia vào các nghi thức, từ đó học hỏi giáo pháp để trở thành Phật tử. Nhưng nói như vậy không có nghĩa, việc thực hiện các nghi thức cúng tế, siêu độ cho người chết trong Phật giáo chỉ là mang tính hình thức để khuyến dụ mọi người đến với đạo Phật. Đức Phật không phủ nhận lợi ích của việc thực hiện các nghi thức cầu nguyện cho quyến thuộc đã mất. Trong Tạp A Hàm có câu chuyện vị phạm chí Sanh Văn đến thưa hỏi Phật: *"Con có người thân tộc rất thương mến, bỗng nhiên qua đời. Con vì người ấy nên bố thí với tín tâm. Thế nào, bạch Thế Tôn, người ấy có nhận được không?"*

"Không phải nhất định được. Nếu người thân tộc của ông sanh vào trong địa ngục, nó sẽ ăn thức ăn của chúng sanh địa ngục để nuôi sống sanh mạng của nó, chứ không nhận được đồ ăn thức uống mà ông bố thí với tín tâm. Nếu nó sanh vào súc sanh, ngạ quỷ, hoặc loài người, họ sẽ được đồ ăn thức uống của loài người, không nhận được đồ bố thí của ông. Nay Bà-la-môn, trong đường ngạ quỷ có một nơi tên là Nhập xứ ngạ quỷ. Nếu người thân tộc của ông sanh vào trong Nhập xứ ngạ quỷ kia, thì sẽ nhận được thức ăn của ông" [11].

Chúng ta có thể hoàn toàn tin chắc có một cuộc sống mới cho con người sau khi chết và chúng ta có quyền quyết định cuộc sống ấy, tự mình lựa chọn hoặc khổ đau, hoặc hạnh phúc cho mình bằng việc gieo hạt giống thiện hay bất thiện ngay trong đời sống hiện tại.

Theo đoạn kinh trên, con người sau khi chết nếu đã sanh vào các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người và trời thì sẽ thọ nhận đồ ăn tương xứng với nơi họ đang sống. Họ hoàn toàn không được lợi ích từ việc cúng tế, cầu nguyện. Hay nói một cách khác, đó là họ đã tồn tại trong hình thức của kiếp sống mới với những điều kiện mới về mọi phương diện tương ứng với nghiệp nhân đã tạo trong đời. Chỉ khi người chết bị sanh vào cõi Nhập xứ ngạ quỷ thì mới có thể hưởng phần nào lợi ích từ sự bố thí, hướng tâm của người thân. Tuy nhiên, những việc làm này chỉ mang tính chất trợ duyên, tạo chất xúc tác, tạo tăng thượng duyên, hỗ trợ ít nhiều vào tiến trình nhân quả, cảm thọ nghiệp báo của người chết một cách tích cực chứ hoàn toàn không thể cứu thoát họ ra khỏi cảnh giới ngạ quỷ hay thay đổi nghiệp quả mà họ đang phải chịu. Vì nhân quả, nghiệp báo đó là một quy luật tất yếu, công bằng và khách quan. Nghiệp do ai gây ra thì người ấy phải gánh chịu hậu quả của nghiệp ấy, không có bất kỳ một năng lực nào có thể thay đổi được nhân quả, cũng không ai có thể thay thế, dù có chung dòng huyết thống: *"Cha không cứu được con/ Hay bà con cứu nhau"* [12].

Phần lợi ích từ các việc này chủ yếu vẫn là cho

những người còn sống. Kinh phân tích: “Người ấy bỏ thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, các món ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, các giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh cộng trú với các loài voi... Vị ấy tại đây, được các món ăn, các đồ uống, vòng hoa, các đồ trang sức khác... Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với loài Người. Tại đây, vị ấy được năm loại dục công đức sai khác, thuộc về loài Người... Người ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên. Vị ấy tại đây được năm loại dục công đức của chư Thiên [13].

Vậy nhờ lòng thương tưởng đến người đã khuất, với lòng tịnh tín mà phát tâm cúng dường, bố thí, hành thiện, sẽ tự mình được phước từ những việc làm ấy. Phước báo ấy chính là tư lương trên chặng đường tái sanh cho mỗi người khi chấm dứt thọ mạng nơi cõi đời này.

VẤN ĐỀ CÂU CHUYỆN CHO NGƯỜI CHẾT

Đức Phật dạy: *“Ta là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào đã tạo, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy”* [14]. Nghiệp là yếu tố quyết định cho cảnh giới tái sanh của con người sau khi chết, không có một hình thức cầu nguyện hay bài kinh nào, không có đấng thương để hay một quyền lực nào chi phối được nghiệp lực của mỗi người. Do đó, để được siêu thoát, nói khác hơn là để có một cuộc sống tốt đẹp ở kiếp lai sanh, mỗi người phải tự chuẩn bị tư lương cho mình ngay khi còn khỏe mạnh, còn sống trên đời này, để khi vô thường đến, cái chết diễn ra, chúng ta sẽ biết rõ đường đi lối về của mình mà không chờ đợi một sự cứu rỗi, cầu nguyện nào bởi chắc chắn đó là điều không thể.

Thực tại đáng lưu tâm, là đó đây còn có một số tu sĩ trẻ có xu hướng nghiêng về cúng tế nhiều hơn, với những sự hứa hẹn, đảm bảo mang đến một cuộc sống an lành nơi thế giới Tây phương Cực Lạc cho người đã mất. Chính điều đó đã vô tình làm hiểu lầm tính phương tiện của việc thực hiện các nghi thức cầu nguyện trong Phật giáo, biến giáo lý Phật tử “ngón tay chỉ trăng” trở thành một giáo thuyết linh thiêng có quyền ban phước giáng họa cho muôn loài. Trước đây, Phật giáo chú trọng đến việc giáo hoá những người sống, dạy cho họ biết làm lành tránh dữ, tạo nhân duyên tốt, chuẩn bị cuộc sống tốt đẹp cho kiếp lai sanh. Thời đại ngày nay, yếu tố phương tiện trong việc thực hiện các nghi thức cầu nguyện cho người chết đôi lúc bị xao nhãng, dẫn đến sự tồn tại của quan điểm mê tín dị đoan. Việc cúng tế, cầu nguyện cho người chết là một cách thể hiện lòng biết ơn, sự thương nhớ của người còn sống đối với người đã khuất, thể hiện nét đẹp đạo đức văn hoá “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam. Thực hiện các pháp sự cẩn thận, bậc độ kỳ siêu cho người chết là một hình thức tiếp biến với truyền thống văn hoá đất nước, thể hiện tinh thần văn và tinh thần nhập thế của Phật giáo trong thời đại mới.

Tuy nhiên, trên tinh thần phương tiện độ sanh cũng không thể để mất đi tính nguyên chất

của Đạo Phật. Thông qua các hình thức siêu độ, phải làm sao truyền tải được cho mọi người sự hiểu biết về cái chết, quy luật duyên sinh, vô thường, sự chi phối và tác động của nhân quả nghiệp báo vào tiến trình tái sanh... nhằm trang bị cho người đang sống một hành trang vững vàng để có thể đối diện với cái chết, không lo âu, không sợ hãi, vì ai rồi cũng phải chết. Hạnh phúc hay khổ đau là do chính bản thân mình chọn lấy, không có một hình thức cầu nguyện nào, không ai có thể thay thế cho ai để chịu nghiệp báo. Từ đó hướng con người đến một đời sống thiện lành, trọn vẹn ngay nơi đời sống hiện tại này để tạo nhân chủng tốt cho kiếp lai sanh.

Chú thích:

- [1] Narada Maha Thera – Phạm Kim Khánh (dịch), Đức Phật và Phật Pháp, Nxb. Hồng Đức, 1980, tr. 450.
- [2] HT. Thích Minh Châu dịch, Trường bộ Kinh, 25. Kinh Ưu Đàm-Bà-La Sư Tử Hống, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, Nxb. Tôn giáo, TP. Hồ Chí Minh, 1991, tr. 343-344.
- [3] HT. Thích Minh Châu dịch, Trung Bộ kinh, 12. Đại Kinh Sư Tử Hống, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2012, tr. 106.
- [4] HT. Thích Minh Châu dịch, Trung Bộ kinh, 63. Tiểu kinh Mālunkya, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2012, tr. 524.
- [5] Narada Maha Thera – Phạm Kim Khánh (dịch) (1980), Sđd, tr. 451.
- [6] Sa môn Thích Tịnh Hạnh dịch, Đại Tập 3 – Bộ A-Hàm III – Trung A Hàm, 17. Kinh Già – Di – Ni, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc – Taiwan, 2000, tr. 110.
- [7] HT. Thích Minh Châu dịch, Tương Ưng 4, Tương ưng thôn trưởng, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2013, tr. 360.
- [8] HT. Thích Minh Châu dịch, Tương Ưng 4, Tương ưng thôn trưởng, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2013, tr.360, tr. 489.
- [9] HT. Thích Minh Châu dịch, Trung Bộ kinh, 130. Kinh Thiên Sư, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2012, tr. 550.
- [10] Pháp sư Tịnh Không, Bài giảng “Vì sao phải siêu độ vong nhân”, truy cập 10/2021, từ www.tinhkhongphapngu.net/video/Hoa-Thuong-Tinh-Khong-giang-Bo-1-Tap-Vi-Sao-Phai-Sieu-Do-Vong-Nhan/404/.
- [11] Sa môn Thích Tịnh Hạnh dịch, Đại Tập VI – Bộ A-Hàm VI – Tập A Hàm, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc – Taiwan, 2000, tr. 803.
- [12] HT. Thích Minh Châu dịch, Tiểu Bộ 1, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2015, tr. 455.
- [13] HT. Thích Minh Châu dịch, Tăng Chi Bộ 2, XVII. Phẩm Jāṇussoṇi, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2015, tr. 721.
- [14] HT. Thích Minh Châu dịch, Tăng Chi Bộ 2, Chương V Năm Pháp VI. Phẩm Triền Cái, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2015, tr. 673.

(Nguồn: Tạp chí Văn hóa Phật giáo, số 381)



VU LAN NHỚ MẸ

Vu Lan tháng bảy đã về rồi
Cách trở muôn trùng dáng Mẹ tôi
Đức hạnh Người gieo nguyên chảng đời
Từ bi kẻ nhận rõ luôn bồi
Nuôi mầm sữa ngọt kẻ bao nỗi
Dạy nghĩa quê nghèo vẹn chiếc nồi
Cháu chắt ngày sau khuyển chó lỗi
Không vì chuyện thế bạc tình lời.

THIỆU MẸ

Ngàn sương đồng đánh đón thu về
Thiếu Mẹ trên đời lắm cảnh thê
Vất vả hy sinh cùng với thế
Âm thầm dạy dỗ sống theo lẽ
Dương trần ngọt đắng Người không kẻ
Chường ngại sai lầm chuyện nở chê
Góp đức, ân dày con cháu để
An nhiên chẳng hận, kiếp buồn lê...

MẸ

Gánh đàu lưng còng giữa buổi trưa
Vì con chịu khó! Nói sao vừa
Thân bằng giống cảnh ai mà tựa
Phận thế cùng quê kẻ chẳng lừa
Cách trở muôn trùng đâu gặp nữa
Xa dần vạn nẻo rõ hoài thừa
Trần gian nguyện giữ... Như thời hứa
Dưỡng dục ân này trả hết chưa?!!!

TRÔNG CHIỀU NHỚ MẸ

Tháng bảy mưa về dầm giọt rơi
Trông chiều nhớ Mẹ ...thê nào vơi!
Nơi trần gộp đức...thương đời hồi!
Ngõ đạo răn lòng... cảm phúc ời
Dầu cực vì con buồn chẳng vơi
Dù đau mặc thế nản không rời
Đâu phiền phận ấy tùy duyên bởi
Lẽ sống thường gieo đúng vạn thời.

CHIỀU NGHĨA TRANG

Quạnh quẽ sương chiều thả bước chân,
Vương buồn nhịp mõ, khánh chùa ngân.
Vàng tươi dầy đá hoen màu bản,
Cỏ biếc vườn mai rộn liễu ngân.
Ngẫm Mẹ thời qua hoài khổ lẫn,
Về Cha kiếp lụn mãi đau vằn.
Công ơn tựa núi nào đâu lẫn
Dầu vạn muôn đời khó trả ân.

thơ MINH ĐẠO

Mùa Vu Lan năm 2022



PHÁP CỦA BẠC THIÊN NHÂN

(*Phật Pháp Thứ Năm*— bài viết hàng tuần của GDPT

do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em (ACE) Lam viên thân mến,
Khi học kinh Thắng Man, chúng ta được nghe nhắc đến vua Ba Tư Nặc và Hoàng hậu Mạt Lợi, và Thắng Man phu nhân là con gái của vua và Hoàng hậu.

Hôm nay nhóm Áo Lam xin kể các Bạn nghe một câu chuyện rất ngộ nghĩnh về vua Ba Tư Nặc và hoàng hậu Mạt Lợi. Câu chuyện này dẫn đến một bài học cho ACE chúng ta: *"Chiếc xe của vua đi dù được trang hoàng long lẫy cũng phải hư hoại, thân này dù có trau chuốt cũng phải già yếu. Chỉ trừ pháp của các bậc thiện nhân là không bị suy già mà cứ di chuyển từ người lành này sang người lành khác."* Chúng ta sẽ thấy bất kỳ trường hợp nào đức Phật cũng liên hệ đến Pháp, cho đệ tử của ngài có cơ hội suy ngẫm.

Vào một lúc đức Phật ở tinh xá Kỳ viên nước Xá Vệ, ngài có kể câu chuyện về vua Ba Tư Nặc và hoàng hậu Mạt Lợi. Hai vị này rất tôn sùng đức Phật, thường đến nghe Pháp nên rất gần gũi với Thế Tôn và các đệ tử của ngài; ngoài ra còn làm nhiều việc phước thiện bố thí, cúng dường thường xuyên...

Chuyện kể rằng hoàng hậu Mạt Lợi có nuôi một con thú cưng, là một con chó đực, bà chiều chuộng săn sóc nó lắm, xem như con cưng. Một hôm khi bà vào phòng tắm rửa mặt, nó chạy theo. Khi hoàng hậu đến bên bồn nước, mắt nhìn qua khung cửa sổ, chó liền nhảy chồm lên liếm liếm vào váy của bà, hoàng hậu thích cảm giác nhộn nhạo nên để yên cho nó liếm. Không ngờ lúc bấy

giờ, vua ngồi phía ngoài, thấy cảnh ấy nên khi hoàng hậu trở ra, vua giận dữ mắng: "Bà là người xấu xa, bỉ ổi, để cho con chó đực liếm váy bà."

Hoàng hậu giục mình chống chế: "Tâu hoàng thượng, ngài có nhìn lầm không? Căn phòng này lạ lắm, kẻ nào đi vào phòng mà nhìn qua cửa sổ thì người bên ngoài nhìn vào thấy rõ có 2 người đấy. Không tin ngài cứ bước vào xem."

Vua bước ngay vào, khi trở ra, hoàng hậu làm ra vẻ ngạc nhiên nói: "Ồ, sao hoàng thượng lại dắt một con dê cái đi vào phòng, kỳ cục quá vậy?"

Nhà vua nhẹ dạ dễ tin, xem như hoàng hậu nói thật. Nhưng từ hôm đó, hoàng hậu ăn năn về tội lỗi của mình; chẳng bao lâu bị bệnh rồi mất. Tâm thần hoàng hậu vẫn còn ăn năn về việc nói dối với vua, quên hết những việc thiện mình đã làm lúc còn sống; vì thế bị đọa vào địa ngục. Sau đó, vua đến thăm đức Phật và định hỏi hoàng hậu đã tái sinh vào cõi nào nhưng đức Phật không muốn làm vua buồn lòng nên nói qua chuyện khác.

Bây giờ sau, hoàng hậu mãn hạn ở địa ngục, được sanh lên cõi trời Đâu suất, nhờ công đức bố thí cúng dường khi còn sống. Vào ngày hôm ấy, đức Phật và chư Tăng đi khất thực ở hoàng cung. Sau khi thọ trai, vua sức nhớ đến câu hỏi định thưa với Phật, mới lên tiếng hỏi ngài. Đức Phật đáp: "Hiện nay hoàng hậu đã được tái sanh lên cõi trời Đâu suất." Vua rất vui mừng và tỏ ý thương tiếc người xưa và nhắc lại hỏi xưa hoàng hậu thường làm các việc thiện, bây giờ hoàng hậu đi rồi, vua không còn biết làm gì đây...

Đức Phật bảo: "Hoàng thượng chớ quá nhớ tiếc hoàng hậu. Hoàng thượng hãy nhìn chiếc long xa kia, khi xưa vua cha đã trang hoàng long lẫy để lại cho hoàng thượng, nay nó đã cũ nát, bỏ nằm trong góc kia... Mọi vật, kể cả thân thể con người, đều theo luật vô thường mà biến đổi và hoại diệt. Chỉ có chánh pháp mới không bị sự già lão, cần cỗi mà thôi."

Rồi ngài nói lên bài kệ sau đây:

*"Xe long lẫy của vua rồi cũng cũ,
thân thể này rồi cũng còm cõi.
Chỉ có Pháp của bậc thiện nhân mới không
hoại diệt và được lưu truyền từ người lành này đến
người lành khác."*

Thượng mến kính chúc ACE Lam Viên một mùa lễ Vu Lan an lạc và tràn đầy hiếu cảm.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam



Con đường đưa đến giác ngộ

TÂM MINH – NGÔ TĂNG GIAO

(phỏng dịch theo *Zen Fables For Today*
của Richard McLean)

Thiền sư dẫn lớp học trong khóa an cư kiết hạ của thầy vào miền núi. Nhiều người trẻ từ thành thị hoặc các nông trại tới nên không có kinh nghiệm gì về chốn hoang dã.

"Thưa trong những ngọn núi này có thú vật không?" một người hỏi.

"Thưa phòng tắm ở chỗ nào?" một người khác hỏi.

"Chúng ta tới đây để tiếp xúc cùng thiên nhiên và với chính chúng ta," thầy hướng dẫn lên tiếng. Thầy giúp những chàng trẻ tuổi dựng lều trại và nhóm lên một đám lửa. Suốt đêm gió thổi mạnh dữ dội và một cơn mưa lạnh lẽo trút xuống đám người cắm trại không được vui thú chi.

"Sáng hôm nay chúng ta sẽ bắt đầu ngày này bằng một buổi bơi lội ngoài trời," thiền sư nói. "Cởi đồ ra! Chúng ta sẽ đi tắm cho người được khoẻ thêm." Nhưng, thay vì đi ra suối, thầy dẫn nhóm trẻ, trần truồng như nhộng, đi ngược lên con đường mòn dốc, đến một vách đá nhô ra trên một cái hồ nước bên núi (nhảy xuống thời thấy sợ nhưng không nguy hiểm).

Thầy nói với lớp môn sinh đang run lập cập "Các con có thể nghĩ rằng đây là tập thể dục. Không phải vậy. Đây là một bài tập luyện về tinh thần. Thầy muốn các con đứng xếp hàng một trên bờ vách đá và rồi nhảy vào hồ nước, đưa chân xuống trước. Người phụ tá của thầy ở phía dưới, anh ta là một chuyên gia bơi lội, anh sẽ bảo đảm các con không bị chết đuối. Bây giờ hãy sắp hàng theo thứ tự a b c và nhảy nhé!"

Sư Ashito ngừng lại trên bờ đá, rồi lại khựng thêm vài lần nữa. Các đồng môn của sư la lớn "Nhảy ngay đi. Chúng tôi lạnh muốn chết đây!"

Ashito la lớn tiếng suốt dọc thời gian nhảy xuống cho đến khi rơi vào hồ làm nước văng tung toé, rồi ngoi lên khỏi mặt nước và được giúp đưa vào bờ. "Chẳng hề chi đâu," Ashito la vọng lên cho các đồng môn.

Sau khi đã lau khô ráo, sưởi ấm áp và ăn uống xong xuôi, cả lớp học tụ họp lại trong căn lều chính.

"Thưa thầy, bài học về tinh thần mà chúng con học được buổi sáng nay là gì?" sư Ashito hỏi. Ông thầy trả lời:

"Các con học về con đường đưa đến giác ngộ. Các con phải trần trụi và can đảm trong khi hành thiền. Hãy tin tưởng vào các vị thầy của các con. Và hãy từ bỏ lối suy nghĩ cũ của mình đi để mưu tìm một mức độ hiểu biết khác – như sự khác biệt giữa đứng và bơi. Phải nhớ rằng, các con không lao xuống hồ nước; các con chỉ bước vào khoảng không và được đưa vào trong hồ."



THƠ XƯƠNG HỌA

Bài xương:

TRỜI VÀO THU

*Tuổi trời thắm thoát đã vào Thu
Rừng lá vàng rơi dệt mộng mơ
Dĩ vãng đã qua nào tiếc nuối
Tương lai chưa tới há mong chờ
Vuốt làn tóc bạc khơi thi hứng
Xoa nếp da nhăn gọi tứ thơ
Nở đóa hoa lòng vui hiện tại
Thong dong ta nhẹ bước vân du.*

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO

(Mùa Thu Virginia)

Bài họa:

GIÓ THU

*Nắng đã vàng thu... lại Gió Thu
Ngược dòng kỷ vãng, cánh hồng mơ
Lôi vào Hoa Tạng, Chuông Vi Diệu...
Nẻo đến Chân Như, Biển Huệ Chờ
Gió sớm thanh thanh, Hương Tịnh Khiết
Mây chiều bát ngát, Tiếng Bình Thơ
Vào Thu ai gọi! Hồn Thiên Cổ...
Trăng sáng đỉnh trời, Trăng lằng du...*

TUỆ NGÀ

(Mùa Thu Oregon)



ÂN ĐỨC THỂ ĐỘ PHÚ PHÁP TÔN SƯ

Thích Thông Đạo

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Thành Kính Đảnh Lễ Giác Linh Hòa Thượng Bồn Sư

Con có duyên lành được sinh trưởng trong một gia đình kính mộ đạo Phật, trong hương trầm dịu ngọt xứ Huế, lại được đi từ thiện với bác Siêu đến cúng dường quý Cao Tăng thạc đức trên 40 ngôi chùa cổ ở Cố đô. Cảm mến nếp sống thanh thoát nơi chốn thiền môn nên con và ba bạn học lớp 9 đã có ý nguyện xuất gia từ năm 1967. Nhưng cuộc chiến trên quê hương trở nên khốc liệt và nổi thống khổ của người dân lành đã kéo con vào cuộc đời binh nghiệp hộ quốc an dân, rồi vào trại cải tạo 5 năm rưỡi, lập gia đình, qua Mỹ theo diện H.O, học hòa nhập và làm việc nơi vùng đất mới. Đến năm 70 tuổi, khi đã tạm xong các duyên sự ở đời, ước nguyện xuất gia ngày xưa mới thành tựu.

Ngày con đến gặp Ôn tại chùa Kim Linh để xin xuất gia, Ôn nói Ôn đang gặp khó khăn và không có chỗ ở, vậy con còn muốn xuất gia với Ôn không? Con thành kính đảnh lễ Ôn, kiên định là con đã chọn Ôn làm Thầy, và con không lưu tâm những chuyện thị phi. Con được Ôn thể phát xuất gia tại Hội quán Hội Từ Bi Quán Thế Âm ngày 18/11/2017. Ôn phương tiện dạy con thực hành lời Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Quang: *"Không cần học gì nhiều, chỉ cần chuyên tâm niệm Phật và lay Phật thì cái gì cũng thành tựu"*. Con thưa hỏi Ôn là con có cần đổi pháp danh theo tông môn Pháp phái không? Ôn trả lời *"Không"*. Nhờ thân cận bên Ôn nên con học được nhiều hạnh lành qua thân giáo và khẩu giáo của Ôn.

Ôn nói thời gian 1960-1975, rất nhiều Thánh Tăng xuất hiện tại Khánh Hòa, Việt Nam. Ôn kể nhiều người thật, việc thật mà hành trạng vi diệu không khác gì các Bậc Thánh Tăng trong sử sách. Như chuyện Thầy Huệ An, Tăng sinh tại Phật Học viện Trung phần Hải Đức, Nha Trang; lúc ấy Ôn là Tăng sinh Quán chúng. Thầy Huệ An thường phụ việc tại nhà bếp, quần ông cao ống thấp, học chú Đại Bi 2 năm không thuộc, đến phiên cúng Ngọ thì đọc chú Đại Bi chỉ trong một phút, lộn xộn trước sau làm nhiều người coi thường. Nhưng một đêm ngồi thiền, hào quang Thầy chợt tỏa sáng cả góc phòng, ai cũng khiếp phục. Thầy Huệ An thị tịch sớm. Ôn nói *"Có lẽ Thầy đã hoàn mãn một hạnh*

nguyên nào đó nên đến nơi khác". Vì thế Ôn dạy con đừng xem thường một ai cả, đừng nhìn bề ngoài để phán đoán một người nào đó, biết đâu họ chính là Thánh Tăng!

Con thưa hỏi Ôn có gặp một Bậc Thánh Tăng Việt Nam nào tại Hoa Kỳ không? Ôn nói *"có"*.

Trong một khóa tu đến 300 Tăng Ni do Ôn tổ chức, Ôn cảm nhận khóa tu diễn tiến rất nhẹ nhàng, an lạc, nên nghĩ rằng trong Tăng chúng tiềm ẩn Thánh Tăng. Ôn chia sẻ với một nhà sư đến dự khóa tu mà chưa từng quen biết, rồi hỏi: *"Có phải là ông không?"* Nhà sư điềm đạm trả lời: *"Đừng nói cho người khác biết!"* Những mẫu chuyện Ôn kể như vậy thật vô cùng quý giá, giúp con kiên định rằng cõi Ta Bà này là phạm Thánh đồng cư độ.

Mặc dù tuổi cao, bận nhiều Phật sự nhưng Ôn không bao giờ bỏ qua một thời công phu sáng là lay 70 danh hiệu Phật, Bồ Tát trích từ Nghi Lay Tam Bảo do Cố Hòa thượng Thích Trí Thủ biên soạn, tụng Chú Lăng Nghiêm, Thập Chú, ngồi thiền. Đôi khi Ôn hoẵng Pháp từ các tiểu bang miền Đông hoặc Hawaii trở về chùa đã 10 giờ đêm, giấc ngủ khác nhau

đến 3 tiếng đồng hồ, vậy mà đúng 5 giờ rưỡi sáng hôm sau, Ôn đã lên chánh điện lễ Phật. Nhiều lần xướng danh hiệu Phật mà Ôn cảm ứng ứa nước mắt, giọng run run làm con cảm kích nỗi da gà, niềm tôn kính Tam Bảo dâng đầy.

Ôn rất có lòng thỉnh mời chư Tôn đức cùng ngồi lại với nhau để tụng đọc giới luật hàng tháng và chung lo Phật sự. Lòng tôn kính chư Tôn đức của Ôn thật là mẫu mực khiêm cung, chuyển hóa tận cùng tâm thức con, như khi Ôn cung kính vấn an Hòa thượng chùa Quang Nghiêm và tự xưng là con. Ôn kể chuyện vào thăm thất của Thầy Nhất Hạnh ở Làng Mai, chỉ có một tấm ván kê trên mấy viên gạch, trên tường viết *"Thiền duyệt vị thực."* Ôn cảm thán: *"Sao mà thanh bạch quá!"* Ôn hay kể chuyện về thời gian tu học tại Tu viện Quảng Hương Già Lam mà Ôn gọi là *"long đàm, hổ huyệt"* với nhiều bậc anh tài như Thầy Tuệ Sỹ, Thầy Mạnh Thất v.v... Ôn rơi lệ khi nhắc đến lời Hòa thượng Thích Trí Thủ nói trước Tăng chúng vào lúc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất gặp khó khăn: *"Tôi chịu nhục để các Thầy sống!"*

Là một bậc Thầy lớn nhưng cuộc sống Ôn thật



thanh đạm. Ông thường mặc áo nhật bình màu lam, là chiếc áo của người mới vào tu, không ăn chiều đã trên 25 năm, không uống trà, không cà phê, không có bình bát riêng, chén đĩa riêng, không tổ chức sinh nhật. Năm 2018, Ông tròn 50 năm thọ Tỳ kheo giới, chúng đệ tử xin làm lễ chúc mừng nhưng Ông không cho. Khi nhận bì thư cúng dường của đạo hữu, Ông trân trọng đặt lên trán. Đạo hữu đem đến cúng dường ly chè hay đĩa khoai, Ông đều nói đem lên cúng Phật trước. Đạo hữu đến sửa soạn lon, chai recycle, Ông xắn tay áo cùng làm. Đạo hữu từ già ra trẻ, Ông tiễn đưa ra tận cửa ngõ, chờ xe chạy xong mới vào chùa.

Nét đặc thù nơi Ông là nụ cười luôn nở trên môi, hòa đồng với mọi người. Người trí thức hay kẻ bình dân, già hay trẻ đều cảm thấy dễ dàng nói chuyện với Ông. Ông rất lưu tâm cúng dường quý Tăng Ni trẻ. Ngay từ khi còn du học tại Ấn Độ, Ông đã lập một ngân quỹ giúp Tăng Ni sinh lâm trọng bệnh. Sau này Ông giao cho đệ tử là Sư Cô Thông Niệm tiếp tục. Tại Hoa Kỳ, Ông cũng thường xuyên giúp những người khổ nạn, không nhà.

Lần đầu tổ chức Bát Quan trai tại chùa Đại Bảo Trang Nghiêm mới tạo dựng ở thành phố Hayward, cơm và thức ăn dư nhiều, vậy là cả tuần lễ đó Ông phải ăn cơm nguội và thức ăn hâm lại. Thời thì đủ món: cơm hấp, cơm chiên, cơm xào, cơm trộn, cơm thập cẩm, cơm nấu lại, cơm nấu cháo cúng cô hồn, nhưng tất cả chỉ từ cơm và thức ăn... thừa! Thấy Ông tự tại kham nhẫn như vậy mà con ứa nước mắt.

Là thi già nhưng con nấu ăn vụng về quá, Ông thường phải nấu giúp. Chỉ được 2 món Ông khen là cháo gạo đỏ cùng 5 loại đậu nấu nổi low cook, và nước ép 5 loại trái cây: củ dền, cà rốt, cam, táo, cần tây. Thịnh thoảng Ông nói con chờ đi chợ mua bắp, khoai, sắn, rau quả, mì cần, đậu khuôn, rồi Ông vào bếp xắt, gọt, kho, nấu nhiều món thật ngon lành, nhất là mướp đắng Ấn Độ chiên vàng rồi kho rim mà không đắng! Chiên nấu công phu như vậy nhưng ăn có bao nhiêu đậu, đạo hữu đến tụng Kinh, Ông cho "tô go" hết nên đạo hữu rất vui, cảm động và nhớ mãi tấm lòng Ông.

Một sáng mùa đông, ngoài trời mây xám lạnh, trong bếp chỉ hai thầy trò, Ông mặc chiếc áo ấm dài, tay nâng đôi đĩa thanh lịch như nâng một cánh hoa, nhẹ nhàng trở từng miếng đậu khuôn trong chảo dầu. Trong khoảng 5 phút lặng lẽ, con cảm như Ông đang nhập định mặc dầu đang chậm rãi chiên đậu khuôn. Sau này con thừa lại giây phút nhiệm mầu đó thì Ông rất xúc cảm.

Bản thân con vì nghiệp dày phước mỏng nên mới xuất gia được 4 tháng thì bị heart attack, phải đặt 2 stents vào mạch máu trong tim. Ông cho về nhà chữa bệnh 5 tháng, trở lại chùa thì 1 năm sau lại phải thông tim lần thứ hai, đặt thêm 1 stent nữa vào tim. Khi dịch bệnh covid-19 lan tràn, Bác sĩ khuyến cáo những người có bệnh nền tim mạch như con cần cách ly chỗ đông người. Ngoài ra, sức khỏe mẹ các cháu đã yếu kém, cần sự chăm sóc. Con tự xét cần mình bạch hoàn cảnh của mình nên đã quỳ dâng lễ Ông tại chánh điện, xin xả giới Sa di. Ông từ bi dạy: "*Tiến tu mới khó chứ lùi rất dễ. Thôi, khỏi cần xả giới, cho về nhà tu tập, khi thuận duyên thì trở lại*".

Từ đó khi nào có việc thì Ông gọi về, hoặc khi Ông hoằng pháp phương xa thì con về coi chùa, tụng Kinh, cúng thí thực. Tháng 11/2021, Ông về Winchester chứng minh lễ Trai đàn Chấn tế tại

Tịnh xá Thiền Lâm của đại đệ tử là Thượng tọa Thông Lý. Khi trở về, Ông dạy là sang năm cho con thọ giới Tỳ kheo. Sáng mùng 3 Tết Nhâm Dần, khi hầu Ông dùng điểm tâm, Ông dạy: "*Ông nhập Hạ nhiều rồi. Năm nay đổi lại, Thông Đạo thay thế Ông tụng Hạ An Cư tại chùa Pháp Vương cho biết, còn Ông ở lại coi chùa*". Con lấy làm lạ không hiểu sao Ông dạy như vậy, chỉ biết dạ thôi.

Được sự cho phép và khích lệ của Ông, con mạo muội chuyển ngữ và chú thích Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm sang tiếng Anh, tiếng Việt, đối chiếu thêm phần chữ Hán. Tuy ở nhà nhưng thời khóa tu tập của con vẫn tinh tấn. Ngoài giờ ăn uống, nghỉ ngơi, thể dục chữa bệnh, con có 4 thời công phu: tụng Chú Lăng Nghiêm, lay Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm mỗi chữ một lay, ngồi thiền, tụng kinh tối với gia đình. Thời gian còn lại là đối chiếu tài liệu từ Kinh sách Nguyên thủy và Đại thừa, ghi chép, đánh máy, sử dụng Adobe InDesign để layout bản thảo, tâm thường hướng vào chủ đề Quán Thế Âm Bồ Tát. Thịnh thoảng con tự dừng lại để xem thử có bị vọng niệm dấy khởi không, ngay khi đó toàn thân nhẹ nhàng, thư giãn, tâm lặng yên, biết rõ. Vậy là Phật tánh nơi con có mặt trong khi làm việc!

Bản thảo Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm với 3 ngôn ngữ Việt, Anh, Hán được in 5 lần để thỉnh Ông góp ý và sửa chữa rất nhiều. Bản thảo cũng được Chư tôn Thiền đức chứng minh cùng quý thiện hữu tri thức giúp sửa văn phạm tiếng Anh và chính tả tiếng Việt. Ông khích lệ: "*Ấn phẩm này tuy sinh sau đẻ muộn nhưng vẫn có giá trị của nó*".

Ông dạy phần danh hiệu tiếng Việt nên in thành một bản chữ thật lớn để đạo hữu dễ lấy, và Ông đặt tên là "*500 LAY BỐ TÁT QUÁN THẾ ÂM*". Ông hoan hỷ viết lời Tựa và Giới thiệu cho cả 2 ấn bản. Nhờ tịnh tài của quý đạo hữu nên ấn tổng được 2.030 bản in màu offset, cúng dường tại Việt Nam, Hoa Kỳ và nhiều nơi khác. Ông cũng dạy in lại bản "*500 LAY BỐ TÁT QUÁN THẾ ÂM*" vì có nhiều đạo tràng yêu cầu, nhưng chưa thực hiện được thì Ông đã về Tây.

Không một dấu hiệu sức khỏe nào giảm sút, Ông nhẹ nhàng xả báo thân vào chiều Chủ nhật 18 tháng Hai năm Nhâm Dần (20/3/2022) tại bốn tự. Sáng Chủ nhật ấy, Ông cùng quý đạo hữu đi thăm và biếu quà các bạn homeless tại thành phố San Jose, trưa về chùa thọ trai rồi vào phòng nghỉ trong khi các đạo hữu dọn dẹp. Ba giờ chiều, Ông điện thoại với đạo hữu Chúc Tiến, rồi Ông đi tắm, giặt và sấy áo quần. Điện thoại với đạo hữu Võ Văn Tường lúc 5 giờ, viết message trả lời đạo hữu Nguyên Hoa lúc 5 giờ 49 phút. Rồi Ông an tường thân thần viên tịch vào lúc 7 giờ chiều, trụ thế 78 năm, hạ lạp 54.

Lễ Tang Ông được chư tôn Thiền đức Tăng Ni Cộng đồng Phật giáo Bắc California và Môn đồ Pháp quyền tổ chức trang nghiêm tại nhà quán Chapel of the Angels, thành phố Fremont, vào ba ngày 8, 9, 10/4/2022. Nhiều Hòa thượng, Thượng tọa từ Canada, Pháp, cũng như các tiểu bang, thành phố xa xôi đều về thập hương tưởng niệm trước Kim quan Ông. Đệ tử xuất gia của Ông là: Thượng tọa Thông Lý, quý Đại đức Thông Hạnh, Thông Hoảng, Thông Định, Thông Tạng, Sa di Thông Đạo, quý Sư Cô Thông Tâm, Thông Niệm, Thông Độ, Thông Hòa. Đại diện gia đình huyết thống có người em ruột tại tiểu bang Florida và

người cháu đến từ Việt Nam. Tro cốt của Ôn được thờ tại 4 nơi: (1) Chùa Đại Bảo Trang Nghiêm, Hayward; (2) Chùa Phật Bảo, Philadelphia; (3) Tinh xá Thiền Lâm, Winchester; (4) Tổ đình Thiền Lâm, Phan Rang.

Trong suốt 49 ngày qua, mỗi tối, các đệ tử xuất gia và tại gia của Ôn đều vân tập về chùa Đại Bảo Trang Nghiêm tiếp tục lễ bái Vạn Phật, 500 Lay Bồ Tát Quán Thế Âm, tụng kinh Di Đà, Địa Tạng, Pháp Hoa. Ngoài ra, chúng con còn tụng tất cả các bản Kinh Ôn đã dịch ra tiếng Việt là: Vãng Sanh Tịnh Độ Thần Chú, Kinh Phật Dạy Cách Phát Tâm Bồ Đề, Phật Thuyết Kinh Diệt Tội Trường Thọ và Thần Chú Bảo Hộ Hải Nhi, Vô Biên Pháp Lạc, Thất Phật Kệ. Sư Cô Thông Niệm chia sẻ ý kiến là học được 3 Pháp tu từ cuộc đời Ôn: Trên kính trọng Chư Tôn đức, dưới từ bi hỷ xả với đạo hữu, bản thân thì thiếu đức tri túc.

L luận án Tiến sĩ Phật học của Ôn năm 2002 tại trường Đại học Magadh, Bodhgaya, Ấn Độ, về đề tài *"So Sánh Các Giới Bản Tỷ Kheo Giữa Các Bộ Phái Phật Giáo Chính"* bằng 4 ngôn ngữ Anh, Sankrit, Pali, Hán đã được đưa lên Internet theo ý nguyện của Ôn. Trong 7 tuần qua đã có đến 1.700 người vào đọc.

Kính Lay Giác Linh Ôn!

Đêm nay thứ Bảy, 7/5/2022, là Chung Thất của Ôn, con thành kính ôn lại hạnh nguyện Bồ Tát của Ôn giữa cuộc đời điên đảo cuồng si mà dòng lệ tuôn trào. Thật đúng với Lời bạt Ôn viết trong Kinh Phật Dạy Cách Phát Tâm Bồ Đề: *"Thực hành đạo Bồ Tát thật đầy công gai và thử thách. Càng cực khổ, càng nguy hiểm, càng khó khăn bao nhiêu thì tâm Bồ Tát càng yêu thương, càng hy sinh, càng tinh tấn... thì càng đến gần giác ngộ, giải thoát"*.

Sự ra đi nhanh chóng của Ôn là một **tia chớp** khai thị cho con về **xả bỏ, sanh diệt, diệt sanh** trong từng giây phút. Con cung kính y giáo phụng hành những điều Ôn dạy, sắp xếp việc nhà để đồng minh thọ Tỷ Kheo giới tại Đại giới đàn miền Nam California sắp tới. Mai đây, xin phép Ôn cho con về Tinh xá Thiền Lâm nương tựa Sư huynh Thông Lý để tiến tu.

Nhưng dù đi bất cứ nơi đâu, con vẫn hướng về chốn Tổ *"Lâm Tế Chánh tôn, Minh Hải Pháp phái"* là chùa Đại Bảo Trang Nghiêm do Ôn Khai sơn và Trụ trì. Con xin nguyện góp sức cùng chư tôn Thiền đức và quý Phật tử ấn tổng bản Kinh Vô Biên Pháp Lạc II do Ôn biên dịch và Kỷ yếu Tưởng Niệm Cuộc Đời Của Ôn vào lễ Tiểu Tường. Xin chân thành niệm ân tất cả quý Phật tử đã hết lòng hỗ trợ.

Nam mô Lâm Tế Chánh tôn, Tứ thập nhị thể, Khai sơn Đại Bảo Trang Nghiêm tử, thượng Thị hạ Đạt, tự Hạnh Hưng, hiệu Đồng Tuyên Hòa thượng Giác Linh Thủy tử Chứng minh Gia hộ.

Con, Sa di Thông Đạo thành tâm cầu bạch.

TIN VUI: KHOÁ TU BẮC MỸ LẦN THỨ 10 SẼ TRANG NGHIÊM TỔ CHỨC TẠI THÀNH PHỐ BIG BEAR DO ĐẠI TĂNG TIN TƯỚNG & ĐỀ CỬ HT THÍCH TUỆ UY LÀM TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC NĂM 2023

Con kính đánh lễ giác linh Cố Hoà Thượng Thích Đồng Tuyên, nguyên Tổng vụ trưởng Tổng vụ Giáo Dục, nguyên hai kỳ Trưởng ban Tổ chức Khóa Tu Phật Pháp Bắc Mỹ.

Hôm nay ngày trăng tròn Rằm tháng 5, nhằm ngày 13 tháng 6 năm 2022, kết thúc thành công Đại hội thường niên GHPGVNTN Hoa Kỳ tại Tu Viện Pháp Vương, San Diego. Con, HT Thích Tuệ Uy với chức vụ quyền Tổng vụ trưởng Tổng vụ Giáo Dục, được vinh dự đứng ra gánh vác trách nhiệm của Đại Tăng giao phó, là vị trưởng ban tổ chức KHOÁ TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ lần thứ 10 vào đầu mùa hè năm 2023 tại Big Bear City, nơi có Tu Viện Liên Hoa Sanh, là một thắng cảnh với thiên nhiên xinh đẹp và mát mẻ, nhiệt độ thời tiết trung bình trong tháng 7, ban ngày khoảng 81 độ F và ban đêm khoảng 51 độ. Thành phố Big Bear rất tuyệt hảo cho sự trải nghiệm tu tập Retreat 3 ngày, Fri, Sat., & Sunday cho tất cả Đại chúng phát tâm về tham dự.

Đây là tin vui và phước đức cho cư dân tại bản xứ nói chung và cho Ban tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ kể từ sau Đại dịch toàn cầu hơn 2 năm qua.

Kính thưa Đại chúng,

Sau khi, có ngày chắc chắn và nơi chốn cho Đại chúng Phật tử đồng về tu tập 3 ngày, Ban tổ chức sẽ phúc trình lên Giáo Hội chuẩn y và sẽ ra thông báo đến tất cả quý Phật tử Đồng hương.

Thay mặt ban tổ chức xin kính đề đầu đánh lễ uy đức của Đại Tăng hoan hỷ và gia trì cho Phật sự này, và cảm niệm công đức hộ trì Tam Bảo của Thập phương Phật tử cho khóa tu Phật Pháp Bắc Mỹ năm 2023.

Nguyện cầu chư Tôn Hộ Pháp chứng minh gia hộ cho khóa tu này thành tựu một cách tự nhiên đầy Pháp hỷ lạc, lợi ích Pháp giới chúng sanh.

Nam mô Đại Bảo Trang Nghiêm Công Đức Phật
HT Thích Tuệ Uy
Quyền Tổng vụ trưởng Tổng Vụ Giáo Dục
GHPGVNTNHK
Phượng trượng Tu Viện Liên Hoa Sanh
Viện chủ Tu Viện Hộ Pháp



Công viên, chiều nghỉ ngơi...

NGUYỄN NGỌC TƯ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Trên tay người đàn bà, cô bé nhoe nhoẹt cười. Mắt to đen và mí cong rợp. Mười ba tuổi, bé không biết ngồi, không biết nói, chỉ cười, và thật may, bàn tay khẳng khiu xương biết khe khẽ chìa ra, khi bé thấy đói, muốn ăn. Chiều nay, ly nước ép bưởi mà cô gái bán dạo ở công viên thương tình cho hai mẹ con người ăn xin kèm theo một hệ lụy: đói. Bàn tay em nhỏ chao như bướm phía tôi.

Tôi nghĩ đến một hộp cơm. Quán cơm nằm ngay bên kia đường. Khi đứng trước dòng xe xuôi ngược, bỗng nghĩ, người đàn bà đó là mẹ, hay chỉ là một kẻ chặn dắt nhân tâm, phần cơm đó con bé sẽ được no lòng hay bị tước đoạt mất. Câu hỏi làm tôi chùn bước. Thấy người bị vụn đi, khi bận lòng chỉ vì số tiền nhỏ bé cho một món quà nhỏ bé.

Lúc năm bảy tuổi chắc là tôi còn nguyên vẹn. Tin là có ma có tiên có Phật. Nồi khoai trên bếp do chính tay má luộc, nhưng bà tiên thì bí mật vùi sẵn củ khoai trong đất. Ma thường ở trên những cái cây cao lớn nên không dám trèo. Dưới sông, trong ao thì cũng nhiều ma nên chưa biết lội thì đứng ra đó, mà nó kéo chân. Bỏ phí một hạt cơm thì lúc chết linh hồn bị đói.

Hồi nhỏ tôi ngoan ngoãn, vì biết tin và biết sợ. Thời gian cứ rút mỗi lần, tí tuổi, tí tuổi, đầy dần thì người ta cũng tỉnh táo dần, vụn dần. Giờ có yêu thì cũng chẳng buồn hỏi anh ơi yêu tôi nhiều ít, chắc chắn là... không nhiều đâu, cho nên mình yêu lại cũng vừa vừa thôi. Giờ thì nghe chuyện trả lại tiền hồi lộ tôi nghĩ ngay, hay là họ... chê ít. Giờ cho em bé tật nguyền một chén cơm thấy bản khoăn.

Cũng làm trái tim mệt mỏi. Khi có một bàn tay đặt lên vai mình, mà mình lại chỉ nghĩ tới nguy cơ mất... sợi dây chuyền vàng, khi có một ánh mắt xa xa dõi theo mà mình thì lúi húi ghì cái túi sách trong lòng, thì đời còn gì là thi vị nữa. Đường phố không còn vui với tôi, mà công sở cũng buồn,

nghe người nọ nói ê a trong cuộc họp mà trong lòng nghĩ, nói cho có vậy thôi, chớ có thay đổi được gì đâu.

Nên nhiều lúc thấy thương mình, cũng như chiều nọ, khi trao phần cơm cho mẹ con người đàn bà gầy gò đó. Tự an ủi, thôi kệ, đỡ hơn về nhà cứ ấy này lương tâm.

Nhưng chiều sau khi tập thể dục ở công viên, tôi nhận ra không chỉ mình là nhẹ dạ mũi lông, cô Nước Bưởi lam lũ kia cũng vậy. Cứ thấy hai mẹ con bỗng bế nhau lại là cô mang nước cho họ. Con bé vẫn cười trong veo chìa tay ra. Tôi nửa thương, nửa giận, tôi đã tới cái trường học mà bà mẹ nói là họ đang lẩn lóc tạm bợ ở đó. Nó trống không.

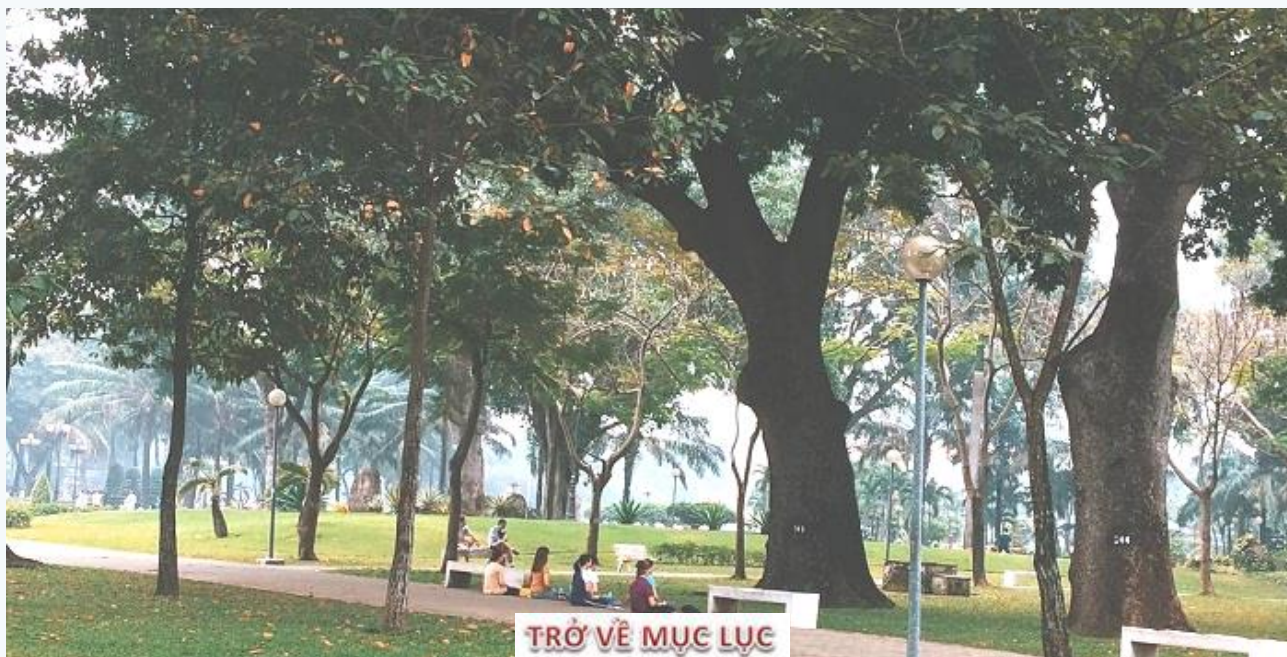
Vậy mà tôi đã được kể cho nghe những chi tiết xót lòng, đứa nhỏ nằm trên chiếc chiếu rách tả tơi, bà mẹ đi mua lon gạo nấu cháo, dưới chân nước ngập lổm bổm...

Chuyện nhỏ, nhưng đủ gây thương tổn nhỏ. Tôi phàn nàn với cô Nước Bưởi, "thấy mẹ cũng mạnh giỏi, cũng đi làm thuê, làm mướn được, sao phải ăn xin." Cô ngó tôi, mẹ đi làm thì bỏ con cho ai. Tôi dè dặt, biết có phải con thật không? Nước Bưởi ngạc nhiên "Không phải mẹ con thì là gì, mắt mũi giống hệt mà, tui nhìn qua là biết liền..."

Tin vào mắt, vào tai, vào tim mình, chiều nào Nước Bưởi cũng giúp mẹ con họ qua cơn khát. Cô nói, "để đứa con tật nguyền mà không vứt bỏ, chạy trốn thì quý lắm rồi..." Hai mươi tám năm trước, một bữa mở cửa nhà ra, người ta thấy Nước Bưởi lạc lõng ngo ngoe nằm đó, mắt thao láo ngơ ngác giữa đời.

Tôi sẽ sàng nghe câu chuyện về thân phận bị bỏ rơi, nhưng không bao giờ ngưng tin yêu cuộc đời. Tôi lẳng lặng vá lại lòng mình đang có chỗ vừa nát. Chiều nay, hai mẹ con họ không biết có bỗng bề qua công viên này...

(Nguồn: [facebook.com/nguyennhoc4](https://www.facebook.com/nguyennhoc4))



TRỞ VỀ MỤC LỤC

LÀ TẤT CẢ, ĐỂ SỐNG MỘT MÌNH

Nguyễn Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Trong hàng đệ tử của Đức Phật, có một vị tăng hình dung xấu xí, lùn thấp, không chút nào hào tướng, nên người mới gặp tự nhiên khó tôn kính. Đó là Trưởng lão Bhaddiya. Cũng chính vì nhận ra nhiều vị tăng đã khởi tâm bất kính khi thấy nhà sư lùn thấp Bhaddiya, Đức Phật đã nói lên hai bài kệ làm giục mình đại chúng, rằng chính nhà sư Bhaddiya đã giết cha, giết mẹ, giết vua, giết cả triều đình... Bài này sẽ nhìn về cách Đức Phật nói lên các ẩn dụ như thế. Để rồi dẫn tới ý nghĩa về hạnh sống một mình. Các sai sót có thể có, người viết xin được sám hối.

Trong Kinh Pháp Cú, ghi lại các ẩn dụ đó là hai bài Kệ 294 và 295. Bản dịch của Thầy Minh Châu hoàn toàn phù hợp từng chữ với bốn bản Anh



được thấy, cái được nghe, cái được ngửi, cái được nếm, cái được chạm xúc, cái được tư lường.”

Trong bài Kệ 295 ghi trên, ẩn dụ giết mẹ và cha cũng là dứt trừ tham ái và ngã chấp, giết hai vua Bà La Môn là lìa Thường kiến và Đoạn kiến, con hổ là năm triền cái. Sau khi giải thích, Đức Phật đọc hai bài Kệ 294 và 295.

Bản dịch của Thầy Minh Châu hoàn toàn phù hợp từng chữ với bốn bản Anh

dịch của bốn học giả: Bhikkhu Thanissaro, Bhikkhu Sujato, Bhikkhu Anandajoti, Peter Feldmeier. Tuy nhiên, bản Anh dịch bài Kệ 294 của Ācāriya Buddhārakkhita lại khác, ghi là giết thêm ông Bộ Trưởng Tài Chính giữ kho bạc (có lẽ, dựa theo một cổ bản Pali khác):

294. Having slain mother (craving), father (self-conceit), two warrior-kings (eternalism and nihilism), and destroyed a country (sense organs and sense objects) together with its treasurer (attachment and lust), ungrieving goes the holy man. (2)

Nơi đây, chúng ta sẽ dịch theo sát từng chữ như sau:

294. Giết xong mẹ (tham ái), cha (ngã chấp), hai vua Sát ly (thường kiến và đoạn kiến), phá hủy một quốc gia (căn và trần) và [giết] viên quan thủ quỹ (dính mắc và ái dục), bậc thánh tăng bước đi, không ưu phiền.

Sau khi Đức Phật giải thích xong, các nhà sư tới thăm đều đặc quàn A la hán. Nghĩa là, khi thấy cả thân tâm, trong và ngoài đều không có gì buộc nữa, thì là xong. Duyên khởi về nhà sư Bhaddiya trước đó cũng tương tự. Vị sư này hẳn nhiên là lùn thấp, xấu xí nổi bật, cho nên các Kinh khi dịch sang tiếng Anh đều ghi lúc thì “Bhaddiya the Dwarf” hay lúc thì “The Short one” — nghĩa là, hề nói thấp là người nghe nghĩ tới Thầy này.

Trong Kinh Udāna 7.1 có ghi về trường hợp ngài Bhaddiya chứng quả, giải thoát. Nơi đây, xin dịch sang tiếng Việt, dựa vào bản Anh dịch của ngài Sujato:

“Như vậy tôi nghe. Một lần, Đức Phật cư ngụ gần thành Sāvatthī (Xá vệ) trong vườn Jeta (Kỳ đà), tu viện Anāthapiṇḍika (Cấp cô độc). Lúc đó, Đại sư Sāriputta (Xá lợi phất) đang thuyết giảng, sách tấn, thúc giục, gợi cảm hứng nhà sư lùn thấp Bhaddiya bằng một bài Pháp. Sau khi được nghe dạy, tâm của ngài Bhaddiya được giải thoát khỏi

*295. “Sau khi giết mẹ cha,
Giết hai Vua Sát ly,
Giết vương quốc, quần thần
Vô ưu, phạm chí sống.” (1)*

Trong tích truyện về Kinh Pháp Cú, kể rằng, trong khi cư ngụ tại Tu viện Jetavana, Đức Phật đọc hai bài Kệ 294 và 295, là khi nói về Trưởng lão Bhaddiya, vị sư có thân hình lùn thấp. Lúc đó, một số tu sĩ tới thăm, dành lễ Đức Phật. Khi họ tới trước Đức Phật, tình cờ thấy gần đó là nhà sư Bhaddiya. Đức Phật nói với nhóm tu sĩ tới thăm hãy chú ý về nhà sư lùn thấp và nói với đám đông các nhà sư: “Hỡi các tỳ khưu, hãy nhìn vị sư đó. Nhà sư đó đã giết cả cha và mẹ của sư, giết xong rồi, bây giờ không vương chút khổ nào nữa.” Các nhà sư tới thăm không hiểu câu nói đó, nên xin Đức Phật giải thích cho rõ.

Trong ẩn dụ đó, Đức Phật nói giết “mẹ” là diệt tham ái (craving), giết “cha” là diệt chấp ngã (conceit). Nói giết “hai vua” trong bài kệ là trong tâm nhà sư Bhaddiya không còn dính chút nào về Thường kiến (chấp Vĩnh cửu, Eternity-belief) và Đoạn kiến (chấp Đoạn diệt Hư vô, Annihilation-belief), giết “vương quốc” là thấy không hề có cái gì gọi là các căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), giết “quần thần” là thấy không hề có cái gì gọi là “cái

lậu hoặc bằng cách **không nắm giữ gì** (freed from defilements by not grasping: xa lìa lậu hoặc vì tâm vô sở trụ). Đức Phật thấy chuyện xảy ra như thế. Đức Phật mới nói lời cảm hứng tự trong tâm:

Phía trên, phía dưới, mọi nơi đều giải thoát,

không còn tư lường 'Tôi là thể này'.

Giải thoát như thế, vị này đã vượt dòng thác lũ

nơi trước đó chưa qua được, bây giờ sẽ không còn tái sinh nữa." (3)

Nên ghi chú rằng: "trên, dưới, mọi nơi" có nhiều nghĩa. Trong đó, nghĩa đơn giản nhất là: trong mọi trường hợp của "quá khứ, vị lai, hiện tại." Người đã "sát tận, diệt tuyệt" như thế cũng được gọi là người sống một mình, người sống hạnh đơn độc. Chứ không nói đơn giản người "sống một mình" là người lui vào góc núi, ven rừng.

Đức Phật từng giải thích về người biết sống một mình qua bài Kinh SA-1071, bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ, Đức Thắng trích như sau:

"Tỳ-kheo Thượng Tọa bạch Phật: "Con chỉ ở một mình nơi vắng vẻ, khen ngợi người sống một mình, đi khát thực một mình, ra khỏi làng một mình, ngồi thiền tư một mình."

Phật bảo Tỳ-kheo Thượng Tọa: "Ông là kẻ sống một mình, Ta không nói là chẳng phải sống một mình. Nhưng lại có lối sống một mình thẳng điều hơn. Sao gọi là lối sống một mình thẳng điều? Đó là Tỳ-kheo phía trước thì khô cần, phía sau thì diệt tận, ở giữa thì không tham hỷ. Đó là Bà-la-môn tâm không còn do dự, đã xả ưu hối, lìa các hữu ái, đoạn các kết sử. Đây gọi là sống một mình không có lối sống nào thẳng điều hơn nữa."..." (4)

Nghĩa bài kinh vừa dẫn rất minh bạch: "phía trước khô cần" là đừng mơ tưởng gì nơi tương lai, "phía sau diệt tận" là chớ bận tâm gì tới quá khứ, "ở giữa không tham hỷ" là hiện tại, ngay giây phút này, xa lìa mọi tham ái trong ba cõi. Đó mới thực là sống một mình.

GHI CHÚ:

(1) HT Minh Châu. Kinh Pháp Cú: <https://thuvienhoasen.org/p15a7964/pham-21-26>

(2) Kệ 294 (bản Ācāriya Buddhārakkhita): <https://accesstosight.org/tipitaka/kn/dhp/dhp.21.budd.html>

(3) Kinh Ud 7.1, bản dịch Sujato: <https://suttacentral.net/ud7.1/en/sujato>

(4) Kinh SA-1071: https://suttacentral.net/sa1071/vi/tue_sy-thang

THÁNG TÁM, TRĂNG THU HẸN

Sóng lặng hải triều âm
Biển trùng khơi gọi gió
Hương mùa thu lá đỏ
Người đi, nụ còn xanh
Người về, hoa đã nở
Đi, Về,
Chỉ một cõi
Lặng lẽ ánh trăng thu
Tử sinh, vừa tròn kiếp
Càn khôn, giấc mộng du
Ai đang Đi hay Ở?
Ai đang Gần hay Xa?
Ngoảnh nhìn, mệnh mông vắng
Chỉ là Ta với Ta
Cái Vô Sinh Bất Diệt
Giữa xôn xao Ta-bà!



VÀNG THU, LÁ NHỚ

Lá chuyển sắc vàng, tô điểm cây
Cây rung rung lệ, lá nào hay,
Lá hồi,
Vàng chi?
Rồi lá rụng!
Để cây trơ trụi, trăng thu này!

Tinh mơ,
Sóng vỗ, chênh vênh đá,
Mặt trời chưa thức,
Trăng còn non
Hồn sóng mệnh mang, nghe thuyền gọi
Đi,
Về,
Một cõi
Lạnh hư không.

Nơi đâu góc biển?
Đâu chân trời?
Biển không bãi cuối, trời muôn nơi
Bằng con-mắt-tuệ, tìm nhau nhé,
Sẽ thấy người, trong hạt lệ tôi.

(Tào-Khê tịnh thất – Hương trà Tháng Tám...)

thơ HUỆ TRÂN



CHĂM SÓC CHA MẸ LÚ LẤN

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Lú Lấn là sự suy kém về trí tuệ, hay bị lẫn, lãng quên và không còn khả năng suy nghĩ một cách sáng suốt như thường lệ.

Bệnh nhân lơ đãng, mất phương hướng, không biết mình ở đâu, trong thời gian nào.

Họ quên cách gọi thông thường về người và sự vật. Họ cũng quên luôn cả cách tự chăm sóc hàng ngày như tắm rửa, đánh răng, ăn cơm, mặc quần áo.

Và họ hành động giống như một em bé mới lớn. Bỗng chốc vui, bỗng chốc buồn. Rồi cũng vô cớ giận hờn, bướng bỉnh, gắt gỏng với người thân, người chăm sóc. Trước đám đông, họ chạy tung tăng, chọc ghẹo người này, quấy phá người kia. Rồi nhe răng cười nói, ngô nghê. Không ai đoán được họ muốn gì. Vì họ đã vừa lú, vừa lẫn.

Lú lẫn có thể xuất hiện bất thành linh hoặc từ từ.

Nguyên nhân

Nguyên nhân chính của lú lẫn sa-sút trí-tuệ là bệnh Alzheimer. Rồi đến bệnh trầm cảm, hủy hoại não do nhiều tai biến não nhỏ, thiếu sinh tố B12 hoặc do di truyền, virus.

Có tới 75% trường hợp lú lẫn diễn tiến âm thầm một thời gian khá lâu trước khi được khám phá, thường thì do thân nhân nhận ra.

Lúc đầu, người bệnh hay kiếm cách, phủ nhận, nói lảng, đôi khi bịa rất khéo để che giấu bất hạnh của mình. Thí dụ như khi hỏi họ đang coi phim gì trên truyền hình, thì họ trả lời "đang coi chương trình tôi thích nhất," mà thực ra họ không nhớ tên của chương trình đó. Nhưng với thời gian, người bệnh không còn che giấu được nữa, và triệu chứng lần lần xuất hiện.

Chăm sóc

Chăm sóc người lú lẫn, rối loạn trí tuệ là cả một công việc khó khăn, nặng nhọc, với nhiều kiến nhẫn, khoan dung, chiếm gần hết số 24 giờ một ngày. Trách nhiệm người săn sóc rất căng thẳng.

Sau đây là một số gợi ý về việc chăm sóc hỗ trợ để đáp ứng những nhu cầu cũng như giải quyết vấn đề khó khăn của người bệnh:

1- Về ăn uống

Vì sự an toàn, tránh để bệnh nhân can dự đến việc nấu nướng, để tránh phỏng da, hỏa hoạn.

Nhắc nhở giờ ăn.

Dọn từng món ăn một để tránh trường hợp họ ngồi bối rối trước mâm cơm, không biết lựa món nào.

Đôi khi bệnh nhân chỉ thích ăn một món, dễ bị thiếu dinh dưỡng, vì vậy nên xen kẽ món ăn khác nhau.

Quên cách dùng đũa, thìa có thể thay bằng món ăn cầm tay.

Cho ăn nhiều bữa nhỏ trong ngày vì họ không chịu ngồi yên trong bữa ăn kéo dài.

2- Ngủ nghỉ

Để ngủ ngon giấc ban đêm, nên khuyến khích bệnh nhân tham dự nhiều sinh hoạt ban ngày, tránh uống nhiều nước buổi chiều để họ khỏi thức dậy đái đêm.

Không nên cho uống nhiều thuốc ngủ, giới hạn ngủ ngày.

3- Thuốc men

Cất giữ dược phẩm trong tủ khóa kỹ.

Cần trực tiếp giúp người bệnh uống thuốc cho đúng giờ, đúng phân lượng.

Với bệnh nhân không chịu uống thuốc, nên nghiền thuốc nhỏ, pha lẫn với chút thức ăn, nước trái cây. Đôi khi phải dỗ như dỗ trẻ em.

4- Quần áo

Cần quần áo rộng rãi, thoải mái khi mặc, ít cúc, móc rắc rối.

Nhiều khi họ chỉ thích mặc một bộ nào đó, nên có sẵn hai bộ y hết để thay đổi mỗi ngày.

Giày không dây cột hoặc có vài dính, vì đôi khi họ quên cách cột dây giày.

5- Tắm rửa

Khi tắm, họ hay nghịch giỡn như trẻ thơ, đôi khi vùng vằng không chịu tắm, do đó nên cần lựa ý, để họ tự tắm, tôn trọng sự riêng tư.

Coi nước nóng lạnh vừa đủ.

Dùng ghế tắm, tay vịn, thảm cao su dưới đáy bồn tắm để tránh té ngã.

6- Thay đổi tính tình

Với thời gian, bệnh nặng hơn, trí nhớ hao mòn, khả năng tự chăm sóc cá nhân giảm, niềm



tự tin mất bớt, họ trở nên nghi ngờ, bần gãi, bướng bỉnh, khó chịu. Đây là lúc người thân vừa đau lòng, vừa khó xử. Nếu tỏ ra khó khăn với bệnh nhân thì lại càng làm họ bức tức, chống đối nhiều hơn.

Nên nhẹ nhàng thông cảm, vỗ về người bất hạnh với lời nói ngắn, gọn, rõ ràng. Một cái vỗ vai nhẹ, một nụ cười, một ôm hôn trên má để làm họ thấy được thương yêu.

7- Để tránh đi lang thang, lạc lối

Thay ổ khóa cửa mở cần chìa, gắn hệ thống báo động cửa ra vào.

Cho bệnh nhân mang vòng tay có ghi tên họ, địa chỉ.

Nhờ hàng xóm để ý giúp đỡ nếu họ đi ra khỏi nhà.

8- Nhà ở

Trưng bày hình ảnh kỷ niệm xưa ở chỗ dễ thấy để kích động trí nhớ, nhất là những tấm hình gợi lại sự thành công trước đây của người thân, hình sinh nhật, cưới hỏi, họp bạn.

Treo đồng hồ, lịch chữ to để nhắc nhở ngày tháng, thời gian.

Phòng ở đầy đủ ánh sáng, ít đồ đạc, để dễ đi lại, tránh ngã té.

Con cháu tới thăm hỏi thường nhật, nhất là trẻ thơ vì chúng mang lợi ích cho mọi tuổi.

Kết Luận

Cổ nhân có câu nói "Trẻ cậy cha, già cậy con".

Đặc biệt là khi cha mẹ bị lú lẫn. Vì trong hoàn cảnh này, cha mẹ hoàn toàn trông cậy, phụ thuộc ở con cháu.

Vậy hãy dành cho cha mẹ lú lẫn một chăm sóc chân tình, chu đáo. Để khỏi rơi vào cảnh "cha mẹ nuôi con như trời như bể, con nuôi cha mẹ con kể từng ngày."

Chuối chín cây, cuống chuối teo khô, đầu chuối rửa mềm, chuối rụng lúc nào, ai hay.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
Texas-Hoa Kỳ



PHẬT PHÁP CON ĐƯỜNG ĐỎ

*Ta gặp nhau chốn này
Khắc nào đám mây bay
Đời hợp tan mây chốc
Hội ngộ để chia tay*

*Như chiếc lá vàng rơi
Tơi đây lại đi thôi
Thân này như sương khói
Như giọt mưa bay bay*

*Vài người bạn tôi yêu
Có người đã vắng bóng
Còn đâu lời tình tự
Còn đâu ngôi làm thơ*

*Cõi đời đầy đau thương
Kể làm sao cho hết
Vẫn trùng trùng sống chết
Vẫn đầy đứt, phím chùng*

*Biết bao nhiêu anh tài
Khi sinh tiền dững mãi
Nay mô hoang cỏ mọc
Bụi vô thường phủ lên*

*Từ xa xưa tới giờ
Biết bao người khôn ngoan
Biết bao người vụng dại
Vẫn lệ rơi đầm đìa!*

*Mục đích của Đạo Phật
Là giải thoát luân hồi
Chánh Pháp con đường đỏ
Bậc trí giả vẫn đi.*



THIỀN VÀ THƠ

*Nhìn sâu vào cõi tâm linh
Ta thấy liên hệ giữa Thiền và Thơ
Thiền thanh thoát – Thơ tuyệt vi
Cả hai lẫn cảm dòng đời khổ đau.*

thơ **DIỆU VIÊN**

Tản mạn Mùa Vu Lan

TIỂU LỤC THẦN PHONG

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Cứ mỗi độ Vu Lan về, những người con Phật lại nao nao lòng. Người người sắm sửa hương hoa, nhà nhà trang hoàng bàn thờ Phật, bàn thờ gia tiên, ông bà, cha mẹ. Các chùa cũng rộn ràng giăng cờ hoa, sắm sanh phẩm vật để cúng dường.

Vu Lan là một ngày lễ lớn, một sự kiện quan trọng trong Phật giáo Bắc truyền. Chữ Vu Lan dịch từ tiếng Phạn Ullambana; Trung Hoa dịch là giải đảo huyền, nghĩa là giải cứu tội nhân bị treo ngược. Sự tích Mục Liên - Thanh Đề có lẽ người Việt (dù không tôn giáo hoặc tôn giáo khác) cũng đều nghe và biết, có lẽ cũng không cần nhắc lại. Ngài Mục Liên là một đại đệ tử của đức Phật, được xưng tụng là thần thông đệ nhất, là một bậc A La Hán được xem như là tiêu biểu của lòng hiếu thảo (các vị A La Hán đại đệ tử của Phật thời ấy, mỗi vị đại biểu cho một mặt nào đó).

Khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc thì đã bị bốn thổ hóa, địa phương hóa, Trung Quốc hóa từ hình thức đến trang phục, nghi cách hành lễ... Chuyên ngài Mục Liên cũng biến hóa thành Mục Liên-Thành Đề với tích bánh bao thịt chó mang đậm màu sắc văn hóa Trung Quốc. Câu chuyện tuy biến hóa nhưng cái tinh thần thì vẫn là đề cao sự hiếu thảo, nhấn mạnh khả năng chuyển hóa, giác ngộ của Phật pháp. Bà mẹ Mục Liên vì tham lam bòn xén mà đọa làm ngựa quỳ, rồi cũng vì tham lam bòn xén mà bát cơm bùng trên tay hóa lửa, ở trong hỏa ngục chịu muôn vàn thống khổ, không một sát na ngưng nghỉ; nhưng một khi tâm niệm chuyển thì lập tức cảnh giới chuyển theo. Từ tâm niệm tham sân chuyển sang thí xả, từ tâm niệm mê mờ chuyển sang giác ngộ... thì cảnh giới hỏa ngục chuyển thành niết bàn. Bà mẹ Mục Liên sanh thiên là vậy! Ngài Mục Liên, đức Phật, thập phương Tăng cũng không thể nào cứu bà được, nếu tâm niệm của bà không chuyển đổi. Thần lực Phật, tâm hiếu của Mục Liên, chú nguyện của thập phương tăng là cái duyên giúp cho bà ngộ ra, chuyển đổi tâm niệm. Giả sử tâm niệm của bà không chuyển thì vẫn cứ mãi là cảnh giới địa ngục. Bởi thế nhà Phật mới bảo: "Tâm chủ tể, tâm tạo tác tất cả..." (Kinh Suy niệm về Nghiệp), thập phương hư không bất ly được xứ, cổ kim tam thế bất ly được niệm là vậy! Một niệm tâm đủ đầy tất cả.

Ngày nay các nhà khoa học, các nhà văn đưa ra những giả thuyết "Đường hầm ánh sáng", "Lỗ hổng thời gian", "Cánh cửa xuyên không"... có thể trong chớp mắt đi về quá khứ hoặc đến tương lai, điều này chính là một niệm tâm mà Phật giáo đã nói từ hai mươi lăm thế kỷ qua. Từ một niệm có cả ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai, có cả sơn hà đại địa cho đến vũ trụ vô cùng.

Ngày Lễ Vu Lan, mùa lễ Vu Lan người con Phật tưởng nhớ Phật, tưởng nhớ tổ tiên, ông bà, cha mẹ... Những người con Phật cố gắng làm điều thiện lành để báo ơn Phật, hồi hướng công đức cho tổ tiên, ông bà, cha mẹ và cho cả pháp giới chúng sanh. Người Phật tử có thể tụng kinh, trì chú, niệm Phật, ngồi thiền, lễ bái, cúng dường, phóng sanh, bố thí... tất cả các pháp này rất thông dụng và cũng đều là Phật pháp cả. Thiền nghĩ cần cứ vào bài kinh Pháp Cú này mà hành trì thì tuyệt vời và đúng bản hoài của đức bốn sư cũng như của ba đời



mười phương Phật:

Chư ác mạc tác

Chúng thiện phụng hành

Tự tịnh kỳ ý

Thị chư Phật giáo.

(Đừng làm việc ác

Hãy làm việc lành

Giữ tâm thanh tịnh

Áy lời Phật dạy)

Ngày rằm Vu Lan, trời đất phong quang, lòng người nao nao tưởng nhớ Phật, chư hiền thánh Tăng, liệt vị tổ tiên, ông bà... Ngay cả người không có đức tin hay khác đức tin cũng ít nhiều biết đến Vu Lan. Có lẽ đây là ngày hoan hỷ của cả trời, người, phi nhân, ngay cả động vật cũng được hoan hỷ lây vì được phóng sanh, bớt bị giết thịt (thực tế ngày này lượng thịt ở các chợ giảm hẳn đi vì nhiều người ăn chay).

Ngày lễ Vu Lan, mùa Vu Lan, Phật tử và các chùa Bắc tông thường tụng kinh Vu Lan, kinh Báo hiếu, kinh Địa Tạng; đặc biệt trong thời gian này hình ảnh ngài Địa Tạng luôn hiện lên trong tâm trí mọi người. Ngài là một vị bồ tát với lời thệ nguyện vô tiền khoáng hậu, không thể nghĩ bàn, không thể dùng ngôn ngữ, văn tự của thế gian để hiểu và xưng tán:

"Địa ngục vị không thệ bất thành Phật, chúng sanh độ tận phương chứng bồ đề" (Địa ngục vẫn

còn thì thế không thành Phật, độ hết chúng sinh rồi mới chứng đạo quả Bồ đề).

Có một hiện tượng cũng cần nói đến, có nhiều vị (cả tu sĩ và cư sĩ) bài bác và phủ nhận Phật giáo Bắc truyền một cách cực đoan, cứ một mực cho rằng kinh điển, hình tượng Bồ tát của Phật giáo Bắc truyền là không phải Chánh pháp, là do người Tàu chế ra, dĩ nhiên là cả lễ Vu Lan cũng thế. Họ lý luận thời đức Phật còn tại thế không có lễ Vu Lan. Các vị ấy quên rằng Phật giáo có tính khế cơ khế lý; Phật giáo truyền đến đâu thì kết hợp với văn hóa, tập quán, truyền thống và tín ngưỡng bản địa. Phật giáo truyền đến đâu thì biến đổi hóa đến đó, địa phương hóa đến đó. Có thể Phật giáo mới tồn tại và phát triển hơn hai mươi lăm thế kỷ qua, tồn tại khắp mọi nơi với những khác biệt lớn về văn hóa, truyền thống, đức tin... Khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc thì không còn khát thực nữa mà chuyển sang chế độ tông lâm, tự cung cấp thực phẩm, y phục, danh từ giáo phẩm, nghi lễ... cũng khác để phù hợp với đặc điểm của người Trung Quốc. Tích ngài Mục Kiền Liên cũng biến thành Mục Liên - Thanh Đề cũng là lẽ đương nhiên. Phật giáo truyền về phương nam như Tích Lan, Lào, Thái, Miên... thì du nhập tục tế nước chúc phúc, buộc chỉ cổ tay cầu phúc... theo phong tục của người địa phương; có thêm những hình tượng như chưởng làm hộ pháp, rắn thần, apsara, xâm mình, ngồi xổm chắp tay lễ bái... theo tín ngưỡng địa phương, nghệ thuật địa phương. Những vị bài bác chỉ đề cập sự biến và biến thể hóa ở Phật giáo Bắc truyền mà không nói đến sự biến thể hóa ở Phật giáo Nam truyền, không chấp nhận tính khế cơ khế lý. Tuy hai nhánh Phật giáo có nhiều khác biệt nhưng cùng thông nhất ở cốt lõi căn bản: Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo... Việc bài bác phủ nhận ấy khiến cho nhiều Phật tử sợ cơ sanh nghi và hoang mang (bút giả cũng có một giai đoạn lung lay lắm). Tuy khác biệt ở phẩm phục, yếu tố văn hóa và tín ngưỡng địa phương, cách hành lễ nghi... nhưng cốt lõi vẫn xuyên suốt và nhất quán. Thật đáng tiếc và oan uổng khi những Phật tử sơ cơ phải nghi ngờ vì những sự bài bác quá đáng này.

Vu Lan là một lễ hội, một nghi lễ quan trọng trong Phật giáo Bắc truyền, đã thực hiện hơn ngàn năm nay, cùng với lễ hội tế nước trong Phật giáo Nam truyền cả hai song song tồn tại, cùng phụng sự chúng sanh, cùng đường chư Phật.

Ất lãng thành, 07/22

NGÀY BẢO HIẾU

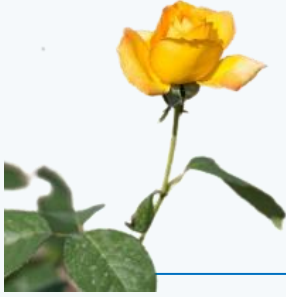


*Tha phương cầu thực xứ người
Vu lan gõ cửa tiếng cười lặng câm
Nhà nhà dọn cúng hai mâm
Con đây gác trọ buồn cầm gió lửa
Đường nghe ngoài cuộc hơn thua
Vong nhân xá tội về khuya chỗ nằm
Bao nhiêu tháng bảy ngày rằm
Ly hương nuốt lệ âm thâm mẹ ơi!
Nhớ thương nói chẳng ra lời
Nắng mưa quất xuống mảnh cời ngửa nghiêng
Ôi! Vạn hạnh hiếu vi tiên
Thế mà con mãi xa miền cổ hương
Chiều nay nặng bước phong sương
Ngày Phật hoan hỷ cúng dường phóng sinh
Tủi thân thương mẹ thương mình
Một đời lam lũ tội tình hồi ơi!
Vu Lan con đứng bên trời
Chúc về phương mẹ một lời chẳng trôi.*

CHÚC VỀ PHƯƠNG MẸ

*Ngày mai xá tội vong nhân
Đời con vẫn bước phong trần mẹ ơi!
Con đi cuối đất cùng trời
Niềm cầu hiếu hạnh dệt lời nhớ thương
Màn trời chiếu gió chần sương
Cầu siêu không chốn cúng dường chẳng nơi
Cũng xin cầu phúc cho người
Câu thơ hiếu lễ nụ cười nghĩa ơn
Ngày mai lễ cúng cô hồn
Ngồi nghĩ cứu đảo huyền bồn ướt mi
Nhớ ngày lay mẹ con đi
Dáng tàn khô gọng lâm li dặn dò...
Vong hồn được thả tự do
Hồn con cô lẻ xuống đò bẻ dâu
Đội câu hiếu hạnh trên đầu
Thương về cổ quận trời sầu Vu Lan
Ngày Phật hoan hỷ ngại ngần
Chúc về phương mẹ mấy lần chẳng trôi.*

thơ LƯU LÃNG KHÁCH



Hiếu hạnh chân thành

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Trong kho tàng ca dao - tục ngữ Việt Nam có biết bao nhiêu câu ca, biết bao nhiêu ngôn từ ca ngợi, xưng tụng tán dương công ơn trời biển của cha mẹ, mà một đời người có học hoài cũng không hết, không cạn...

Công cha đức mẹ cao dày

Cưu mang trứng nước những ngày ngây thơ

Nuôi con khó nhọc đến giờ

Trưởng thành con phải biết thờ song thân!

Hoặc như câu:

Còn cha còn mẹ thì hơn

Không cha không mẹ như đèn đứt dây

Đèn đứt dây còn tay lại nổi

Cha mẹ mất rồi con phải mồ côi...

Ơn cha cao ngút tựa núi Thái như vậy. Nghĩa mẹ rộng lớn như biển Đông như vậy. Vậy mà, ở đời lại có nhiều người làm con không chịu nhìn thấy, hoặc thấy mà không chịu chiêm bái gấm suy, cứ muốn làm một người... mù lòa trong đạo làm con. Hễ nghe ai đó nhắc đến chữ Hiếu thì làm lơ, đánh trống lảng, hoặc lạnh lùng tay xua miệng thốt: "Xưa rồi!" Những người con đó đã cố tình quên đi rằng:

Biển Đông có lúc đầy vơi

Chở lòng cha mẹ suốt đời tràn dâng...

Suốt cả một đời cha mẹ luôn lo lắng, luôn quan tâm, lắm khi mất ăn mất ngủ vì con mình. Một niềm vui nhỏ bé của con lại làm cho cha mẹ râm ran sung sướng, và một nỗi đau buồn của con của con có thể làm cha mẹ rất buồn cả ruột gan. Người con sẽ thật sự cảm nhận, nhìn thấy rõ "núi Thái và biển Đông" hiển hiện sừng sững và mênh mông trong cuộc đời mình khi:

Lên non mới biết non cao

Nuôi con mới biết công lao mẫu tử...

Hay là:

Ở đời ai cũng có lần

Làm cha mẹ mới biết ơn sinh thành

Người xưa khó nhọc nuôi mình

Khác gì mình đã hết tình nuôi con!

Trong "Cổ học Tinh hoa" còn ghi lại câu chuyện nhân vật Dương Phủ lặn lội đường xa tìm cho được vị đại sư Vô Tích — vốn được tôn xưng là một vị Bồ Tát tái thế — để cầu học Phật pháp. Dương Phủ đi được một quãng đường rất dài, tình cờ gặp một vị sư khác giữ chân lại, nói rằng: "Đại sư Vô Tích chính là sư phụ ta, ngài biết người đang trên đường tìm đến diện kiến ngài, nên sai ta đi tìm người để khuyên người nên đi tìm gặp một vị Phật sống!" Dương Phủ nghe nói đến Phật sống thì mừng lắm, Phật vẫn hơn Bồ Tát mà, vội hỏi kỹ đường đi nước bước. Vị sư kia bảo rằng: "Người hãy đi thẳng về hướng Đông, khi nào nhìn thấy một người mặc áo trắng, mang giày ngược mừng rỡ đón người thì đó chính là vị Phật sống!"

Dương Phủ nghe lời, cầm đầu cầm cổ đi không ngơi nghỉ về hướng Đông, tức hướng ngược lại mà

mình đã vừa đi qua, đi cho đến khi về đến... nhà mình. Người mẹ của Dương Phủ nghe tiếng con gõ cửa, trong lòng mừng rỡ, vội vội vàng vàng mặc áo không kịp ngay ngắn, xỏ ngược đôi giày chạy ra mở cửa. Dương Phủ nhìn thấy hình ảnh mẹ "mặc áo trái, mang giày ngược" mới tỉnh ngộ, hiểu ra rằng mẹ mình chính là một vị Phật sống, và lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ ở trong nhà vẫn quý hơn, vẫn đẹp hơn là đi tìm một vị Bồ Tát, hay Phật sống nào đó ở bên ngoài xa... Phật có dạy rằng: "Phụ mẫu tại đường tức như Phật tại thế" (Cha mẹ ở ngay trong nhà chính là chư Phật ở trên thế gian) là vậy! Ta cũng thường nghe câu ca dao:

Tu đâu cho bằng tu nhà

Thờ cha kính mẹ mới là chân tu!

Đối với Phật tử Việt Nam, lễ Vu Lan đã trở thành truyền thống là một mùa đền ơn đáp nghĩa cho những người con hướng về cha mẹ bằng tấm lòng hiếu hạnh chân thành: Mùa Báo Hiếu. Tấm lòng hiếu hạnh đó đâu đòi hỏi phải được biểu lộ bằng ngọc ngà châu báu chất đầy mâm, sơn hào hải vị bày tràn bàn, hay tiền vun bạc đóng dâng lên cho cha mẹ vui sướng? Lòng hiếu hạnh chân thành là được, chỉ cần chân thành là quý rồi, nghĩa là phải tưởng nghĩ đến công cha nghĩa mẹ bằng trái tim thồn thức và tấm lòng biết ơn thật sự, không phải bằng sự hào nhoáng lòe loẹt mang tính hình thức, hay thủ tục.

Chỉ một trái quít bé xíu nhận từ một nhà người thân, nhìn không ăn mà đem giấu trong tay áo để mang về dâng lên mẹ, cậu bé Lục Tích trong "Nhị Thập Tứ Hiếu" đã bộc lộ được tấm lòng hiếu hạnh chân thành của mình. Hay như chuyện Hàn Bá Dũ bị mẹ đánh không hề đau mà lại khóc rống lên thảm thiết, hỏi ra mới hay mọi lần bị mẹ đánh đòn rất đau nhưng không khóc vì biết rằng mẹ còn khỏe, nay bị đòn không thấy đau đòn gì nên biết sức lực mẹ đã suy kiệt, vì vậy mà mới khóc, khóc với một tấm lòng hiếu hạnh chân thành. Những tấm lòng hiếu hạnh đó đâu có giá trị gì về vật chất, nhưng còn quý hóa gấp nghìn lần vàng bạc gấm lụa cao sang phú phiếm. Thế nên:

Thờ cha kính mẹ hết lòng

Ấy là chữ Hiếu dạy trong luân thường!

Là Phật tử, chúng ta quanh năm suốt tháng tinh tấn tu học pháp Phật, quy y danh lễ Tam Bảo, siêng chăm lên chùa thắp nhang và tụng niệm, chúng ta đừng quên một điều:

Lên chùa lạy Phật muốn tu

Về nhà thấy mẹ công phu chưa đến!

Chúng ta hãy luôn nhớ lấy điều đó khi nghĩ về công cha nghĩa mẹ bằng tấm lòng hiếu hạnh chân thành, thì mới mong con đường tu học đạo pháp của mình được thông suốt tốt đẹp, và trọn vẹn...

MONG VỀ CỔ QUẬN

Chiều nay mưa bay bay
Gió nhẹ thổi vi vu
Từng đám mây lơ lửng
Ngang lưng trời xứ xa

Biển nhấp nhô nghìn trùng
Từng đợt sóng xô nhau
Biển rì rào tâm sự
Nước cát có hay chẳng?

Nơi một góc nhà nhỏ
Mang mang niềm tâm sự
Giữa phố lữ đài trang
Nỗi nhớ nhà khôn nguôi

Mấy năm chưa trở lại
Thăm mẹ già tóc bạc
Lưng còng ra lại vào
Giờ con ở nơi nao?

Mỗi ngày hoàng hôn xuống
Dõi mắt về cố quận
Nơi phương trời xa đó
Mong mẹ mãi bình an

Con cứ hên lần hồi
Rồi Covid đại dịch
Chưa về thăm mẹ được
Nghe lòng mình tái tê

Mẹ ơi có những chiều
Một mình buồn cô quạnh
Quê hương mẹ mỗi mòn
Trông bóng dáng hình con

Mẹ năm nay đã ngoài
Hơn chín mươi tuổi lễ
Nhờ phúc lộc tiên tổ
Đi đứng vẫn bình yên

Nơi xứ Huế xa xôi
Con mong ngày trở lại
Thăm mộ phần thân phụ
Làng xóm những người thân

Từng cơn mưa nặng hạt
Tiếng lá bay xào xạc
Như gợi nỗi buồn thêm
Của người con ly hương

Hôm nay mùa Vu Lan
Tiếng chuông chùa đồng vọng
Chắp tay thắm khấn nguyện
Thế giới được bình an

Con đại dịch qua nhanh
Những người đã bỏ mình
Xin được thác sinh về
Cảnh tịnh độ lạc bang

Bình minh vừa lộ dạng
Một ngày mới bắt đầu
Chim ca trên cành lá
Hoa nở ngát thơm lừng.

Đời vẫn đẹp vẫn tươi
Cây vẫn hoài xanh lá
Mây muôn đời vẫn trôi
Nước biển không cùng tận

Xin nguyện sống một ngày
Thêm chuyên cần tu tập
Công phu công quả đều
Đáp đền tứ trọng ân.

thơ THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH



RONG BIỂN CUỘN TÀU HŨ KY KHO TIÊU, RAU RĂM

Nguyên liệu:

Lá rong biển cuộn sushi
Lá tàu hũ ky tươi.
Muối, đường, nước
tương, tiêu, ớt, dầu mè,
soy sauce paste.
Lá chuối, plastic
wrap để bọc.



Sau đó xắt từng lát như hình trên

Đem chiên sơ, nếu cỡ dầu thì bỏ qua giai đoạn này hay không chiên cũng được.

Thực hiện:

Lá tàu hũ ky rửa sạch dưới vòi nước nóng, vắt khô nước, cắt thiết nhỏ, ướp muối, đường, tiêu, dầu mè, trộn cho đều.
Lấy một lá rong biển, cho tàu hũ ky lên trải đều, rồi cuộn lại như cuộn sushi, vừa cuộn vừa xiết cho chặt, sau đó lấy lá chuối gói lại để tránh tàu hũ ky tiếp xúc trực tiếp với bịch nylon, rồi mới lấy một miếng plastic wrap gói lại như gói chả giò, vừa gói vừa xiết cho chặt.
Cho vào nồi hấp hấp khoảng 30 phút là chín như hình:

Khi hấp chín thì như vậy:



(Nguồn: G. Phụng)

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



NGUYỄN MINH HƯƠNG ĐỨC

Đất tam Phan vốn là tử địa cuối cùng của vua Chăm, nơi này khô khan khắc nghiệt, gió như phan nóng như rang. Ấy vậy mà cũng chẳng nhằm nhò gì với sự khắc nghiệt tàn độc của Ngô triều, càng ngày họ càng bộc lộ dã tâm triệt hạ Phật giáo cho bằng được, hồng phúc vụ cho những đã tâm tư lợi của mình.

Phật giáo đồ cùng tăng sĩ vẫn nhẩn nại đấu tranh ôn hòa, chỉ mong họ thức tỉnh mà ngừng sự bách hại. Đất khó này sinh người kiệt kiệt, có ông tăng trẻ nhưng bản lãnh phi thường: tuổi đạo non nhưng tinh thần vô úy cự phách, thân một trượng sáu xích mà đại nguyện thấu tận trời xanh; sống đơn sơ nhưng dạt dào tình đời nghĩa đạo. Ông tăng vẫn cùng đồ chúng tuyệt thực, ngày ngày làm Phật sự bình thường, không ai hay biết ông ấy âm thầm chuẩn bị lễ cúng dường chư Phật mười phương. Ông tăng viết tâm thư cho cha mẹ, cho giáo hội và thư cho đồ chúng Phật tử. Trong các bức thư ấy, người đời đọc được: "...Tôi chỉ là chú tiểu quét lá đa nhà chùa nhưng không thể ngồi yên nhìn đạo pháp suy tàn, lý tưởng thiêng liêng bị dày xéo, nguyện thiêu thân giả tạm này để cúng dường mười phương Phật, nguyện cầu "Bản thông cáo chung" được chính phủ thi hành..."

Ngon đức thiêu thân của ông tăng làm chấn động lòng người, soi thấu cả đất trời, tiếc thay tâm địa những kẻ mê muội vẫn bít bùng vô cảm.

NGUYỄN MINH TỌA SÁNG SÔNG ĐỜI LIÊM KIỆT XUẤT GIA CẦU PHÁP HY SINH VÌ TÔN VONG ĐỒNG LOẠI

HƯƠNG ĐỨC LOANG THƠM HÀNH ĐẠO THANH BÀN NHẬP HÒA HỘ TĂNG PHỤNG HIẾN ĐỂ THỨC TỈNH QUẦN MỂ.



Di ảnh Đại đức Thích Nguyên Hương, 1963. Phan Thiết

ĐẶC BIỆT

Pháp Thông và Pháp Thường vốn là huynh đệ từ hồi còn để chỏm. Sau này Pháp Thường theo lối khác. Hai người mất một thời gian xa cách khá dài lâu. Ngày gặp lại, thấy Pháp Thông đang bận bịu cho ngày lễ Vu Lan. Pháp Thường cười:

- Tình Đố và Vu Lan không phải là chánh pháp, thời đức Phật không có. Mục Liên - Thanh Đề với tích bánh bao thịt chó là do người Tàu chế ra.

Pháp Thông cũng cười bảo:

- Thế lễ hội té nước, buộc chỉ cổ tay chúc phúc thời đức Phật cũng không có, vậy có phải chánh pháp?

- Dĩ nhiên không, đó là đặc điểm văn hóa của bản địa hòa vào Phật giáo.

- Huynh đã hiểu vậy sao không nhìn nhận đặc điểm văn hóa Tàu giao thoa trong đạo Phật?

Pháp Thường không nói gì, Pháp Thông nhẹ nhàng:

- Đó là tính kế cơ kế lý, bốn thổ hóa, có vậy Phật giáo mới truyền đi và thích nghi với mọi quốc độ. Khác biệt tuy có nhưng đừng sanh tâm dị biệt hay phân biệt ấy mới chính là chỗ đặc biệt của Phật giáo.

HẠC VÀ HEO

Mồ thấy người ta học đạo nên sanh lòng hâm mộ, sau một thời gian tông học mồ về cũng tập ngồi thiền, niệm Phật, ăn chay, phóng sanh, làm từ thiện.... Ngặt nổi những đam mê gái gú rượu chè, những cuộc vui đầy thán loạn cười đùa đêm cử lớn vốn trong tâm trí mồ. Mồ không buông xuống được, tiền thoái lương nan. Một đêm kia mồ vừa chợp giấc thì thấy con hạc trắng sao mà thanh thoát ung dung đầy vẻ tiêu dao. Con hạc gọi mồ:

- Này đạo hữu, hãy tỉnh tấn lên nhé! Đời ngắn ngủi, vui chẳng mấy tí mà đoạ thì trường cửu.

Chợt nhiên một bầy heo ở đầu xuất hiện vây quanh mồ, chúng béo tròn ừ ừ vừa ăn vừa đủ đốn với bao nhiêu trò mà người đời thường thích. Chúng còn cạ vào thân mồ cười hì hì:

- Đời ngắn lắm nha huynh! Hãy ăn chơi tận hưởng đi, kéo mai này hồi tiếc.

Mồ thích bầy heo, chúng hưởng thụ vui quá nhưng dù sao thì hình bóng con hạc cũng lung linh trong tâm. Bầy heo càng lúc càng ồn ào tợn hơn, con hạc bay ra giữa đầm nước có một chân đứng im giữa muôn vạn cơn sóng gợn lăn tăn. Mồ loay hoay giữa đường, nửa muốn vui với bầy heo nửa toan theo hạc trắng kia.

Chợt nhiên có tiếng ồn làm cho mồ mở mắt choàng tỉnh, thì ra tivi vẫn đang tường thuật tin tức trong lúc mồ ngủ gật.

ĐỜI LÀ THẾ

Lão Cửu ngoài bảy mươi, răng rụng, gối đau, lưng mỏi, ăn uống trệu trạo, giấc ngủ cũng chập chờn, cứ bốn giờ sáng là dậy lục đục làm cái này đụng cái kia mà thời gian sao dài quá chẳng biết làm gì cho hết. Lão than:

- Thời gian dư dả quá, muốn ngủ mà không ngủ được!

Thằng Tân, con trai lão đang độ thanh niên, cũng bốn giờ sáng dậy để đi làm. Nghe tía nói thế, anh ta cười:

- Con thì ngủ được nhưng chẳng được ngủ.

Bà vợ lão Cửu đang bật lò gas nấu nước pha trà, cười hóm hỉnh:

- Lúc trẻ làm lưng kiếm tiền chẳng dám chi tiêu, giờ già cả có tiền nhưng không có nhu cầu.

Lão Cửu lập tức ứng khẩu:

LÚC TRẺ THỜI GIAN THIỂU THỐN NGỦ ĐƯỢC NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC NGỦ DẬY SỚM ĐI CÀY KIỂM CƠM TIỂU XÀI TẶNG CAO NHÂN GIAN LẮM CẢNH NÚC CƯỜI

KHI GIÀ GIỜ GIẤC DƯ DÔI ĐƯỢC NGỦ LẠI KHÔNG NGỦ ĐƯỢC NẤM NƯỚNG ĐỌC BÁO BIẾNG ẦN NHƯ CẬU GIÁM THẤP NGƯỜI ĐỜI NHIỀU CHUYỆN TRỞ TRỂU.

NGƯỜI LÀNG VỰC

Làng Vực bên bờ đông hải, có tiếng văn hiến lâu đời. Năm nọ con cháu đánh nhau chí tử, kẻ thua bỏ chạy ra biển tây lập trại, đưa thẳng lên làm vua. Từ đó làng bị phủ chụp bởi tấm màn sắt bưng bít, cả làng trở nên tối tăm, nghèo nàn, lạc hậu. Người làng bị bịt mắt, rọ mõm, bịt tai. Tiền chi làng tuyên bố:

- Mũ giấy ta có cả khối, kẻ nào nói năng hay viết lách lệch hướng là chúng ông chụp lên đầu chúng mày.

Những cái mũ giấy in sẵn chữ: Phản động, diễn biến, thoái hóa, thế lực thù địch, tay sai... ai mà dính những cái mũ ấy kể như tiêu đời.

Phản người làng Vực ở biển tây những tưởng tiếp xúc với văn minh, dân chủ, tự do sẽ khác, ại có ngờ cũng hao hao. Hề kẻ nào nói hay viết về lỗi phe ta, nhìn nhận mặt tốt phe địch, dám công nhận sự thật thì lập tức bị úp lên đầu vài cái nón cối: Phản bội, nằm vùng, hai mang, ăn cháo đá bát, phản chiến, thân địch, nổi giáo cho địch, đâm sau lưng... những trận đấu tố cũng không khác gì ở làng Vực. Đời những kẻ bị chụp nón cối liếng xiểng lao đao lắm. Chuyện nghiêm trọng và kéo dài đến nỗi người thiên hạ khác dòng lạ giống cũng phải thốt lên:

- Đừng đụng đến người làng Vực, ồ kiến lửa đấy!

CHỦ CỘNG

Xứ Đất Mơ xưa nay thịnh vượng, kinh tế giàu có, quân sự hùng mạnh, khoa học tân tiến, giáo dục hữu hiệu, chánh trị minh bạch... Người tứ xứ tụ hội về sinh sống làm ăn, vì là xứ tự do nên đảng phái tha hồ lập, người thoải mái ứng cử. Tuy nhiên truyền thống lâu nay thì cũng chỉ có nhị vị đại ca Chủ, Cộng thay nhau làm bá chủ.

Dân xứ Mít từ khi lưu lạc đến đây cũng hòa nhập vào cuộc chơi này. Những anh chị Mít bấy lâu

chống báng nhau vì đủ thứ lý do, nay lại thêm chuyện hai ông lớn này nữa nên chửi nhau, oánh nhau, chơi nhau tới bến luôn. Kể theo Chủ thì bảo:

- Tụi Cộng thuộc thượng lưu, bảo thủ, phò bì bạch, dùng quyền thế lớp trên.

Người chơi Cộng thì gào toáng lên:

- Bọn Chủ có hơi hám xã nghĩa, chỉ tiêu xài chùa mà chẳng làm ra được gì, kiểm phiếu bậc hạ lưu.

Trong đám dân Mít có kẻ đứng trung dung nên bị cả hai bên chia mũi dùi công kích và kêu là: Bọn đảng giữa. Hắn ta phì cười đáp:

DÂN CHỦ HAO HAO THIÊN TẠ CHÌU LÒNG LẤY PHIẾU LỘP DƯỚI CHÍNH TRỊ KHÔNG CHẾ BÀI BẮN Ý NGUYỄN CUỐI CÙNG PHẢI THẮNG

CỘNG HÒA HƠI HÁM HỮU KHUYNH TÂN DỤNG ƯU THỂ TẶNG TRÊN QUẢN QUYỀN BẤT KẾ MƯU GIAN TÂM TƯ HANG ĐẦU KHÔNG THUA.

NƯỚC XÀ HAI

Lâu nay cách biệt biển trời, thời gian xóa nhòa nhiều nỗi tâm tình tư tưởng đón đau. Thế rồi thế sự biến thiên, dòng đời thay đổi, người trong lại ào ạt ra, người ngoài ùn ùn về, thậm chí tất cả còn họp chợ trên mạng xã hội. Người cựu trào nơi đất mới giờ cũng sính xài ngôn lời của người mới nơi đất cũ, nào là: hoành tráng, vỡ òa, bùng, toang, trình, tầm... toàn ngôn từ ngô nghê, vô nghĩa. Đã thế cuối mỗi câu là đệm chữ ạ, vô duyên chi lạ! Chuyện trở nên ồn ào khi trên mạng có người ta thán:

- Đã bỏ đi, cứ sao giờ lại bắt chước xài chữ nghĩa quái lạ như thế?

Lập tức bọn tiểu yêu ào ào như sôi:

- Bọn chúng bay sử dụng chữ nghĩa cũ kỹ lạc hậu quá, may nhờ có ngôn ngữ đỉnh cao trí tuệ của chúng ông làm cho sáng mắt sáng lòng ra.

Hai bên cãi cọ om sòm nhưng bất phân thắng bại. Trùm Dậu cũng tức:

- Cứ sao bọn ta cứ lập lại cái ngôn ngữ ấy như nhân bản vô tính? Đành rằng sự giao lưu sẽ làm ngôn ngữ pha trộn như nước xà hai. Tuy nhiên mình phải có ý thức chọn lọc mà tiếp thu chứ!

Trùm Dậu còn mần thơ:

Ngọng nghịu ngô nghê đến nực cười

Rập khuôn nói, viết khắp nơi nơi

Phải đâu vô tính mà nhân bản (cloning)

Chữ nghĩa ngôn từ dạng dở hơi.

Steven N
Georgia, 07/22



HÃY SỐNG HIẾU THẢO VỚI MẸ CHA

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

**Long thần, Hộ pháp ở quanh ta
Lành dữ ta làm, khó giấu qua.** (sưu tầm)
Bất chợt làm điều gì, thật nhỏ.
Biết là việc ác, phải lìa xa.

Hiếu thảo đứng đầu các hạnh lành
Người con chí hiếu, Phước tăng nhanh.
Phật dạy mẹ cha là Phật sống
Cố làm tốt, mọi việc viên thành.

Hiếu dưỡng mẹ cha thật rất cần.
Lọ áo quần, nhà cửa, uống ăn
Ôm đau có sẵn thuốc nhiều loại,
Qua đời, tang chế phải chu toàn.

Ở ngày tang lễ mẹ cha mình:
Nhận tiền phúng điệu, khổ hương linh.
Người con HIẾU ĐỂ cần làm đúng
Thần thức sẽ về cảnh tốt, lành.

Cha Mẹ nuôi năm, bảy đứa con
Khổ cực bao nhiêu cũng chẳng sờn
Về già, nuôi dưỡng một mình Mẹ
Chẳng đứa chịu lo, thật bất nhơn.

Để cảnh xấu này chẳng xảy ra
Tất cả chung tiền, mẹ dưỡng già.
Tuy làm được vậy, cần thăm hỏi
Mới là con hiếu, rạng danh nhà.

Cha mẹ bên ta mấy chục năm
Bỏ tiền, công sức để nuôi chăm
Sao ta quên hẳn công ơn ấy!
Song thân chịu cảnh khổ âm thầm.

Sinh được con trai, chớ vội mừng
Cha mẹ về già, chúng đứng đưng
Một câu thăm hỏi còn không có
Tiền tiêu tạo nghiệp mãi không ngừng.

Con cái lớn lên ra ở riêng
Chỉ lo vun quén gia đình mình.
Mẹ cha sống khổ cứ thấy kẻ
Bạc bẽ làm sao, ôi thế tình!

Đàn bà quan trọng với gia đình
Vợ tốt dẫn đường, con cháu vinh.
Có người bêu xấu cho dòng họ
Con hiếu, cố tìm đúng bạn tình.

Vợ làm chủ mọi mặt gia đình
Chồng muốn làm gì, chịu ngậm thỉnh!
Có lần để nghị cho tiền mẹ
Vợ lườm mắt nguýt, thật vô minh!

Mẹ ở bên, con sướng nhất đời
Sao con xem mẹ tựa bà nuôi?!
Hở một chút gì, liền mắng mẹ
BẤT HIẾU quá rồi, chẳng chuyện chơi!

Nhiều người lầm tưởng con giàu sang
Cha mẹ tiền tiêu được dễ dàng
Tiền của, chúng tiêu theo sở thích
Cha mẹ không chăm, HIẾU chẳng màng.

Về già hết của, sống nương con.
Con dâu không thích, thờ dài luôn.
Cứ nghĩ mẹ cha là gánh nặng!
Sống vậy, mai này, lãnh nghiệt oan!

Có ít nàng dâu thương mẹ chồng!
Cùng thương hai mẹ, tốt hơn không?!
Nếu mẹ chồng thường hay gắt gỏng
Xem mình trả nghiệp, sẽ yên lòng.

Ai đẻ con, mình có tẩm chồng?!
Lại ghét mẹ, xem phải đạo không?!
Nhân nhện, hiền hòa, tròn HIẾU nghĩa.
Sẽ được tiếng thơm, kẻ tốt lòng.

Mẹ Cha: Phật sống nhớ đừng quên
Biết lo Hiếu dưỡng, Phước tăng lên.
Việc làm có khó, xin đừng nản
Nhân quả đem về, khó nghĩ nên.

Song thân quá vắng nhớ điều này
Tới ngày kỵ giỗ, dọn mâm chay.
Hương linh được cúng đồ chay tịnh
Côi lành sẽ đến, thật mừng thay!

Cha mẹ sinh tiền chẳng dưỡng nuôi
Ngày giỗ, cổ đầy, cúng tế ruồi
Nhà mồ sang trọng như tư thất
Ấy là giả mặt, rơm đời thôi!

Xây mồ thật đẹp, song thân dùng
Muốn cho cha mẹ sống ung dung
Ở ngoài đồng vắng nhiều năm tháng
Rồi thành nạ quý, HIẾU hay khùng?!

Vàng mã, tiền đồ... cúng linh hồn!
Mong cho cha mẹ có dùng luôn!
Làm vậy, họ cho là trả HIẾU
Thật là hoang tưởng, quá tin cuồng.

Con HIẾU, song thân mất, nhớ ngay:
Niệm Phật, tụng Kinh... thường mỗi ngày.
Phóng Sinh, Bỏ Thí... cầu cha mẹ
Mau về Tịnh Độ, mới là hay!



Con hiểu đừng làm xấu mẹ cha
Làm gì chớ để nhục cho nhà.
Bạc bài, Tửu sắc... cần nên
tránh
Hạnh phúc gia đình, tiếng lan
xa!

Đứa con bất hiếu chết về đâu?!
Đọa ba đường ác, vạn ngàn sầu!
Hãy nhanh tỉnh ngộ, chừa cha
mẹ.
Người làm được, nghiệp ác tiêu
mau.

Những lời bày tỏ rất chân thành:
Muốn làm con HIẾU, cải tà
nhạnh.
Nếu còn mê muội không thay
đổi.
Đường đời nghịch cảnh cứ vây
quanh!

Kính mong tất cả bạn đạo
hữu duyên cùng chúng tôi cố
gắng thực hành: tránh làm điều
sai, tìm làm điều đúng cho
những phần trên để tỏ lòng
HIẾU THẢO với MẸ CHA, chắc
chắn sẽ tạo thêm Phước mỗi
ngày. Nếu có nhiều người làm
được, chúng tôi xin đem công
đức này hồi hướng cho tất cả
pháp giới chúng sanh tương lai
đều trọn thành Phật đạo.



MẸ ƠI THÁNG BẢY LẠI VỀ

Thu sang tháng Bảy lại về
Lòng con luống những nẻo nề Mẹ ơi!
Hoa hồng cài áo người cười
Áo con hoa trắng lệ rơi bên đời
Tình Mẹ rộng lớn biển khơi
Nuôi con khôn lớn nửa lời chẳng than
Ơn sâu nghĩa nặng con mang
Mẹ đã khuất bóng đôi đàng biệt ly
Hư không chốn ấy Mẹ đi
Con giờ tóc trắng con chi tháng ngày
Nhớ Mẹ lệ nhỏ vui đây
Bây giờ mới hiểu là đây tuổi già
Hoàng hôn bóng xế chiều tà
Nắng chiều dần tắt sao mà nhớ thương
Ấu ơ!... Tiếng Mẹ con vương
Theo con ngày tháng gió sương cuộc đời.

VẪN CÒN

Mẹ mất nhưng mãi vẫn còn
Trong từng hơi thở của con thân này
Dòng lưu huyết quán tháng ngày
Cho con sự sống hình hài hôm nay
Bây giờ tuổi hạc mới hay
Nuôi con cơ cực tháng ngày trôi qua
Chừ con cũng đã lên bà
Thấy thương thấy nhớ Mẹ già còn đâu!
Trải qua bao nỗi bể dâu
Thăng trầm mấy độ nông sâu đã từng
Nhìn lên di ảnh rưng rưng
Buồng tim ai thắt muốn ngừng nhịp tim.

thơ GIÁC NHÃN TT

The Story of Theri Khema

Dhammapada, Verse 347

While residing at the Veluvana monastery, the Buddha uttered Verse (347) of this book, with reference to Queen Khema.

Queen Khema was the chief queen of King Bimbisara. She was very beautiful and also very proud.

The king wanted her to go to the Veluvana monastery and pay homage to the Buddha. But she had heard that the Buddha always talked disparagingly about beauty and she therefore tried to avoid seeing the Buddha.

The king understood her attitude towards the Buddha; he also knew how proud she was of her beauty. So the king ordered his minstrels to sing in praise of the Veluvana

monastery, about its pleasant and peaceful atmosphere, etc. Hearing them, Queen Khema became interested and decided to set out for the Veluvana monastery.

When Queen Khema arrived at the monastery, the Buddha was expounding the Dhamma to an audience. By his supernatural power, the Buddha made a very beautiful young lady appear, sitting not far from him, and fanning him. When Queen Khema came to the audience hall, she alone saw the beautiful young lady. Comparing the exquisite beauty of the young lady to that of her own, Khema realised that her beauty was much inferior to that of the young lady. As she looked again intently at the young lady her beauty began to fade gradually. In the end, she saw before her eyes an old decrepit being, which again changed into a corpse, her stinking body being attacked by maggots. At that instant, Queen Khema realized the impermanence and worthlessness of beauty.

The Buddha knowing the state of her mind remarked, "O Khema! Look carefully at this decaying body which is built around a skeleton of bones and is subject to disease and decay. Look carefully at the body which is thought of so highly by the foolish. Look at the worthlessness of the beauty of this young girl." After hearing this, Queen Khema attained Sotapatti Fruition.

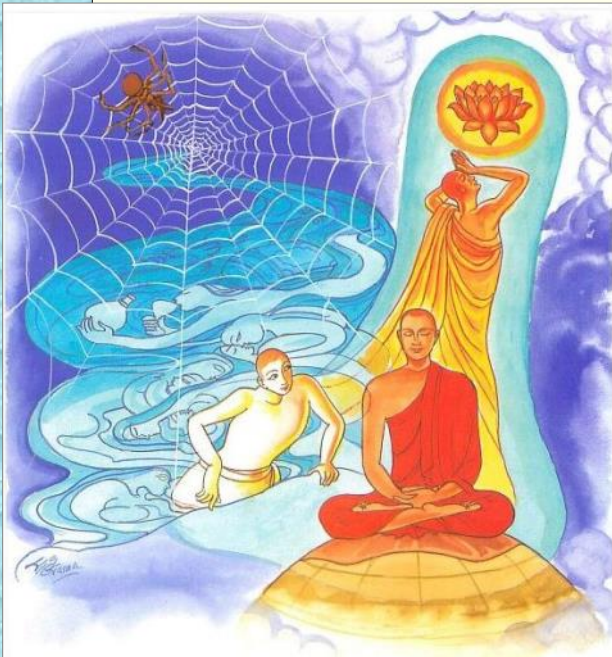
Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 347: Beings who are infatuated with lust, fall back into the Stream of Craving they have generated, just as a spider does in the web it has spun. The Wise, cutting off the bond of craving, walk on resolutely, leaving, all ills (dukkha) behind.

At the end of the discourse Queen Khema attained arahatship and was admitted to the Order and became the Chief Female Disciple of the Buddha.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**

Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.



The wise cast away all dukkha, severing their lustful ties like a spider caught in its own web.

347. *Yē rūgarattā'nupatanti sōtari
sayam katarā makkhako'va jālani
ētam'pi chetvāna rojanā dhirā
anapekkhinō sabbadukkhaṃ pahāya. (24:14)*

Ensnared in passion back they fall
as spider on a self-spun web.
This passion severed, wander the wise
forsaking dukkha all.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ TỔ CHỨC AN CƯ KIẾT HẠ TẠI TU VIỆN PHÁP VƯƠNG, ESCONDIDO, CALIFORNIA, TỪ 13.6 — 23.6.2022

Tin ảnh của Hoa Vô Ưu

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN



GIAO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
 TU VIỆN PHÁP VƯƠNG - ESCONDIDO, CALIFORNIA
TỊNH NGHIỆP ĐẠO TRĂNG AN CƯ KIẾT HẠ
 715 Vista Ave Escondido, CA 92026 | ĐT: (619) 278-9837

**LỄ TƯỞNG NIỆM
 BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC
 & HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ**

CHỦ NHẬT
 NGÀY 19 THÁNG 06 NĂM 2022
 9:30 SÁNG
 TẠI TU VIỆN PHÁP VƯƠNG

TRẦN TRỌNG KÍNH MỜI ĐẠI CHÚNG NHİN IT THỜI GIAN VỀ TU VIỆN PHÁP VƯƠNG THAM DỰ.



KHOÁ AN CƯ KIẾT HẠ PL. 2566
 TU VIỆN PHÁP VƯƠNG - ESCONDIDO, CA - USA

TRỞ VỀ MỤC LỤC

LUYỆN ÁI VÀ HẬN THÙ ĐỀU LÀ BÀI HỌC ĐỂ TU HÀNH

Tác giả **LÂM THANH HUYỀN**

Phạm Huê dịch

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Bồ Tát đã biết lợi dụng cảm quan để tu hành thì các chuyện luyện ái hận thù trong nhân gian không phải là không có ý nghĩa. Nếu có người cho rằng đều là không có ý nghĩa thì người ấy sẽ không thấy được cái có ý nghĩa hơn, ở đằng sau luyện ái và hận thù. Tu hành như vậy không phải là tu hành theo Đại thừa, cũng không phải là tu hành của nhân gian.

Các kinh Tiểu thừa bảo chúng ta rằng, phải đoạn trừ mọi lòng ái dục mới có thể được giải thoát; mới có thể ngộ được tự tánh; tu hành theo Đại thừa thì không như vậy. Về sự khác biệt giữa Đại thừa và Tiểu thừa, tôi xin đưa ra hai ví dụ dễ hiểu:

Ví dụ thứ nhất là trồng cây. Một người muốn trồng cây, sau khi trồng, anh ta ra sức làm cho cây trồng được lớn mạnh. Một người khác, khi bắt đầu trồng cây đã có ý định: Ta sẽ bắt cây này có hình thù một cái dùi đầu tròn. Sau khi cây lớn, anh ta bèn sửa sang cắt dọn để cây mang hình một cái dùi đầu tròn. Làm như vậy, anh ta không làm cho cây lớn tốt được. Còn người thứ nhất thì đầu tiên tập trung sức lại làm cho cây trồng được tốt, rồi sau mới lo cắt dọn. Đó là phương pháp của Đại thừa. Còn phương pháp của người thứ hai là phương pháp Tiểu thừa.

Tu hành ở nhân gian, điều quan trọng nhất là trồng cây của anh cho tốt. Trồng cây của anh cho tốt là thế nào? Nghĩa là làm cho anh có tâm từ bi rộng lớn, có trí tuệ rộng lớn. Sau đó mới sử dụng lòng từ bi và trí tuệ của anh, để xem xét luyện ái và hận thù. Xem xét như vậy sẽ thấy sự vật rất rõ ràng, minh bạch.

Ví dụ thứ hai là trồng hoa. Người Tiểu thừa trồng hoa, thì chỉ trồng một cây hoa. Nếu gần cây hoa đó có cỏ mọc thì lập tức nhổ cỏ đi. Chỉ canh cánh chăm sóc cho cây hoa mọc tốt là được. Còn người Đại thừa thì trồng rất nhiều hoa, vì có rất nhiều người cần tới hoa của anh ta, và anh ta cũng không ngừng gởi hoa đến những người khác. Vì phải chăm sóc nhiều cây hoa như vậy, và phải làm cho cây nào cũng lớn tốt, cho nên có lúc không chú ý được tới những cỏ dại, mọc lên giữa các cây hoa. Chờ khi các cây hoa lớn, nếu có một vài sợi cỏ cũng không thành vấn đề. Nhưng nếu chỉ trồng có một cây hoa mà thôi thì chỉ một ít cỏ



cũng thành vấn đề rất nghiêm trọng.

Hiểu như vậy rồi, sẽ có quan điểm rất tốt để xem xét vấn đề dục vọng của nhân gian. Tôi luôn luôn tin rằng, mọi sự vật ở thế gian này đều thuộc phạm vi tu hành của con người, mọi đối tượng chúng ta gặp trong nhân gian đều là đối tượng của từ bi, chứ từ bi không phải chỉ là mua cá hay chim để rồi thả gọi là phóng sanh. Anh gặp một người đau khổ trên đường, người ấy cũng là đối tượng từ bi của anh. Mỗi nhân duyên gặp gỡ đều là nhân duyên khai mở trí tuệ, ở bất cứ nơi nào hay lúc nào đều có thể tu tập Thiền định. Đối với người học Phật, sống một ngày là một ngày tu hành.

Rất nhiều Phật tử, mỗi ngày đêm đều lên khóa lễ sớm chiều nghiêm túc. Sáng dậy, lập tức đánh chuông đánh mõ tụng kinh. Tối đến cũng như vậy. Trong chùa Phật là người thành kính thanh tịnh, ra khỏi chùa thì lập tức biến thành người khác rồi. Tu hành như vậy là không triệt để. Trong chùa, ngoài chùa, và ở khắp mọi nơi, sự ứng xử của chúng ta phải không thay đổi.

Đối với người yêu, chúng ta hy vọng người yêu cũng như mình đều có được đời sống hạnh phúc. Nhưng nếu chẳng may, tình yêu không thành thì cả hai người đều rút ra được bài học trong thất bại, mở mang trí tuệ, đi theo con đường trí tuệ. Đó chính là khóa tu hành của chúng ta: là sự giác ngộ trong ái tình, và có lòng khoan dung đối với người mình thù hận, thậm chí còn cười với họ nữa.

Giữa những người cấp tháo nóng nảy, hãy chịu đựng và bình tĩnh.

Giữa những người hung bạo hãy ôn hòa.

Giữa những người có lòng tham, hãy sống khăng khai.

Giữa những người buồn khổ, hãy sống từ bi.

Giữa những người lòng tràn đầy căm hận, hãy sống với lòng không hận thù.

Tất cả những cái đó đều là công khóa tu hành.

Cho nên, luyện ái và hận thù đối với chúng ta cũng là công khóa tu hành.

(trích Tin Tức Từ Biển Tâm của Lâm Thanh Huyền - Phạm Huê dịch từ nguyên tác Hoa ngữ)

MƯA THÁNG BẢY

*Con mưa cuối cùng mang mùa hạ đi xa
Nghe nhớ nghe thương chút nỗi niềm quê xứ
Mưa tháng Bảy phập phồng bong bóng vỡ
Động hiên buồn một ánh mắt trăm tư*

*Gian bếp cũ những chiều mưa khói ướt
Nhỏ giọt mái tranh tàu lá chuối sau hè
Khản giọng gọi tình giàn đồng ca éch nhái
Đêm quên trắng đèn đom đóm lập lòe*

*Mưa tháng Bảy giấu ưu tư tóc mẹ
Một nắng hai sương thêm bạc mái đầu
Giọt giọt rơi như chất chiu thăm lặng
Tình mẹ dùm dành bao chìm nổi bể dâu*

*Bay mãi miết trong im lìm mây trắng
Mang mưa về tưới tắm giọt phù sa
Cánh đồng dòng sông miên man miên tâm tưởng
Dấu chân trâu động vũng nước quê nhà...*



VỀ LẠI CÁNH ĐỒNG

*Về lại cánh đồng chân trời lặn nắng
Cộng khói lãng đãng bay vờn
Con bù nhìn dang tay ôm gió
Xước hoàng hôn đôi giọt mưa chiều*

*Giọt giọt mồ hôi khảm xanh mùa vụ
Đắng đót mùa khoai sắn
Nứt nẻ chân cha tất tả ngày giáp hạt
Áo tôi giữa mặt nhìn trời*

*Những hoàng hôn tiếp nối hoàng hôn
Đường chân trời vời vợi
Mãi miết bầy thiên di vẽ đường bay trong
tâm tưởng
Biết đâu là nguồn cội
Mẹ ngồi khâu áo cha trên bậu cửa đầy nắng
Chiếc áo thâm kim và chum vá đụp
Nồng giọt nắng mưa*

*Về lại cánh đồng ngày lúa trĩu bông
Quyện bàn chân hương mùa vắn vít
Ưa vào tôi ban mai rạo rực
Nụ cười quê hương tỏa nắng ngọt lành*

NHỚ TRỜI QUÊ NGOẠI

*Hoàng hôn rơi giọt nắng tàn
Đàn chim xoải cánh đa mang cuối trời
Chút gì man mác tôi ơi...
Lục bình hoa tím chơi vơi giữa dòng*

*Nhớ trời quê ngoại buồn không
Gòn bay trắng lối hoài mong niềm gì
Những mùa tuổi dại thiên di
Hoa chanh hoa bưởi xuân thì trao ai*

*Hoen chiều sợi khói mờ cay
Còn đâu dáng ngoại những ngày bé thơ
Câu ca đi lạc vào mơ
Ngân rung tiềm thức vô bờ nhớ thương*

*Vết chiều đôi sợi nắng vương
Đôi bờ lau lách sao đường xa xôi
Nhớ trời quê ngoại lòng tôi
Vàng bông bí nở dưới trời mưa tuôn...*

...

thơ TỊNH BÌNH

Ấm trà phúc đức

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Tương truyền 500 năm về trước, tại huyện Mỹ Nùng có một vị tu hành đức hạnh tên là Chánh Thông pháp sư, nhân muốn lập một đại tùng lâm tại nơi này, đã đặt chân khắp nơi để tìm địa điểm mà vẫn chưa tìm thấy.

Có một đêm, pháp sư ra suối tắm, khi trở về qua khu rừng, dưới ánh trăng trong vắng, bỗng nghe có tiếng nhỏ nhỏ gọi:

“Lão Pháp sư! Lão Pháp sư!”

Người dừng bước, trông chung quanh không thấy một bóng ai cả, trong lòng lấy làm kỳ quái tưởng là mình nghe lầm nên cứ thản nhiên tiến về thảo am. Nhưng vừa đi được vài bước, lại nghe có tiếng gọi:

“Pháp sư! Lão Pháp sư!”

Chánh Thông pháp sư liền theo hướng tiếng gọi phát lên mà tìm đến coi thử thì thấy trong đám cỏ dại um tùm trước hoang viện, hiện ra một người giống hệt dáng hồ ly, chấp tay vái pháp sư.

Pháp sư hoan hỷ hỏi:

“Thế ra nhà người gọi ta?”

“Đạ đúng!” Người đó trả lời.

“Vậy người có chuyện gì muốn nói cùng ta?” Pháp sư hỏi.

Người đó chớp chớp đôi mắt nói:

“Có phải lão Pháp sư định tìm một địa điểm để xây dựng tu viện?”

“Làm sao người lại biết?”

“Đạ, con là người ở xứ này, có biết một chỗ rất thích hợp cho việc kiến trúc tu viện. Nếu Pháp sư bằng lòng con xin đưa Pháp sư đi coi.”

Pháp sư nở một nụ cười sung sướng:

“Nguyên lai như thế. Vậy địa điểm ở nơi nào, xin người đưa ta coi một phen!”

Thế là hai bóng đen, ngay trong đêm đó, một trước một sau, thoắt thoắt băng rừng lội về nẻo Châu Quán Lâm. Ở đây có một khu rừng rộng lớn, cây cối u nhàn, cảnh sắc tuyệt đẹp.

Chánh Thông pháp sư rất lấy làm mãn ý quyết định lập một ngôi Tùng Lâm tại chốn rừng này, lấy tên là Mậu Lâm Tự.

Sau khi thành lập ngôi chùa Mậu Lâm rồi, người khách chỉ đường ấy lại đến nói với Chánh Thông pháp sư:

“Con hy vọng được ở chốn này với Pháp sư để tu học Phật, vậy xin lão Pháp sư mở lòng từ bi thu làm đệ tử, phỏng có được không?”

Lẽ dĩ nhiên là Chánh Thông pháp sư gật đầu ưng ngay và đặt tên người đó là Thủ Hạc. Từ đó, Thủ Hạc ngày ngày quét chùa, lên hương, tụng kinh, thối cơm, sớm hôm chăm chỉ thật là tinh tiến.

Quang âm thấm thoát trôi mau. Chánh Thông pháp sư cũng viên tịch, kế đến vị Hoà Thượng thứ hai, thứ ba... vị nào cũng là bậc cao tăng đại đức kế tiếp trụ trì chùa này, tới vị thứ sáu lên Niết bàn thì Nguyệt Chu pháp sư thay thế là vị thứ bảy mà Thủ Hạc vẫn trường thọ và mạnh khỏe như xưa tưởng chừng sống mãi không chết. Thủ Hạc đối với bảy vị Hoà Thượng, thủy chung vẫn tỏ rất trung thực, thành kính một

lòng, không hề xao lãng một phút những việc quét tước chùa, lên hương, tụng kinh, thối lửa nấu ăn, nhất là đối với khách thập phương cùng dân làng chung quanh, Thủ Hạc thường hết lòng giúp đỡ những việc khốn khó.

Năm đó vào năm Phật lịch 2113 pháp sư Nguyệt Chu sửa soạn cử hành một đại quy mô pháp hội tại Mậu Lâm Tự, dự ước tín đồ thập phương lại nghe giảng có tới ba, bốn ngàn người, và lúc này tiết trời về tháng hạ, tất nhiên phải lo vấn đề về nước uống cho chu toàn. Pháp sư bèn đầu suy nghĩ chưa tìm đâu ra được chiếc ấm trà nào to, dung lượng có thể thỏa mãn nước uống cho bấy nhiêu người.

Thủ Hạc nhìn thấu tình hình ấy liền nói với Nguyệt Chu pháp sư:

“Thưa Pháp sư! Ấm đựng trà trong chùa chỉ có thể đủ 50 người uống thôi. Ngày mai có thể tới mấy ngàn người thì làm thế nào?”

“Đúng, đúng! Ngày mai nhất định có nhiều người mà ta chưa chuẩn bị được đủ số ấm đựng nước...” Pháp sư thở dài tiếp, “không biết tính sao đây?”



"Nếu vậy con xin đến xứ Giang Hộ, mượn một chiếc ấm trà thật lớn về đây, sư phụ tính sao?"

"Đến xứ Giang Hộ, cha chả! Đường xa mấy ngàn dặm, làm sao mà tới được trong một đêm? Và chẳng, dù có đi tới xứ Giang Hộ đi nữa, chắc gì đã mang được ấm trà về?"

"Xin pháp sư phóng tâm! Nhất định con mang về được. Bây giờ còn sớm con xin đi ngay, kéo muộn không kịp."

Thủ Hạc nói xong, mặc giầy cỏ vào chân, thoát một cái đã bước ra khỏi chùa. Còn pháp sư trong lòng vẫn vợ nghĩ, nếu Thủ Hạc có mượn được ấm cũng chẳng thể đem về kịp ngày mai...

Sớm hôm sau, Nguyệt Chu pháp sư còn đang tọa thiền trong phòng bỗng cánh cửa phòng hé mở, thấy Thủ Hạc đã chấp tay bạch:

"Bạch Pháp sư, con đã về."

Pháp sư trông qua song cửa ra ngoài liền thấy chiếc ấm to lớn để thủ lủ ngăn cả lối đi thì kinh ngạc chưa kịp hỏi, bỗng Thủ Hạc đã trở ấm trà cười bảo:

"Có chiếc ấm này rồi, tất không còn sợ nhiều khách hay ít khách nữa."

Nguyệt Chu pháp sư tấm tắc khen ngợi Thủ Hạc:

"Thật là chiếc ấm khổng lồ, to quá, to quá! Chắc vác về vất vả lắm đấy!"

Thủ Hạc đem ấm trà xuống phòng, đổ nước vào đun sôi thì lạ thay trong ấm bốc ra một hương thơm lạ lùng, ai uống vào cũng thấy nhẹ nhàng, dễ chịu, mà chẳng còn nóng nực chút nào. Nhân thế, người người xúm lại xin nước uống lấy uống để:

"Cho tôi một chén!"

"Tôi... tôi... một chén nữa!"

Thực ra, Thủ Hạc đem chiếc ấm trà này về chẳng khác gì đem về một ngọn suối, cứ việc đây chặt nắp lại là nước tuôn ra bất tuyệt, dùng bao nhiêu cũng không hết và uống xong là hết khát liền. Các người thấy lạ, thì cho là chuyện hết sức huyền bí liền hỏi Thủ Hạc:

"Thủ Hạc sư phó! Ấm trà này thật là kỳ diệu, tại sao lại được như thế, hử sư phó?"

Thủ Hạc nở nụ cười vui sướng nói với quần chúng:

"Ấm trà này gọi là Phúc Đức Hồ, trong có tám món công đức nên khi uống vào thấy:

1/ Không sanh bệnh.

2/ Thêm sức

3/ Không sợ sệt.

4/ Sanh trí tuệ.

5/ Có nhân duyên.

6/ Được người tôn kính.

7/ Trừ tai nạn; và sau hết,

8/ Được trường thọ. Nhân có công đức như vậy Phật tử nên uống nữa đi! Uống nhiều càng tốt."

Sau khi pháp hội viên mãn, chiếc ấm trà này trở nên một vật trân bảo của chùa Mậu Lâm.

Thủ Hạc với một tuổi thọ phi thường dài lâu, ông còn sống tới vị trụ trì thứ 10, là pháp sư Thiên Nam, mà thân thể vẫn tráng kiện như còn trẻ. Tất cả người trong vùng ai cũng tỏ vẻ cung kính ông. Nhất là bàn đến chiếc ấm Phúc Đức Lồ, tức ấm trà không ai là không ngót tán thưởng và nổi lên nghị luận xôn xao.

"Thủ Hạc sư phó chẳng phải là người tầm thường phổ thông như ai!"

"Đúng, đúng! Nếu không giỏi thì sao một mình mang nổi chiếc ấm to như thế?"

"Theo ý tôi, sống tới hơn 100 năm không chết mà còn mạnh khỏe như thế, tất nhiên là hồ ly..."

Tới năm Phật lịch thứ 2130, ngày 28 tháng 2, một buổi nọ trời xuân ấm áp, trăm hoa đua nở, con hoàng oanh trong bụi cất tiếng hót líu lo làm thức tỉnh cảnh u tĩnh của chùa Mậu Lâm. Thủ Hạc ngồi tắm ánh dương quang ở hành lang chùa, trong lòng cảm thấy khoan khoái êm đềm, bất giác ngủ đi lúc nào không biết. Vừa lúc đó, có một vị Sa di đi tới, bỗng hoàng nhiên trông thấy một chú cáo già đang ngon giấc, phất lên tiếng ngái khô khốc, thì thất kinh tán đảm kêu lên:

"Hồ ly! Hồ ly!..."

Thủ Hạc bị Sa di làm kinh động liền tỉnh dậy chưa kịp thu hình thì từ phía đã xúm lại đông nghịt cùng xia xói xi và:

"Bây giờ mới rơi mặt nạ nhé! Thì ra mi là một con hồ ly! Cứ tưởng mi lại đây nương nhờ Chánh Thông pháp sư giáo huấn tu hành học Phật để thoát cái nghiệp chướng súc sinh nào ngờ ngày nay hồ lại hoàn hồ!!! Thôi nhé! Từ nay trở đi biết đường biết néo thì cắt, nghe chưa!"



Tiếng lao xao vang đến tai Pháp sư trụ trì. Người liền ra tận nơi, Thủ Hạc thấy Pháp sư liền cung kính bạch:

"Bạch Pháp sư cùng chư đồng đạo! Đã từ lâu, tôi được ơn dày chiếu cố, thật cảm kích bội phần. Nay vì báo đáp từ ân đem lực thần thông ra diễn một đoạn việc xưa, vậy toàn thể hãy nhìn vào phía rừng rậm kia."

Mọi người nghe xong liền trông thẳng vào rừng, thấy hiện ra một cảnh giới trang nghiêm không đâu sánh kịp, trong đó có hình ảnh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trên núi Linh Thứu đang thuyết pháp, tại tọa có tới 1250 cao cấp đệ tử và mấy nghìn vạn Thiên Long Bát Bộ, ai cũng tâm niệm niệm nghe Phật thuyết pháp. Mọi người thấy thế đều kinh lạ phép Phật thì cùng thụp lạy.

Thủ Hạc đợi mọi người ngẩng đầu lên, liền cất tiếng từ biệt:

"Giờ đây, tôi xin từ biệt quý vị. Chiếc ấm trà Phúc Đức Lồ lưu lại chùa này để làm kỷ niệm, dám xin quý vị bảo vệ cho! Thôi, xin chào quý vị ở lại!"

Nói xong, Thủ Hạc lao thân như chớp vào rừng biển mắt.

PHẠM NGỌC KHU

"Tuy mang xác thân cầm thú mà tư tưởng đầy lòng từ bi, vị tha... Đó tức là người... Trái lại, hình hài là người mà tâm địa đầy dẫy lòng ích kỷ, tham lam độc ác, đã man vô nhân đạo, kẻ ấy đã là thú."

CHÂN TÂM TĨNH LẶNG

1▪ THIÊN NHIÊN VÔ TẬN

Mây lơ lửng giăng ngang thung lũng,
Trời xanh... xanh vô tận mênh mông,
Bao la đồi núi chập chùng,
Sương mờ... mờ... ảo bao quanh chân đồi.

Theo dốc đá lượn quanh vách núi,
Đường quanh co, cây lá đỏ nâu,
Chim rừng bay thoảng trên đầu,
Mây giăng đỉnh núi gió lay trên cành.

2▪ TÂM KHÔNG VỌNG TƯỞNG

Trên non cao lặng yên quan sát,
THẤY, BIẾT, NGHE cảnh vật chung quanh
TÂM không suy nghĩ quán quanh,
Không một vọng tưởng xen vào nội tâm.

3▪ HẠNH PHÚC TỪ ĐÂU?

Khi tâm ta bình yên phẳng lặng,
Là trong tâm hạnh phúc tràn đầy,
Lắng nghe tĩnh lặng quanh đây,
Như tiếng gió thoảng bay đầy không gian.

TÂM luôn thấy an nhiên tự tại,
TÂM rộng rang thanh tịnh vô vi...
TÂM không dính mắc điều gì,
Đó là hạnh phúc diệu kỳ trong tâm.

4▪ VỌNG TƯỞNG CHEN VÀO

Chân tâm đang an nhiên tĩnh lặng,
Bỗng lan man vọng tưởng chen vào!
Suy tưởng nối tiếp theo sau,
Chánh niệm chợt mất, lạc vào hư không.

5▪ CHÁNH NIỆM ĐÁNH MẤT?

Tại sao để mất đi chánh niệm?
Vì trong tâm vọng tưởng quá nhiều,
Thất tình, lục dục, luôn theo...
Ít nhiều cũng vương lụy vào nội tâm.

6▪ GIÓ VÀO NHÀ TRỐNG

Vọng tưởng ví như cơn gió lạnh,
Gió đông đưa cây lá trên cành,
Gió vào nhà trống thật nhanh
Dem theo bụi bẩn rơi quanh trong nhà!

Khi tâm ta như nhà bỏ ngõ
Vọng tưởng như cơn gió lùa vào,
Buồn vui, suy tưởng vương theo,
An nhiên tự tại mất vào hư không!

7▪ GIỮ TÂM CHÁNH NIỆM

Làm sao giữ TÂM trong CHÁNH NIỆM?
Tâm phải luôn chân chánh thiện lành,
Sáu căn không vương sáu trần,
Chánh niệm mãi ở ngay trong tâm mình.

8▪ CHÂN TÂM BẤT DIỆT.

Chân Tâm thì vô hình vô tướng,
Là Phật Tâm, Tánh Biết, Chân Như,
Chân Tâm bất diệt bất sanh
Thường hằng sáng suốt...
Trong TÂM mọi người.



HOÀNG THỤC UYÊN

Arizona

Ngõ thoát

(tức Phương Trời Cao Rộng 3)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

(tiếp theo)

Mộng Huyền nằm, thấy tôi cứ ngồi yên, bèn nói:

“Sao anh không nằm, đằng nào cũng ở đây không đi nữa mà.”

“Mộng Huyền ngủ một chút cho khoẻ đi, anh phải ngồi thức để canh giờ mà về.”

“Chỗ này đâu có đường đi.”

“Có một con đường phía bên phải của mình, cách đây khoảng bốn năm trăm thước. Khuya nay chừng ba giờ mình sẽ men theo con đường đó mà ra quốc lộ.”

“Sao anh biết có con đường?”

“Vì có cái nhà ngói nằm một mình trong đồng ruộng này, tất nhiên người trong nhà ấy phải tự trở đường mà ra chứ. Mà đường cho xe chở lúa, chở phân, chở rơm thì tương đối rộng chứ không nhỏ đâu. Có điều, nếu chỉ có duy nhất một căn nhà ngói sử dụng con đường đó thì mình đi rất nguy hiểm, dễ bị chặn hỏi.”

“Vậy sao đây?”

“Cứ yên tâm ngủ đi. Rồi mình cũng thoát mà.”

“Anh phải nói ra cái gì cho chắc ăn thì em mới yên tâm được chứ.”

“Thì mình đi sớm, ra khỏi con đường riêng của căn nhà ngói, đến con đường chung của khu xóm trở ra quốc lộ thì đâu ai biết mình thuộc nhà nào nữa. Tóm lại mình sẽ rời chỗ này khoảng

ba giờ sáng, lúc người ta ngủ say, còn công an cũng mỗi một cá rôi.”

“Bây giờ mới gần chín giờ. Anh cũng nằm xuống ngủ một lúc đi.”

“Lỡ hai đứa ngủ quên hết thì phiền lắm. Mộng Huyền cứ ngủ, để anh canh chừng cho. Ngày mai ngủ bù cũng được mà.”

“Thôi, em không chịu đâu. Anh thức thì em cũng thức. Hay là anh nằm xuống đi, hai đứa nói chuyện, khỏi ngủ. Một chập thì đến giờ về chứ gì đâu.”

Tôi đành nằm xuống theo đề nghị của nàng. Chúng tôi nằm nhìn trời đêm kéo xuống càng lúc như càng thấp hơn. Muối khá nhiều, tôi phải dùng cái mũ cát-kết để xoa. Chúng tôi nói chuyện xì xào bằng hơi gió. Nàng hỏi về đời tư của tôi. Tôi chỉ ậm ừ trả lời cho qua. Tôi thất nghiệp. Tôi chỉ ở nhà đọc sách, đọc truyện. Tôi lang thang sống với bạn bè. Nàng cũng nói tôi nghe khá nhiều về tâm tình và sở thích của nàng. Nàng hai mươi bốn tuổi, nhỏ hơn tôi hai tuổi. Nàng chỉ học xong trung học dưới chế độ xã hội chủ nghĩa rồi nghỉ vì thuộc thành phần có cha là sĩ quan chế độ cũ phải đi học tập cải tạo. Nàng có người anh ruột rời nước từ năm 1975, đang ở Mỹ. Chỉ còn hai mẹ con sống trong một căn nhà rộng. Mẹ nàng mượn giáo sư về dạy kèm Anh ngữ cho nàng để chờ ngày

qua Mỹ. Nàng cũng được mẹ thuê giáo sư đến nhà dạy dương cầm. Nàng thích đọc truyện. Thường ra các quầy sách ở gần đường Ký Con, quận Nhứt Sài-gòn, để mua sách cũ về đọc. Không rõ tôi có bắt gặp nàng lúc nào đó trên con đường đầy những quầy sách ấy không. Nàng chưa có người yêu nhưng cũng có vài người bạn trai, không thân lắm. Nàng không thích chàng nào. Một chàng hay nói dóc. Một chàng thích giảng đạo và thường khích lệ nàng rửa tội, bỏ đạo Phật, theo một đạo khác. Một chàng thích ăn chơi và thường hãnh diện chuyện ăn mặc đẹp nhưng bên trong thì rỗng tuếch. Rồi tôi kiếm chuyện để kể nàng nghe. Những chuyện mà tôi chỉ mới viết trong đầu chứ chưa hề viết ra trên giấy cho ai đọc. Nàng hỏi, truyện của ai mà buồn quá, thảm quá. Tôi phịa tên một tác giả quen. Rồi kể tiếp chuyện khác. Nàng nói nàng sẽ không ngủ, nhưng rồi nàng cũng ngủ. Tôi hỏi nhỏ mấy lần, còn thức không vậy. Nàng không trả lời. Tôi nắm thức một mình, quạt muỗi cho nàng. Trời càng về khuya, màn đêm như được kéo dần lên trong khi sương lạnh thì chùng xuống từ từ. Nàng xoay người qua phía tôi, mở mắt nhìn tôi một thoáng, kéo tay tôi lên, tựa đầu, rồi đưa tay choàng ôm ngang ngực tôi. Tôi chẳng rõ là nàng ôm tôi trong giấc mơ hay nàng vừa mới

thức. Hơi thở nàng hơi dồn dập lúc choàng tay ôm tôi, nhưng rồi cũng điều hòa trở lại. Thở rất nhẹ. Mùi sữa. Giống như mùi con nít. Tay và vai nàng rung lên từng cơn. Biết nàng lạnh, tôi xoay qua trong một phản ứng tự nhiên, ôm lấy lưng nàng. Quả tình lúc ấy tôi chỉ thấy thương nàng như thương một đứa em gái nhỏ, nếu không nói là một chúng sinh bé nhỏ đang cần nương tựa. Chính cái nhu cầu cần được che chở của nàng đã đánh bật đi bản năng khát dục của tôi, khiến tôi ứng xử như một chàng quân tử, một người anh lớn, hay như một gã đàn ông sung sướng được cơ hội bảo vệ phái yếu. Một thứ giá trị tinh thần cao kỳ nào đó trong tôi ngẫu nhiên đứng dậy, chiếm lĩnh cái vũ đài tâm tôi, và bởi nó được huấn luyện từ lâu như một thứ khí giới, hay một thứ áo giáp hữu hiệu, nó thừa năng lực để qui phục các thứ bản năng thấp hèn khác vốn quen nếp trong sự kềm chế.

Mặt chúng tôi kề sát nhau. Tôi nín thở. Nàng thở đều. Hơi thở nhẹ, thơm, vu vơ như cơn gió đi lạc. Và trong cái vẻ hoang sơ của bìa rừng với ngàn sao như sa xuống cùng sương lạnh, tôi nghe chừng đây không phải là lần đầu tiên tôi nằm với một thiếu nữ, một sinh vật khác giống, một cách gần gũi tự nhiên như vậy. Hình như từ một triệu năm trước, hay trăm ngàn năm, hay mười ngàn năm, hoặc chỉ mới đầu chừng một ngàn năm trước đây thôi, rõ ràng là tôi đã

từng trải qua những đêm nằm lẫn kên một cách vô tư giữa màn trời chiếu đất như đêm nay. Có cái gì đó rất quen thuộc trong cảnh nằm nghiêng, nhìn sau lưng một người phụ nữ, thấy bờ cò vươn lên, còn mây mù và sao đêm thì kéo thấp xuống dưới chân trời.

Tôi thích thú thả hồn lơ đãng đi tìm cái cảm giác quen thuộc bị bỏ rơi trong quá khứ xa xăm nào đó, bỗng nghe tiếng bước chân từ đâu hướng về phía chúng tôi. Tai áp sát dưới đất, tôi nghe rất rõ. Tiếng chân có vẻ cẩn trọng, dè dặt như rình rập hoặc không muốn phiền đến ai vào giấc khuya; nhưng tôi đoán kẻ ấy cũng phải to lớn lắm mới có những bước chân nặng thịch như vậy. Tôi khẽ rút tay ra khỏi đầu Mộng Huyền, gỡ nhẹ cánh tay nàng ra. Nàng ú ớ nói một vài tiếng. Lạnh quá. Đừng bỏ em nghe. Tôi nằm im một lúc chờ nàng thở đều rồi mới rón rén ngồi dậy, nhìn quanh, nghe ngóng. Kẻ kia hình như ngừng bước khi thấy tôi ngồi dậy. Tôi không nghe tiếng gì nữa. Nhưng ở cạnh gốc mít cách chỗ chúng tôi chừng năm mươi thước, rõ ràng là có một bóng trắng đang đứng. Vóc người to lớn vạm vỡ. Tôi đứng dậy nhìn. Bóng kia từ từ bước về hướng chúng tôi. Lúc ấy tôi chỉ sợ công an chứ không sợ ma. Tôi biết có kêu Mộng Huyền dậy cũng chẳng chạy đi đâu cho kịp, đành đứng yên, chờ đợi. Hình như là một ông già, đầu quấn cái khăn rằn.

Mặc áo bà ba trắng, quần dài đen. Nách ông kẹp một thứ gì như một cây gậy hoặc một cây súng. Ông tiến tới gần hơn. Không phải súng hay gậy mà là một cái rựa. Tôi tiến tới vài bước gần ông ấy, lên tiếng, không lớn lắm:

"Chào bác. Tụi cháu đi lạc, ngủ tạm ở đây chờ trời sáng rồi ra quốc lộ đón xe..."

Ông già chống cái rựa xuống đất, nhìn tôi rồi nhìn dáng Mộng Huyền đang nằm ngủ, hỏi:

"Đi hai vợ chồng à?"

"Dạ, hai người." Tôi định nói thêm: nếu cần gì bác cứ nói, cháu ở lại đây với bác để thương lượng sau, miễn bác thả cho cô ấy về là được rồi... Nhưng tôi chưa kịp nói gì đã thấy Mộng Huyền trở tới, níu lấy cánh tay tôi:

"Giì vậy anh?"

Tôi quay qua nàng:

"Không sao đâu, có bác này ở trong xóm... để coi bác tính sao..."

Ông lão bật cười lên một tiếng:

"Tính gì mà tính. Theo bác vô nhà mau chứ nằm đây không được đâu."

Mộng Huyền níu tay tôi, ngón tay nàng bấm nhẹ trên tay tôi tỏ ý nên cẩn thận. Tôi nhìn dáng ông già bước đi trước, tự đứng thấy yên tâm. Tôi nói nhỏ với nàng:

"Đi theo bác ấy, không sao đâu. Bác ấy cứu mình đó."

Mộng Huyền vẫn từ từ chưa muốn bước. Ông già quay lại:

"Sợ hả? Ở ngoài này còn nguy hiểm hơn gấp trăm lần. Vượt biên không được thì vào nhà mà trốn chứ nằm ngoài sương như vậy suốt đêm sao! Mấy đứa bây may phước mới gặp tao. Không theo thì trước sau cũng vô tù nghe các con."

Tôi kéo tay Mộng Huyền. Nàng ngoan ngoãn bước theo. Ông già dẫn chúng tôi đi bằng vườn mít, qua một bờ ruộng nhỏ rồi đến một con đường đất khá rộng có trồng bạch đàn thẳng tắp ở hai bên. Con đường dẫn vào căn nhà ngói có tường quét vôi trắng. Ngôi nhà mà chúng tôi nhìn thấy trước đây từ xa. Tôi đưa tay nhìn đồng hồ dưới ánh sao đêm nhấp nháy. Gần mười hai giờ khuya.

Từ xa, chúng tôi có thể nhìn thấy căn nhà ngói với hai cửa sổ hắt ra thứ ánh sáng vàng vọt của một cây đèn dầu loại lớn.



Cửa chính của căn nhà hình như cũng chỉ khép hờ nên ánh sáng bên trong túa ra một vệt thẳng đứng. Có lẽ có người còn thức bên trong căn nhà ấy. Mộng Huyền vẫn hai tay níu lấy cánh tay tôi. Tôi có thể nghe được những cơn rung lạnh hay hãi sợ từ cơ thể nàng chuyển trực tiếp vào cánh tay tôi qua phần ngực bên trái của nàng. Phần ngực ấy đang ra là nóng rang, lại rung mình trong một tiết điệu khó hiểu nào đó để rồi chính nó đã run rẩy mà còn khiến tôi cũng lạnh run theo. Tôi thở dồn dập.

Ông già bước gần đến cửa chính thì cất tiếng, chắc là để báo hiệu cho người bên trong khỏi giật mình khi ông đẩy cửa bước vào:

"Cũng khuya rồi há, sương lạnh quá."

Một bà già thấp người từ trong bước ra, đón ông và chúng tôi. Ông khoát tay làm một cử chỉ như là muốn giao chúng tôi cho bà vợ, rồi ông rút vào trong lối đi có phủ tấm sáo vẽ hình ngôi chùa Một cột. Ông ho húng hắng ở trong đó. Bà già có vẻ như chẳng ngạc nhiên gì về sự có mặt của chúng tôi cả. Bà nắm tay Mộng Huyền kéo vào, vừa đóng cửa vừa nói:

"Chu cha, tội nghiệp chưa. Vô maut kéo lạnh, con. Tao biết mà, mỗi lần có tiếng sấm nổ là thế nào cũng có mấy cổ mấy cậu chạy lung tung ở ngoài. Không biết ngộ thì cuối cùng cũng bị tui nó bắt. Ông đi vòng vòng để rước mấy đứa bây về đó. Nè, ăn gì chưa con, đói bụng không, để bác nấu cho ăn?"

"Dạ không đói đâu bác," tôi đáp.

"Không, cái vụ này thì phải nói thiệt à nghe, đói thì ăn, không đói thì thôi, đi ngủ. Phải thiệt tình mới được. Không đói há? Thôi vậy thì đi ngủ há. Sáng sớm ông đưa ra ngoài mà về. Yên tâm đi. Ông cũng giúp nhiều người rồi chứ không phải chỉ hai vợ chồng bây thôi đâu," bà nhỏ giọng xuống, "ông tốt lắm, thấy cái bộ vớ thì dữ dằn nhưng chưa có hại ai bao giờ. À, này con gái của má có muốn đi tiểu đi tiểu, rửa chân rửa cẳng gì để má dắt con đi. Con nữa, muốn đi không, à, hay con ngồi đây nhưng chấp đi. Để bác dẫn bà xã con đi chút rồi trở lại liền."

Nói rồi, bà ấy kéo Mộng Huyền tính dẫn ra nhà sau. Mộng Huyền hơi níu lại, nhìn tôi



như hỏi ý. Tôi tự nghĩ thật nhanh, sao lại hỏi ý trong cái trường hợp riêng tư này nhỉ hay là nàng sợ nên muốn có tôi đi theo, đứng canh chừng giùm nàng, yên tâm hơn là đi theo một người lạ. Tôi định đi theo nàng nhưng nghĩ lại, thấy không cần. Tôi tin tưởng hai ông bà ở đây. Tôi gật đầu thật nhanh để khích lệ nàng cứ yên tâm mà đi theo bác gái. Lúc ấy nàng mới chịu đi. Làm như tôi là ông cố vấn rất giỏi trong mọi trường hợp vậy!

Còn lại một mình nơi bàn khách, tôi bật cười với ý nghĩ rằng tôi và Mộng Huyền mới khi chiều đóng kịch làm tình nhân mà bây giờ đã thành vợ chồng. Nhanh quá! Một nỗi vui thú rất bản năng dấy lên trong lòng tôi một lúc. Lạy Phật, xin giúp con thêm bình tâm và yên tĩnh. Yên cả chuyện ách nạn bên ngoài và yên cả chuyện sóng gió bên trong.

Tôi ngồi ngó vu vơ. Nhà chia làm ba gian, gian giữa thờ tổ tiên. Hai bên bàn thờ là hai lối đi xuống nhà sau. Cạnh mỗi lối đi là một căn phòng, tôi đoán vậy. Trên vách tường bàn khách, một cái khung kiếng lớn đặt nhiều ảnh nhỏ của gia đình. Hai khung kiếng khác nhỏ hơn là hình cổ dâu và chú rể trẻ, có lẽ là con của ông bà chủ nhà. Và riêng biệt ở một vách khác phía phải của bàn thờ, một cái bằng tường lục gì đó. Chắc là bằng liệt sĩ hay giấy khen thưởng của nhà nước. Tôi rời bàn, đến nhìn, chưa kịp đọc đã thấy bác gái và Mộng Huyền bước lên. Bác gái nói với tôi:

"À, cái này là bằng ghi công của ông. Hồi đó ông đi theo cách mạng, sau giải phóng ông về hưu, được cái giấy này để treo. Xi, ban đầu cũng ham lắm, nhưng bây giờ thì hết rồi. Treo thì treo để chúng khỏi bắt nạt mình thôi chứ có đáng giá gì! Nè, con có muốn đi ngoài không, để nó đưa con đi há, nó biết đường rồi. Đi đi con, tự nhiên. Để bác lo mừng mận cho hai con. Có cái giường của con Thu ở phòng bên, nó theo chồng nên để trống, bác tháo mùng cất rồi, để bác lấy ra treo cho hai con."

Mộng Huyền kéo hai tay tôi xuống nhà sau. Có một cái đèn dầu nhỏ đặt ở cạnh bếp. Ngọn đèn chiếu lờ mờ một cánh cửa trở ra vườn sau. Mộng Huyền đẩy cánh cửa, chỉ cho tôi thấy một nhà cầu cũng được xây bằng hoàng bằng gạch, quét vôi trắng, nằm biệt lập ở phía bên trái, sát mé ruộng. Nàng định bước theo, tôi nói:

"Mộng Huyền lên nhà trên với bác gái đi, không cần chờ ở đây đâu."

Nàng ngập ngừng một lúc rồi quay lên. Tôi bước ra ngoài, thấy sao trời sa xuống thật gần. Tôi vươn vai, phui áo quần một lúc. Sau khi làm vệ sinh, rửa ráy, tôi trở vào, đóng chặt cửa sau lại. Có tiếng ho của bác trai ở căn phòng phía phải bàn thờ. Bác gái và Mộng Huyền đã treo xong mùng. Hai người ngồi nơi cạnh giường, trò chuyện. Thấy tôi trở lên, bác gái đứng dậy nói:

"Thôi, cũng khuya rồi, hai vợ chồng con đi ngủ để sáng còn dậy sớm mà theo ông đi ra. Đừng có suy nghĩ gì hết á. Cứ

ngủ ngon rồi bác kêu dậy.”

Mộng Huyền leo lên giường, chui vào phía trong. Tôi còn trù trù đứng ở ngoài thì bác gái thúc giục:

“Lên giường nhét mùng lại đi, để bác thổi đèn rồi chẳng thấy đường bây giờ.”

Tôi không kịp suy nghĩ gì nữa, vén mùng chui vào. Vừa nhét xong cửa mùng xuống dưới chiếu đã thấy đèn vụt tắt. Tôi thui. Tiếng dép của bác gái sè sè rút đi, nhỏ dần rồi mất hút vào căn phòng bên phải của bàn thờ. Tôi ngồi im một lúc để mắt quen với bóng tối. Có một ngọn đèn nào đó rất nhỏ, tỏa một thứ ánh sáng mờ mờ huyền ảo từ bàn thờ ở gian giữa phản chiếu vào giường chúng tôi. Mộng Huyền nhìn tôi, nói thì thảo bằng giọng hơi:

“Ngủ đi chàng. Thiếp cũng mệt lắm rồi,” rồi nàng cười khúc khích.

Tôi ái ngại nằm xuống, nhưng cũng nghe một nỗi rạo rực bưng khắp toàn thân. Kỳ lạ! Khi này nằm bên nhau ngoài rừng đã sao đâu, bây giờ vào đây giường chõng chần mần đang hoang, lại thấy như có cái gì chướng chướng. Có lẽ vì cả bác trai và bác gái cứ đinh ninh và nhắc hoài hai chữ *vợ chồng* khiến cho cái tự nhiên của tôi bị đánh mất. Hai chữ *tình nhân* đối với tôi còn có thể dễ dàng chấp nhận, chứ hai chữ *vợ chồng* thì có cái vẻ gì không khiêu và nặng nề lắm: nó không những chỉ mô tả sự yêu đương của một đôi trai gái (như chữ *tình nhân*) mà còn xác định một hình ảnh khắng khít, gần bó, quấn quýt, ràng buộc, cột trói, đeo chặt... một cách thực tế và dung tục của đôi trai gái khi họ chấp nhận buông bỏ tất cả tính thơ mộng lãng mạn ban đầu để xây dựng một tổ ấm, trong đó, mỗi cá nhân không còn là cá nhân, mọi riêng tư đều biến thành của chung, và lấy chính cái hệ lụy không khiêu đó làm niềm hạnh phúc bền lâu cho đời mình. Nói trắng ra, hai chữ *vợ chồng* ấy gọi trong óc tôi một thứ dục tính nhầy nhụa nhưng đầy sức quyến rũ. Lạy các vị Phật và Bồ tát khắp mười phương thế giới, xin đừng thử thách con, con yếu lòng lắm, các ngài thừa biết chuyện đó rồi, đâu cần phải trải nghiệm gì nữa!

Tôi muốn là tu sĩ tốt. Tôi muốn là người con trai đang

hoang. Cả hai con người đó đều phải nghiêm túc, đứng đắn, không thể làm bất cứ điều gì để nàng nghĩ rằng mình thiếu tư cách được.

“Sao anh không nói gì hết vậy? Anh không thích em giống như vậy hả?” nàng thì thảo hỏi.

“Đâu có sao. Giống vui chứ có sao đâu. À, phía trong có cái gối dài phải không? Có cần...”

“Anh tính đặt cái gối này ở giữa để làm hàng rào ngăn đó hả? Ngăn em hay ngăn anh vậy?” nàng hỏi rồi lại cười khúc khích, “anh cần thận quá sức. Chứ không phải hồi này hai đứa mình nằm chung trên cỏ ở ngoài rừng sao?”

“Lúc này khác, bây giờ thì... chỉ sợ là Mộng Huyền thấy ngại thôi.”

“Em không thấy ngại gì hết. Em tin tưởng anh mà. Anh kể chuyện gì cho vui đi, rồi mình ngủ. À, anh nghĩ coi, sao hai bác cứ đinh ninh mình là vợ chồng mà chẳng hỏi lại thử xem có đúng không. Bộ em giống vợ anh lắm sao?”

“Chắc tại hai bác thấy mình... Thôi, thắc mắc làm gì, ngủ cho rồi.”

“Anh muốn ngủ chứ không muốn nằm nói chuyện hả? Hồi này ngoài rừng, hình như chỉ có mình em ngủ thôi, còn anh thức, phải không? Ở ngoài đó lạnh quá. Lần đầu tiên em ngủ ngoài trời đó. Mà cũng là lần đầu tiên... em nằm trên tay một người con trai. Đã vậy còn vào đây nằm chung nữa... Anh với em hình như có cái duyên gì lạ lắm. Anh có nghĩ vậy không? Không hả, anh buồn ngủ hả? À, khi này ngoài kia, anh nói mình sẽ bình an, sẽ thoát. Sao anh đoán hay quá vậy! Bộ anh là thầy bói hả? Hi hi. Mà anh ơi, lúc vào đây, thấy hai bác đối xử tốt, tự nhiên em có ý nghĩ rằng: chắc là có ông thầy mà mẹ em nói, đi chung trong chuyện này. Dù ông ở nhóm khác nhưng cũng chung chuyện, cho nên bọn mình mới may mắn gặp hai bác tốt như vậy. Anh nghĩ đúng không?”

Tôi không đáp. Giả vờ nhắm mắt. Niệm Phật. Nam mô Phật... Thấy tôi im, nàng tôn trọng, không nói nữa, nàng khẽ ngồi dậy kéo tấm chăn mỏng lên, đắp ngang ngực tôi, sửa lại cho ngay rồi nằm xuống. Chúng tôi đắp chung cái chăn. Chúng tôi đắp chung chiếu. Tôi thầm

nghĩ. Sao giống vợ chồng quá. Mô Phật! Tôi nằm ngửa. Nàng nằm nghiêng, day mặt qua phía tôi. Tôi đoán là nàng đang nhìn tôi. Chập lều, một cánh tay nàng như rút xuống, tựa vào vai tôi, rồi nằm yên ở đó. Người tôi nóng ran. Nam mô Phật. Nam mô Phật...

Lạy Phật, do nhân duyên kỳ diệu nào mà ngài từ bỏ vợ đẹp con ngoan để xuất gia tầm đạo, chứng đắc đạo quả vô thượng; và do nhân duyên trớ trêu nào mà con phải nằm đây, bên cạnh một thiếu nữ yêu kiều! Phải chăng không có những hoàn cảnh như vậy thì chí nguyện xuất trần sẽ không kiên cường hơn sao? Ôi, đầy đọa chỉ tôi, thẳng con trai đa cảm này!

*

Khi bác gái đến cạnh giường tăng hăng mấy tiếng, tôi thức giấc và giật mình thấy rằng tôi và Mộng Huyền ôm chặt lấy nhau, đầu nàng rúc vào ngực tôi. Có lẽ chúng tôi đã ôm nhau thật chặt để đi hết cơn mộng ngắn ngủi phù du ấy, vì cái nghiệp thức mê muội mà linh giáo của chúng tôi tự biết rằng khi bừng tỉnh, chúng tôi sẽ chia tay nhau, không còn là *vợ chồng* nữa. Mộng Huyền cũng thức dậy, cười chào tôi buổi sáng đầu ngày bằng một nụ cười nửa bên lên nửa thích thú. Ngồi dậy, nhìn đồng hồ thấy đã bốn giờ, tôi nói:

“Tụi con thức rồi, bác ạ.”

“Ừ, dậy rửa ráy sơ, ăn mấy củ khoai rồi ông đưa hai đứa bây ra ngoài đường.”

Mười lăm phút sau, chúng tôi cùng ngồi ăn khoai mì với hai bác ở bàn ăn gần bếp. Ăn xong, tôi lễ phép thưa:

“Tụi con chẳng biết nói sao để cảm ơn hai bác...”

Bác gái xoa tay:

“Thôi, đừng có nói chuyện ơn nghĩa gì ở đây, hai bác không thích đâu. Giúp gì được cho ai thì giúp, hai bác đều nghĩ vậy. Bây giờ không sống được với tụi nó thì bây giờ tìm đường đi. Ông còn nói là chính ông rước tụi nó vô đây để làm khổ dân, bây giờ ông giúp cho bây đi để chuộc lại cái lỗi của ông đó!”

Tôi thực cảm động khi nghe bác ấy nói vậy. Và tôi càng tin tưởng mạnh thêm rằng chế độ này sẽ không tồn tại lâu dài, vì chính những người từng ủng hộ họ cũng quay lưng lại với họ rồi.

Cả bốn người, hai già hai trẻ, ngồi bên nhau chẳng biết nói gì trong một lúc.

Bỗng dưng, trong một thoáng duyên mơ hồ nào đó, tôi thấy âm lòng như thể hai ông bà là chứng nhân cho cuộc hôn phối tạm bợ của tôi và Mộng Huyền. Rõ ràng là ở cái giây phút im lặng đó, trước mặt hai vợ chồng già chất phác, tôi thấy có cái gì rất gần gũi giữa tôi và nàng, như thể tôi và nàng là vợ chồng với nhau thực sự. Có thể trong một tiền kiếp nào đó, tôi mắc nợ nàng, hoặc có hứa hẹn gì đó với nàng, nhưng kiếp này vì tôi quyết chí đi tu, tôi không trả nợ được, nàng không đòi nợ được, đành phải làm vợ chồng với nhau trong vài giờ đồng hồ để xoá ân tình cũ... Tôi đang trầm ngâm suy nghĩ về điều đó, bỗng bác trai lên tiếng:

"Chút nữa ra sau, hai đứa bây leo lên xe bò nghe. Kệ nó, nằm tạm trên xe một hồi còn hơn nằm tù một gông. Bác đã dọn bớt đồ trên xe, lót sẵn ít rơm trên đó rồi. Bây nằm xuống, bác phủ rơm lên trên sơ sơ, phủ có lệ thôi. Rồi bác đánh xe ra ngoài lộ, băng qua phía bên kia đường để thuận chiều đón xe về, bây ở Sài-gòn mà, phải không? Ừ, ngộ là biết ngay mà. Bác sẽ tìm chỗ nào khuất để bây xuống xe, rồi tìm cách ra quốc lộ. À, bây đi chùa hay đi nhà thờ? Chùa hả.

Ngoài đó có ngôi chùa. Vậy bác cho bây xuống ở phía chùa đi ra, đứng ngay trước cổng chùa mà đón xe. Bác biết tụi nó còn ở ngoài nhiều lắm. Bây đi lạng quạng là tụi nó bắt liền. Xe bỏ của bác tụi nó chẳng dám đụng tới đâu. Bác cũng dân cách mạng mà. Vậy nha, đón xe về mà lo chuyển khác. Đi đứng cho cẩn thận, đừng để người ta gạt mà khổ."

Chúng tôi dạ cảm ơn rồi đứng dậy. Bác trai bước ra vườn sau. Bác gái giữ chúng tôi lại, nói chờ một chút, khi nào bác trai ngoắc thì mới ra. Tôi nhìn ra cửa sổ thấy trời chưa hẳn sáng. Nhìn đồng hồ. Gần năm giờ. Và tôi chợt nảy ý gởi tặng hai bác cái đồng hồ đeo tay của tôi. Tôi cởi đồng hồ ra thật nhanh, dúi vào tay bác gái:

"Cái đồng hồ này con gởi tặng bác trai hay anh gì con rể của bác để làm quà. Bác nhận dùm con đi nha, tụi con cảm ơn hai bác thật nhiều."

Mộng Huyền thấy vậy cũng cởi nhanh chiếc đồng hồ đeo tay nhỏ xíu của nàng ra, dúi vào tay bác gái:

"Con cũng gởi chị Thu cái này, con có cái khác ở nhà. Bác nhận cho tụi con vui, nghe bác."

Bác gái xua tay nâng nặc từ chối nhưng cũng vừa khi ấy,

bác trai đưa tay ngoắc, chúng tôi lợi dụng cơ hội đó bước nhanh ra khỏi nhà. Vừa đến chỗ xe bò, chúng tôi đã bị bác trai thúc giục lên xe, chưa kịp nói thêm điều gì với bác. Thùng xe chiều ngang đầu chừng một thước rưỡi, còn chiều dài thì cỡ một thước tám, dư sức cho tôi duỗi chân. Thùng xe đóng khá cao, nếu chúng tôi có ngồi thì người ngoài cũng khó mà thấy được; nhưng bác trai bảo nằm thì chắc ăn hơn, vì nếu ngồi, có người đến đứng bên cạnh thùng xe, sẽ phát giác ngay cái đầu lộ lên của chúng tôi. Tôi nằm xuống trước, Mộng Huyền nằm xuống sau. Hai bên có rơm hay thứ gì nệm chạt cứng nên chúng tôi bị dồn vào khoảng giữa, nằm thật sát bên nhau. Chờ chúng tôi nằm yên đầu vào đó rồi, bác trai lấy hai bó rơm khá lớn, đặt nhẹ lên:

"Bác để rơm lên à nghe. Nhắm mắt lại, coi chừng bụi. Được chưa. Có che khuất trên đầu không? Không hả, không thì tốt, còn để thở cho thoải mái chớ."

Hai bó rơm đủ che khuất thân hình chúng tôi từ ngang cổ cho đến chân. Rồi chiếc xe bắt đầu lăn bánh lọc cọc.

(còn tiếp)

